

TRẦN HOÀI THƯ

ĐẠI ĐỘI CŨ

Trang Sách Cũ

TRUYỆN, TẬP VĂN, PHÒNG VĂN



THƯ ẮN QUẢN TÁI BẢN 2010

Trần hoài Thư

Đại đội cũ
Trang sách cũ

Thư ấn quán tái bản
2010

Đại đội cũ.Trang sách cũ
Tập truyện của Trần Hoài Thư
Thư Ấn quán tái bản
mùa đông năm 2010

*Hình bìa : Trung đội 1 đại đội 405 thám kích/
Sư đoàn 22 BB sau đêm đột kích mật khu Hảo Lễ
Bình Định năm 1969
(Hình chụp bởi cố vấn Hoa Kỳ (tử trận sau đó))*

Về một đại đội cũ

Kính dâng hương hồn anh Hồ văn Hoà

Trong đêm xứ người, nói gì về những người muôn năm cũ. Hai đứa chúng tôi như rung rung để nhớ về những đồng đội cũ của mình. Tôi hỏi anh Hòa về những gì anh biết về đại đội 405 thám kích. Bộ quân sử không nói về 405. (Nếu có, chỉ ba giòng trong trận đánh năm Mậu Thân). Quân đội miền Nam cũng chẳng bao giờ nhắc đến một 405. Nó vô danh. Nó đánh giặc không phi pháo dọn đường, không được yểm trợ tối đa như những lực lượng tổng trừ bị. Nó là những tổ 3 người, những toán 4 người, mang trên vai những ba lô với mười mấy ngày lương khô xâm nhập trong lòng mật khu. Thế giới của nó là những cánh rừng thâm u, những ngôi làng sâu trong rừng, những con đường mòn xâm nhập của địch. Nó không cần ai biết. Nó buồn như thế đó. Lạc loài như thế đó. Nó làm lì như thế đó. Nhưng tại sao, anh và tôi lại phải giữ gìn như giữ gìn những gì trân quý nhất ?

Viên cựu đại đội trưởng 405 TK nhắc lại một Y Đao như một con sóc rừng. "... Y nhanh lẹ không thể tưởng. Người y, khi mang ba lô 17 ngày lương thực, không thấy người, chỉ thấy cái ba lô. Còn hạ sĩ Nùng Lương văn Tướng, ông ta nói tiếng Việt vẫn còn lắp bắp, mặt lúc nào cũng làm lì.

Ông ta còn có biệt danh là ông Tướng *giải phóng*.

Tại sao là giải phóng, Thù biết không ?." "Thưa đại bàng, tôi không được biết". Tôi trả lời. "Số là hôm ấy, toán ông bị phát giác. Lính Bắc hỏi : Ai đấy ? Ông Tướng lính quỳnh trả lời: Biệt kích Giải phóng. Trời ơi, VC làm gì có biệt kích. Còn trung sĩ Tám, trung sĩ Khoái, trung sĩ Đặng, hạ sĩ Dự, hạ sĩ Lực, còn chuẩn úy Bùi Toàn Hảo, chuẩn úy Âu Hoàng Minh, chuẩn úy Phan Thái Gia, chuẩn úy Nguyễn Thái Lâm ..."

Anh kể như thuộc lòng. Đó là điều hiếm hoi cho một người đã trải qua rất nhiều đơn vị. Nó chứng tỏ đại đội 405 là một dấu ấn đậm sâu vào tâm trí của một người lính cũ. Nó chứng tỏ, anh đã có một nơi để tự hào trong đời binh nghiệp của anh.

Rồi anh Hòa nhắc lại hạ sĩ Y Brep và hạ sĩ Ba. VC trời lên đánh cận chiến. Thành Y Brep quật Thompson bảo vệ anh, thành Ba xô anh xuống hố. Và kết quả, Hạ sĩ Ba chết, và Y Brep bị mù một con mắt.

Tôi lắng nghe tiếng anh nghẹn lại. Vâng, tôi cũng vậy. Anh nói rằng, những người lính 405 anh hùng quá, dũng cảm quá, anh chưa bao giờ thấy đơn vị nào mà tất cả đều cùng một lượt xung phong lên đồi cỏ tranh, đứng thẳng mà tiến lên. Anh chưa bao giờ thấy một đại đội lại đánh tan tành một tiểu đoàn... Vâng, anh kể lại thời của anh từ 1963 đến 1964, và tôi kể lại thời của tôi từ 1967 đến 1971. Anh làm tôi nhớ lại hạ sĩ Đông mang máy truyền tin. Đông cũng công tôi mà chạy dưới bao lần đạn. Và ông Y Suk đã cứu tôi thế nào trên đỉnh Kỳ Sơn.

Tôi cũng muốn nói về cái uy danh của đơn vị, khiến lúc đơn vị bị vây khốn, ngỡ chừng như tuyệt vọng, nhưng địch vẫn không dám ulla ra cận chiến...

Đêm nay, quê người, và hơn 30 năm xa cách cho hai cánh diều hâu bỏ đàn bỏ tổ. Những giọt lệ bỗng nhiên lại thêm một lần chảy lạnh cả tâm hồn. Người sống nhớ về người đã chết. Người may mắn nhớ về người không may mắn. Nguồn cội từ một mái nhà được phanh ra, để cùng nhau tự hào và cũng để cùng nhau mà khóc thầm. Những con người, không bao giờ nhìn lên, mà chỉ nhìn xuống, cam phận. Có ai còn nghĩ đến họ. Nghĩ đến một người như hạ sĩ Ba chịu hứng đạn thù để cứu một đại đội trưởng, để anh còn sống, để anh được cơ hội nhận hai lần thăng cấp tại mặt trận chỉ trong vòng hai tháng từ một ông tướng khó nhất là tướng Đỗ Cao Trí.

"Thư à, lon mình không phải do tướng Đỗ Cao Trí gán mà là do hạ sĩ Y Brep, hạ sĩ Ba gán..."

Cám ơn anh Hoà đã nhắc lại thời kỳ đầu tiên của một đại đội. Khi tôi hỏi anh một câu mà tôi nghĩ là quá thừa: Anh nghĩ thế nào về đại đội mình. Bên đầu dây xa, giọng anh ấy trở nên phấn khích: Đó là một đơn vị chỉ biết chiến thắng. Anh kể lại những địa danh rừng núi. Những mặt khu, đặc khu. Những đồi tranh, và những trận đánh ác liệt. Anh lại kể lần tướng Đỗ Cao Trí, tướng Linh Quang Viên, đáp xuống ngọn đồi mà đại đội vừa chiếm lại giữa âm ầm tiếng pháo, và la liệt xác phe bên kia. Tôi cũng kể lại những nồi cơm mà Bắc quân bỏ chạy còn nấu dở, trong những đêm chúng tôi đột kích mặt khu ở Bình Định. Tôi nói suốt hơn bốn năm, đại đội không cho phép bất cứ một trái pháo nào lọt vào Bộ Tư Lệnh. Vì sao? Vì địch là ma,

ta cũng là ma. Chúng tôi cùng nhau cười ha hả. Anh lại nhắc đến công trạng của thiếu úy Đặng đức Thành, người khai sinh ra đơn vị Biệt kích Sư đoàn, tiền thân của đại đội 405 thám kích. Anh còn nói nhiều nữa. Chính cái cái khăn quàng đen mà tiểu đoàn 35 Biệt Động Quân mang là biểu tượng truyền thống của đại đội 405 Thám kích sư đoàn 22 BB:

"Thư à, mình phải kể cho Thư nghe, ngày về nhận tiểu đoàn 35 BĐQ, mình đã mang theo chiếc khăn quàng cổ của đại đội cho đơn vị mới."

oOo

Từ 405, anh Hòa đã mang chiếc khăn quàng cổ màu đen về 35 BĐQ. Từ 405, tôi cũng đã mang 9 tác phẩm văn học đến cùng đọc giả. Con số quá đủ cho một tấm lòng đối với bạn bè đồng đội của mình. Tôi hẹn với lòng, sau Mặc Niệm Chiến tranh là bỏ viết. Tôi đã gởi gắm những gì mà tôi cần gởi gắm. Nhưng bây giờ, tôi lại ngồi trước máy. Những lời của anh Hòa chẳng khác cơn bão xoáy lốc vào tâm não. Một đằng, tôi cảm thấy mình thật hãnh diện, bởi vì tôi đã có mặt tại một đơn vị đã từng tạo nên một thành tích kỷ lục có một không hai trong QLVNCH. Không có một ai trong bất cứ đơn vị nào được tướng Đỗ cao Trí thăng cấp hai lần trong vòng hai tháng ngay tại mặt trận. Có người gọi tôi là diên khùng. Có kẻ cho tôi là ái quốc lãng mạng. Vâng, quả tôi diên khùng thật. Nhưng bây giờ tôi phải cảm ơn về cái diên khùng này. Nhờ nó tôi mới hiểu cái tàn bạo của con người, của chiến tranh, của hận thù, và những tay chỉ biết xúi tuổi trẻ ra chiến trường để chết thê, và nhất là một khi

tuổi trẻ muốn bày tỏ những ước mơ chân thật của mình thì bị gán cho những danh từ như phản chiến, hèn nhát, trong khi chính những kẻ ấy là co rúm hơn ai hết. Chính nhờ nó, tôi mới hiểu cái cảm nín chịu đựng của những người lính bộ binh trong một thời chỉ con ông cháu cha mới được sống. Chính nhờ nó tôi mới cảm nhận được thế nào là tình đồng đội cũng như nỗi kiêu hãnh của những người lính tác chiến.

oOo

Phải. Không tự kiêu sao được khi đám lính khăn choàng đen huy hiệu điều hầu vờ mồi đã làm địch Bình Định kinh hồn bạt vía. Chúng tôi đã áp dụng tối đa chiến thuật dạ kích. Anh bạn, tôi xin nhắc lại, nếu địch là ma, thì ta cũng là ma, tại sao mấy ngài chỉ huy cao cấp chỉ biết cái chiến thuật nhà giàu, ngày đánh, đêm về phố nhảy đầm hay ngủ với vợ. Tại sao các ngài không thành lập những đội quân chuyên đánh đêm, hay đổi lại chiến thuật đánh ngày sang đánh đêm. Địch lợi dụng bóng tối tại sao ta lại không lợi dụng bóng tối để đột kích mật khu, phá nát hậu cần, gây cảm giác lo âu kinh sợ cho đối phương, bắt đối phương lúc nào cũng hoang mang giao động ? Tại sao cứ chơi trò đóng đồn phòng thủ, chờ chuông báo tử.

Chuông báo tử. Những hồi chuông đã kéo hồi hả khắp cả miền Nam, và bóng u minh đã òa chụp xuống từng người, từng thân phận. Không phải vì ta hèn. Chưa có một đội quân nào trên thế giới này, thua trận, nhưng lại tự hào cùng hàng ngũ, cùng màu cờ sắc áo như quân đội miền Nam này. Không phải một ngày, một tháng, mà cả đời. Chỉ có những kẻ trong

cuộc mới hiểu và thấm thía được nỗi tự hào. Và đó là lý do cất nghĩa tại sao tôi lại phải viết hoài, viết không mệt về màu áo cũ của mình.

oOo

Viết về một đơn vị, để mà tự hào, nhưng riêng tôi lúc này còn để hối hận. Bởi vì, ngòi viết của tôi chưa bao giờ có một nhân vật như Y Brep trên trang giấy. Và tôi cũng chưa bao giờ mời ông Tướng giải phóng, trung đội phó của tôi một cốc rượu, một lon bia. Ông ta anh hùng như thế, dẫn toán vào mặt khu, hù lính Bắc quân, thế mà mỗi ngày vẫn chào tay tôi, trình diện tôi, giúp đỡ tôi, nâng bước chân tôi lên trên những bãi chiến trường sôi bỏng. Thế mà tôi không có cả một lời. Và dù có viết, thì dám kiểm duyệt ở Sài Gòn lại bôi đen chữ Tướng viện dẫn tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó. Vâng, tôi đã vô tình quên họ, những người lính của trung đội tôi như Y Dao, Nay Lat, Y Suk, như Nha, Vọng, Tròn, Hường, Nai, Lợi, Ký, Mễ, Ứng Luông. Tôi chỉ bận tâm đến bản thân tôi. Tôi chỉ tìm mọi cơ hội để được thăng quan tiến chức, hay để được thoát khỏi địa ngục trong lúc họ vẫn tiếp tục cùng chiếc poncho, hay lon cơm gạo sấy, coi đơn vị là mái nhà vĩnh viễn của mình mà không một lời ta thán.

Về những trang sách cũ

Cuối cùng sau hơn hai mươi năm, tôi mới có thể thấy lại những đứa con thất lạc của mình. Không phải tại quê nhà mà tại thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ. Về *Thành. Ngựa Nắn Chân Bon. Sông Sâu Cũng Lợi. Khu Chiến. Nụ Hoa Vàng của Ngày Tình Si. Cánh Diều Trên Đồng Cỏ*. Những số Văn chủ đề Những Cây Bút Trẻ, Phụng Trọng Thành Nội. Những tên tác giả nằm bên nhau. Trang giấy cũ mốc, vàng sạm. Chữ nghĩa chi chít. Để mỗi lần đọc lại tên, là mỗi lần nhớ bạn bè, bằng hữu. Mừng Mán, Hạc Thành Hoa, Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Cao Hoàng, Ngụy Ngữ, Phạm Ngọc Lư, Lê văn Trung, Doãn Dân, Chu vương Miện, Luân Hoán, Thành Tôn, Thái Tú Hạp, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Lâm Chương, Phạm văn Nhân, Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Nguyên Minh, Chu Trầm Nguyên Minh, Trần Như Liên Phụng, Tô đình Sự, Kinh Dương Vương và còn nhiều, nhiều lắm. Những người đã từng làm nền văn học miền Nam cực thịnh, lầy lùm. Và bây giờ, họ ở đấy như những dư niệm ngậm ngùi qua hồn sách vở, như thể bãi tha ma. Và có tôi, ngồi yên, trong lòng một thư viện xa lạ đến độ không ngờ.

Vâng, hãy cho tôi trở về cùng những ngày tháng cũ.

Chiếc bè đã đưa tôi vào dòng văn chương không phải đẹp và dịu dàng như một giấc mơ. Mà trái lại, văn chương bấy giờ là văn chương của lửa, lệ, và những gào thét, tra vấn, tử sinh. Văn chương bấy giờ là những ngày đêm trong lòng hỏa ngục, là những vết thương toé máu đốn đau, là tiếng kêu trầm thống của một thế hệ mà, nói theo ý Tolstoi, chỉ những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến, còn phần chết thì dành cho bọn thanh niên. Nó là văn chương mà yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét, chứ không phải từ cửa miệng đầu môi của những lãnh tụ, đồ tể chiến tranh, hay từ những môi miệng tuyên truyền tâm lý chiến. Đó là văn chương đích thật, bởi vì từng hơi thở, từng giọt lệ, từng cay đắng, thù hận, từng nỗi buồn rầu già trước tuổi đã cấy đã hàn theo từng chữ. Chúng tôi tự hào đã nói tất cả những gì chúng tôi muốn nói, muốn nghĩ, muốn tra vấn. Chúng tôi đã tạo nên những trận sấm sét phá sập nền văn chương thấp ngà. Chất liệu văn chương của chúng tôi không phải là từ đơn đặt hàng của chế độ, hay những món hàng làm dáng du nhập từ ngoại quốc mà là sự thật bằng trái phá, bằng mồ mả oan khiên, bằng những người như chúng tôi bị nướng thiêu trong lò lửa chiến tranh.

Vâng, chúng tôi tự hào đã dám nói, dám viết. Vì sao. Thứ nhất là chúng tôi là những người lính đánh giặc thật sự. Chúng tôi không nằm đằng sau, để mà phải run sợ cấp trên khi cầm ngòi viết. Chúng tôi không phải lèo lái, gởi trao, nói bóng gió khi viết. Một bài văn gởi về Sài Gòn đều mang theo dấu hiệu của chúc thư. Và dĩ nhiên đâu phải dễ gì để chen chân giữa những tay cai thầu, những ông chủ bút chỉ biết

nhìn tên tác giả. Chúng tôi viết cuống cuồng, viết hối hả, viết như sợ sẽ không còn được dịp để viết được nữa. Trời ơi, văn chương như thế ư. Văn chương gì mà bi thiết như vậy. Văn chương gì mà không có bàn để kê giấy, không có nhạc êm dịu để mà lắng đọng tâm hồn, không có bàn máy đánh chữ, ống vó để mà làm nên cung cách. Văn chương gì mà một cuốn vở, chục trang giấy trắng nhét vào túi áo trận, và xung quanh là lửa, là bất trắc.

Văn chương gì mà rờn rợn tử sinh:

Địch cho trung đội qua eo chết

Hai bên sườn đại liên đan nhau

Nổ. Nổ dòn

đất đá kêu đau

Sủi bọt

Khói bốc lên

Bốn bề dội vào vách xám

Một hai ba lộn nhào co quắp

Còn lại vẫn ào lên, ào lên

Đừng bò ! đừng bò !

Trung đội phó hét cuống điên

Cỏ tranh bắt mồi cháy mạnh

Gió tạt khói mù

Bốn bề khói rợp

Xé cay trên cặp mắt nổ tròn

Khấp bốn bề gào thét xung phong !

(trích Qua sông mùa mặn chín, thơ THT)

Trong cõi lặng yên đầy cảm động, tôi đọc lại từng bài của mình và của bằng hữu cũ. Những chữ nghĩa

của một thời. Những thiết thân không rời, mà mình đã vô tình ruồng bỏ. Quả tội nghiệp cho những đứa con tinh thần của tôi. Bấy lâu chúng sống hẩm hiu, nương nhờ vào lòng thương yêu của dân tộc người, thế mà tôi lại không biết. Tim tôi phải oà vỡ những niềm cảm tạ.

Trang sách cũ. Một thời nào yêu dấu được mang đi qua từng hàng từng chữ. Tôi đang nhìn lại thời ấy, và đang đọc lại thời ấy. Cái thời mà văn chương nâng tôi đi, trong khi chiến tranh, cái chết kéo nặng tôi xuống. Cái thời mà chỉ nghe đến tên mà bạn bè ngỡ như thân dấu lấm. Cái thời viết có người đọc, có niềm vui và an ủi. Cái thời trang bản thảo nhòa nhạt bởi mồ hôi và mưa, và cả lệ máu. Cái thời mà mỗi đầu tháng, là mỗi lần gặp lại nổi náo nao khi thấy những giòng, những hàng chữ của mình in trên trang giấy và bay đến mọi người hay nổi háo hức nhận một tạp chí từ Saigon theo trục thăng ra tiền đồn, hay mặt trận còn nóng hổi. Cái thời tác giả và độc giả nương tựa thủy chung. Cái thời người viết phải viết trong hầm, trong poncho trùm kín, dưới ánh đèn pin quân đội. Cái thời mỗi bản thảo gởi về xem như chúc thư. Cả thế giới này, cả quả địa cầu này, cả ngàn năm tra vấn có nơi nào như ở đây, có cây bút nào, vừa đi đánh giặc lại vừa viết văn làm thơ như chúng tôi?

Như vậy, cuối cùng, là những trang bản buồn đến chảy nước mắt này. Chúng may mắn được nương tựa nơi xứ người. Cũng như tôi, may mắn có mặt để có ngày tìm lại những đứa con bị thất tán. Còn những người không được may mắn thì sao? Trời ơi, cả một thế hệ chưa đến độ phải quá trăm năm để trở thành

hồn ma, mà sao bây giờ như thể hồn ma xiêu lạc. Nắng tàn ngoài cửa sổ. Những cột khổng lồ vươn lên cao như kiến trúc La Hy, và những dãy bàn dãy ghế bằng gỗ quý, bóng nâu. Sách vở ngủ. Hay sách vở thức? Văn, Bách Khoa, Văn Học, Khởi Hành, Thời Tập, Trình Bày, Vấn Đề, Tiên Phong... Chỉ một đêm, hai đêm, một tuần, hai tuần, là ngọn lửa bốc lên. Khắp nơi. Khắp chốn. Từ đầu đường, xó chợ. Từ trường học đến phường khóm. Và, khi biết thì quá muộn. Lửa đã thiêu rụi rồi. Vô ích.

oOo

Hôm nay, sau hơn hai mươi năm từ ngày bỏ nước, tôi nhận được món quà của một người độc giả từ Tân Tây Lan. Món quà là những trang văn thơ cũ và cả cuốn Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi xuất bản vào năm 1973. Anh viết như sau:

Tôi kèm bản photocopy các truyện ngắn và thơ của anh(trừ bài thơ Chiều qua ả của anh Hoàng Ngọc Châu tặng anh) tôi còn giữ được. Hai số Bách Khoa(373 & 374) đang truyện Bóng Tháp bị tịch thu (tôi chụp lời cáo lỗi trên số 375). Tôi may mắn giữ được 2 số này nhờ ông Lê Ngọc Châu gởi riêng. Riêng bài Người Chờ Đợi bị đục bỏ, ông Châu có cho tôi nhưng sau 75 bị mất. Tôi chỉ giữ được 2 số Tiên Phong có bài của anh. Tiếc là bài Khởi Hành in "lem" quá. Bài thơ Mai Em Có Về, Tổng Hội Sinh viên Việt Nam tại Paris phổ nhạc lấy tựa Mai Anh Có Về. Không thấy ghi tên người phổ nhạc.

Trong bảng liệt kê tác phẩm xuất bản sau 75, tôi thấy sót quyển Đêm Dài xuất bản năm 1982. Tháng 7/82 có dịp mua ở Cali, mới đọc sơ qua, bị ai đó cầm nhầm, nên bây giờ tôi chỉ còn mẫu quảng cáo. Tôi nhớ nội dung là tâm trạng người miền Nam đêm 30/4/1975.

Xin anh giữ quyển Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi làm kỷ niệm một thời ở quê nhà trước 1975. Tôi đã giữ hơn một phần tư thế kỷ...

(thư ngày 12 tháng 2 năm 1999)

Con đường

Con đường chia ra hai miền. Háo Lễ, Nho Lâm, Tân Dân, An Cửu và cái dãy núi Bà u ám, trọc lóc, như vùng đất nghèo nàn, nứt nẻ mà anh đã qua, có khi nào anh trở lại. Ngôi chùa Háo Lễ Đông, Xóm đạo nhà thờ Tây, những cái hồ sen, cá trắng phơi mình trên mặt nước, những chòm hoa phượng thắm đại, ngất ngây dưới nắng. Hết rồi, buổi mai, hết rồi buổi chiều... Ra đi, tấm áo vải, rách, bạc màu trên thân thằng bé, giữa một trời lửa đỏ, và đạn reo.

Buổi sáng anh trở lại, súng nổ ầm ầm, anh chạy anh xung phong, anh cúi xuống uống hứng hực bị đông nước, anh hét anh gào cuồng nhiệt. Và buổi trưa anh dừng quân, có những cơn gió Nam, cuốn lốc, mang theo hơi lửa của mùa hạ, anh như một kẻ điên khùng, cởi áo, luồn ra sau nhà, ngồi dựa vào ụ rơm vàng, giữa đám tre đang kêu lên kiu kịt. Con trâu mẹ, mới sinh con, ở trong chuồng đôi mắt lông lên sòng sọc, và đôi sừng sần sần bóng về những người chung quanh. Đây là địa đầu của một phạm vi xanh trên bản đồ hành chánh quận. Đây là một xóm quê muộn phiền. Ngay đến đứa bé, đang đứng co ro, mũi chảy lòng thông như hai con đĩa, cũng gây cho anh một nỗi

khốn khổ, buồn chán. Anh tìm vào một ngôi nhà ven con đường mới đắp, ngôi nhà của một mẹ con tản cư. Buổi trưa, nhà kín gió, nắng chói lòe ngoài khung cửa. Đám ruồi vo ve trên sân đất thịt. Hai bàn thờ phủ nhiều đồ, bất động trong góc tối. Chiếc giường tre, cũ kỹ, bên vách tường. Đằng sau nhà, là bà già đang làm những tấm tranh. Bàn tay bà thành thạo đan lên, đan xuống, kẹp những cuộn rơm một cách gọn gàng. Lưng bà còm cõi, như đã chịu đựng bao nỗi đau khổ trên mình. Anh ngồi bên cạnh, hỏi thăm. Nhưng anh biết, anh hỏi cũng vô ích. Vì cuộc đời này, với bom với đạn, với nhà cháy, với tản cư, với chết chóc... Sự cùng khổ của dân quê, ở đâu cũng vậy. Có khác gì đâu. Bà già, sau cùng anh mới biết là người trong xóm cũ. Dựa vào vách đất, anh nghe bà kể lại những gì sau mười tám năm anh ra đi. Những giọt lệ già, long lanh trên đôi mắt lem nhem. Mái tóc bạc phát phơ. Và cái dáng còm cõi, vẫn âm thầm trong khoảng không gian tối sáng. Buổi trưa bốn chiếc phản lực bay làm hai phía... Bà nhìn bên anh, hỏi: chừng nào có hòa bình, anh đã cúi đầu, không trả lời. Rồi sau đó anh đã đi kiểm soát một vòng toán quân của mình chung quanh. Khi anh bước vào nhà thứ nhất, lính bảo con nhỏ đó, chồng chết. Khi anh bước vào ngôi nhà thứ hai, lính nói con mẹ đó, chồng chết... Khi anh bước vào ngôi nhà thứ ba, cha thằng bé đó đã chết. Anh dụi mắt, thần thờ nhìn ra cánh đồng nức nẻ đằng sau, dày đặc đến những xóm tan hoang che mờ bằng những bụi rậm, những kênh rạch, anh nhận rõ những nhánh hoa phượng ẩn hiện trên nóc giáo đường. Những nhánh hoa phượng thật lẻ loi giữa một màu xanh bát

ngát.

Ngay ở bên cạnh ngôi nhà anh dùng làm nơi đóng quân phía bên kia con đường mới làm này, người ta đã thấy rõ sự bất lực của ông quận trưởng. Ngôi trường mái tôn, ba căn phòng đó, đã bị những vết đạn loang lổ, chi chít. Và vách tường, thì viết đầy khẩu hiệu, hoan hô đả đảo. Hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ thám kích ngày 19 tháng 6. Được xóa bằng chữ hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ giải phóng quân... hay đả đảo Mỹ Ngụy. Nắng đã lên gắt, và con đường cứ mỗi lúc bị những lớp bụi đỏ cuốn xoáy mịt mù, theo những cơn gió Nam cuồng bạo. Nắng chiếu nhức nhối trên những mái tôn.

...Vào một ngày nào đó, toán áo đen từ mặt khu cách con đường không bao xa, đã bắn B.40 và trường, để cảnh cáo toán Nghĩa quân trong ấp... Và kể từ đó, toán nghĩa quân bắt đầu rút lên trên những ấp an ninh; để lại những ông thanh niên chiến đấu già nua, ốm yếu với súng trường, hay carbine M1, chiến đấu một mình. Yên lắm, ở đây yên 100%. Ông quận đã chỉ gây lên trên bản đồ. Những ấp ven con đường, đều được bình định. Có ấp trưởng, có nhân dân tự vệ. Bởi thế, quận tôi cần một con đường, để nâng cao kinh tế, để làm vòng đai quân sự, để thu hoạch khả quan những vựa lúa phì nhiêu. Quận chúng tôi bảo đảm với quý vị. Nhưng ông chưa bao giờ dám lái xe một mình đi trên con đường ông kêu gọi phát triển, nếu không có đám hộ tống hùng hậu và nếu không có chiếc trục thăng của Mỹ. Con đường được làm ra, được dành cho một ngân quỹ hùng hậu mấy chục triệu do một

đơn vị Công binh đảm trách. Ban đầu, vị tiểu đoàn trưởng đơn vị công binh tin tưởng thực sự... Các ông yên chí, ông quận trưởng nói, dọc theo con đường, lính chúng tôi nằm dài, để bảo vệ cho các ông làm. Yên chí, chừng một tuần lễ sau, những phát đạn các bùm, từ các bờ bụi vô danh, những trái lựu đạn gài trên đường, dưới cống trong đêm đã làm cho ông tiểu đoàn trưởng giựt mình, thót bụng. Và kết quả, nửa tháng sau, một đoàn xe bị phục kích khi trên đường trở về... Ông tiểu đoàn trưởng giận run, hồng hộc vào quận, kéo ông sĩ quan ban ba Chi khu... anh bảo có lính nằm đường, lính nhiều lắm, mấy trung đội Nghĩa quân, Địa phương quân anh bảo đảm với tôi như thế hả ? Anh theo tôi, tìm xem có mấy tên Nghĩa quân nằm đường... Chiếc xe Jeep vọt đi, ông sĩ quan ban ba, run rẩy, vào từng ấp, gọi loa, la làng, cuối cùng, vài tên Nghĩa quân, mang dép Nhật, co ro trình diện... Đ.m tụi mày, ông đánh bỏ mẹ, ông phạt... Những tên Nghĩa quân, mặt mày tái mét, nói: Chỉ có mấy đứa em. Thế cả mấy trung đội, chỉ còn mấy mống này thôi à ? Dạ. Ông tiểu đoàn trưởng cười gằn: anh không biết Nghĩa quân ma sao... Thực nhiều lắm, nhưng mà, ma hết... anh về Qui Nhơn xem, chủ tiệm vàng, chủ tiệm đồng hồ, chủ tiệm radio, mấy dân đi xe thồ... anh tưởng vào Nghĩa quân dễ lắm sao, 50 ngàn. Ông đại úy ban ba chi khu van lạy: Xin Thiếu tá thương tôi, tôi từ miền Nam, bị đày ra đây. Cho tôi được bình an hai chữ với vợ con... Tôi lạy thiếu tá. Ông tiểu đoàn trưởng la lên: Chẳng thà anh nói thế. Chứ đừng gạt chúng tôi. Các con tôi chết cũng vì anh. Đời nào anh đi cho biết tình hình; anh chỉ nghe báo cáo... Sau đó

ông tiểu đoàn trưởng xin Bộ tư lệnh Sư đoàn tăng phái một đơn vị thám kích để bảo vệ an ninh cho các toán công binh làm đường. Ông đã lắc đầu, chán ngán. Trước sau con đường này, cũng bị phá. Trước sau những chiếc cầu đúc xi măng này cũng bị sập vì mìn, và trước sau, mấy chục triệu cũng trở thành mây khói. Ông biết vậy, ông đại đội trưởng đại đội C. Công-binh cũng biết vậy. Họ biết, như anh biết. Nhưng họ vẫn làm. Vì con đường đó, đã có ngân quỹ quốc gia đài thọ. Không ai cần bận tâm, thắc mắc. Chỉ có đám lính này. Bởi vì chính họ phải đối diện với sự thật và gánh oan khiên của sự thật.

oOo

Con sông Gò Bồi, vẫn lặng lẽ chảy. Hôm nay đã nửa tháng từ khi đơn vị anh được tăng phái bảo vệ con đường. Anh dựa lưng vào gốc cây cổ thụ, súng kê bên cạnh, mắt lim dim. Tiếng xe lam vang rền từ phía chợ. Và dưới sông, những chiếc dò máy xuôi ngược cho ngày chợ phiên. Những người lính ngồi nhìn quang cảnh, cười nói rộn ràng. Lòng anh tự dưng nẩy nở niềm vui vô cớ. Từ ngày có sự có mặt của bọn anh, con đường như hồi sinh trở lại. Từng niềm vui nho nhỏ cứ theo về. Như là mỗi buổi sáng người lính nghe được tiếng chuông nhà thờ vọng về ngân nga sau một thời gian biệt âm. Và trên con đường đã bắt đầu xuất hiện những chiếc xe lam chở hành khách hay tiếng nói cười xôn xao của những đám người đi chợ sớm. Và dưới dòng sông, là những dò thuyền tấp nập xuôi ngược.

Nhưng mà, sự hồi sinh này sẽ tiếp tục được bao lâu. Anh không biết.

Bởi vì một ngày nào đó, đơn vị anh sẽ rút đi, sẽ được tăng phái đến một nơi khác. Rồi khúc phim xưa có lẽ sẽ tái tục. Rồi lính ma, lính kiểng, rồi báo cáo láo, rồi những tín hiệu đau lòng sẽ được đánh về Trung tâm hành quân. Rồi những người thanh niên chiến đấu già nua ho hen, súng carbine, súng trường, trốn chui trốn nhủi. Rồi đường sẽ bị đào, bị xới và cầu sẽ bị phá. Rồi ăn thua gì, có ngân sách quốc gia, có tiền Mỹ viện trợ. Không biết ngày ấy anh có thể trở về bình yên nơi chốn cũ, bằng một chuyến xe lam, để thăm lại ngôi giáo đường có cần ăng ten cao vút, có những nhánh sứ, khô tróc vỏ nổi lên trên nền trời mây trắng như ngày hôm nay hay không.

Về sáng

Buổi sáng sớm, tiểu đội rút về khi trời hãy còn tối. Những đốm lửa bắt đầu loé lên trong một không gian lạnh. Những đốm lửa vội vàng, như đây thềm khát. Một vài vì sao vẫn còn hiện lên, như những tinh cầu lẻ loi còn sót lại sau một đêm dài. Định mang dây nịt đạn, đầu óc vẫn còn trĩu nặng. Quần áo vẫn còn đầm đề nước, chàng đứng co ro đợi tiểu đội vượt qua mặt. Những ngôi mộ đã bỏ lại đằng sau. Chàng ra lệnh toán lính di chuyển theo con đường khác, để tránh mình bấy địch có thể gài hời đêm. Lòng chàng bỗng nhiên hạnh phúc rộn ràng. Lại thêm một đêm bình an vô sự. Đêm qua chớ sửa ít hơn. Trái sáng cũng bắn lên ít hơn. Định nhìn về phía xa, ước đoán quãng đường trở về đồn binh. Quãng đường đối với chàng quá chừng quen thuộc. Từ cây đa già bên ngôi đình làng đổ nát. Từ ngôi nhà có ba cô thôn nữ chưa có chồng. Rồi ở cuối ấp là ngôi nhà tranh ẩn khuất trong khu vườn cây lá xum xuê, có người học trò trường quận, xinh đẹp thùy mị. Chàng bước đi như thể để cả thân xác mình lê trên đường đất, và đầu óc vẫn còn ngầy ngật trong giấc ngủ còn dang dở. Trời vẫn còn tối. Đám lính đi như chạy khiến chàng phải cuống quýt. Chàng muốn la lên chậm chậm lại chúng mày, nhưng chàng không dám thốt lên. Hạ sĩ nhất Cày không nói nên một lời.

Chắc ông ta đã hết say rồi. Chàng thân mật bắt chuyện: Này ông Cày, ông còn say hết? Hạ sĩ nhất Cày được dịp phân trần: Nói thật với ông thầy tui cũng uống chút đỉnh. Nhưng tui thấy bọn nó hèn nhất lắm. Lợi dụng say ở nhà, tui tức. Ông thầy lại không chịu phạt. Chàng la lên: Nó say, nó mửa, sao bắt nó đi được. Nhưng rõ ràng chàng tự biết mình còn nhiều tình cảm quá. Nhớ lại hồi đêm, với lều tèo mười người lính nằm giữa một vùng địch, chàng phải rùng mình. Chàng bước vội vàng cố theo kịp đám lính đi đầu. Những ngọn đèn pha của trại binh sáng mờ mờ như mời gọi trong sương. Đến bờ sông, toán lính đã cởi giày và áo quần. Mùa nước cạn, con sông lộ những bãi cát giữa giòng. Một vùng sương muối ngập ở bên kia sông. Gió buổi sáng, mang theo hơi lạnh buốt. Màu sáng mờ ảo của một ngày bắt đầu ấp ửng trong màn sương trắng. Chàng vẫn để cả bộ đồ và giày, co ro lội xuống nước. Nước lạnh lạ lùng. Giòng sông bị khuấy động bởi những tiếng cười la rộn ràng, lan dần như những niềm vui nho nhỏ, khiến lòng chàng như dấy lên những nỗi hạnh phúc bất ngờ. Chàng cứ ngỡ mình là một đứa bé hồn nhiên và trong sáng.

oOo

Ngọn đồi thật cao, đắm chìm trong biển sương trắng toát. Chàng bảo toán lính lên đồi trước, rồi tìm hiên chùa dưới chân đồi, cố ngủ nán thêm một giấc nữa.

Trong giấc ngủ níu kéo sau một đêm thức trắng, vào một lúc nào đó, chàng bỗng nghe tiếng chuông chùa lẫn tiếng kinh kệ vang lên. Tiếng kinh lâu lắm chàng mới được dịp nghe lại, trong giọng ngân ê a,

đường như mang theo cả tiếng thở dài than vãn của người tụng, khiến chàng muốn chảy nước mắt. Đòi lại khổ như thế ư. Sống để làm gì để cứ nghĩ hoài đến sinh lão bệnh tử. Gió từ sông lọt vào, khiến chàng phải co rúm trong chiếc áo mưa trận. Chàng bỗng nhớ lại tiếng loa hồi đêm. Tiếng loa từ bên kia sông, mất còn lúc vàng trăng vừa lên giữa đỉnh. *Bọn hung thần thám kích ác ôn nên hối hận trở về với nhân dân*. Tiếng loa ấy và tiếng kinh này. Quỷ sứ ma vương thách thức và Phật Chúa dịu dàng cảm lặng trong bốn vách cung nghiêm. Ai thắng ai bại. Ai nghe và ai cảm. Trời ơi, lay Phật, cho con thú một lời hoài nghi. Lời Phật dạy, tiếng chuông, tiếng mõ chỉ vang vọng trong cõi nhỏ bé này. Làm sao những điều dạy của Ngài được bay qua bên kia sông, được nhập thành bão, để cuốn lốc những thù hận, những xấu xé, những con tim ác độc, để thanh niên hai miền cùng nhau vất vũ khí, bỏ ngũ, cùng nhau nổi dậy đòi lấy quyền được sống. Lay Phật, con không hiểu, trăm lần không hiểu. Sao Ngài không đánh thức chúng, khiến chúng phải cạo đầu, đập đầu xuống nền đá cho đến phun máu để ăn năn sám hối. Sao Ngài cứ dạy con người phải từ bi, tha thứ trong khi đó kẻ thù thì chỉ biết giết, giết và giết. Trời ơi. Tại sao không cuồng tín như kẻ thù. Tại sao lại không hể hả cùng giòng suối máu vọt từ tim, từ ngực của kẻ đối phương. Chàng nghĩ hoài, và cảm thấy đau khổ ở câu hỏi không có câu trả lời. Như vậy, lại thêm một khối đá nặng nề nữa mà một người lính miền Nam phải chịu đựng, phải gánh gồng trong tim trong óc.

Người hạ sĩ nhất

Trung đội đã di chuyển theo lộ trình mới khi họ tiến vào ấp. Sau cơn mưa ban chiều, hoàng hôn trở về sớm hơn mọi bữa. Bầu trời thấp xuống đầy mây xám. Định nghĩ đêm nay có lẽ trời mưa. Chàng hơi băng khuâng nhìn lên bầu trời, rồi hỏi hạ sĩ nhất Cày - người lính mang súng phóng lựu : " Này ông Cày, ông xem đêm nay trời mưa không nhỉ ? " Ông Cày nhìn lên trời có vẻ lo lắng: "Đám đêm nay mưa lớn lắm. Thật là khổ, mình xuống đồi thì trời lại mưa. Chẳng biết ông trời ông ghét mình cái gì chớ." Định vẫn yên lặng. Họ nói thì mặc họ nói. Họ than thở thì mặc họ than thở. Chỉ cần họ tuân hành, thế thôi.

Những bước chân đang bước nặng nề trên đám ruộng đầy bùn, cỏ, gồ ghề. Chiều nay Định đã ra lệnh trung đội đi về ấp bằng một lối đi khác, không phải là con đường dê như thường lệ nữa. Chàng lo âu về những quả mìn, hay lựu đạn mà địch đã chôn hay cài. Kinh nghiệm này là kinh nghiệm máu xương từ ngày chàng nắm chức trung đội trưởng. Địch không phải ở trong rừng hay trong mật khu. Địch cũng chẳng chờ sẵn bên kia phòng tuyến. Trái lại, địch là ma quỷ, rình mò toán quân từng bước. Địch biết rõ thói quen của đám lính. Nghỉ ngơi chỗ nào. Đóng quân chỗ nào. Lối nào quân thường dùng để di chuyển. Chính thói quen là một tai họa ghê gớm nhất.

Có tiếng chửi thề của một người lính khi hấn té nhào vào một vũng nước bùn. Đằng sau, những tràng cười

đua vang lên. Bình Lạng la to:

"Cái thằng Nô này, mày làm gì thế? Đường cái không đi, mày lại đi xuống hố nước."

Nô lò mò ngồi dậy. Cả bộ quần áo trần dính đầy bùn. Không hiểu đêm nay hắn có thể ngủ nổi với bộ quần áo dầm nước hay không. Bên kia con rạch, hai gã đàn ông đang đứng câu cá. Định ra lệnh tên tiền sát viên qua hỏi giấy tờ. Giấy tờ. Cái công việc đặt nặng trên hình thức. Liệu dịch không có đủ giấy tờ hợp lệ sao. Dễ dàng quá mà. Bao nhiêu tiền cho một thẻ kiểm tra. Bao nhiêu tiền cho một thẻ trung bình hay miễn dịch. Nhưng phải làm. Ít ra cũng kiểm chứng được một phần nào kẻ nghi ngờ.

Tên lính trở lại, nói họ là nhân dân tự vệ trong ấp.

Định nói khôi hài:

"Cái ông già tóc bạc kia cũng là nhân dân tự vệ sao ? Nhân dân sợ vợ thì có"

Đám lính cười. Chàng cũng vui lây. Chàng quay lại hỏi ông Cày xin một liều thuốc. Hạ sĩ nhất Cày lễ nhè móc túi:

"Ruby đây, ông"

"Sang nhì"

Tổ tiền sát đã đến con lạch nhỏ, ven bìa ngôi ấp. Những bờ lau sậy che khuất, phủ dài mặt hồ phía sau. Bỗng tên lính đi đầu quay lại, đưa tay ra dấu tất cả nằm xuống rồi hắn ngoắc chàng lia lịa. Định nín thở chạy đến. Đằng sau, lính cầm súng chĩa ra bốn phía. Hà chỉ tay về phía hồ đằng sau bãi lau sậy. Định nhìn theo. Đôi mắt chàng mở tròn xoe. Một người con gái đang tắm.

Bên cạnh, giọng Hà hít hà:

"Da nó trắng ời là trắng. Ông chờ một chút coi nó đứng dậy."

Định cảm thấy lòng thật sự rung động. Người con gái

tắm sông trong hoàng hôn chẳng khác một tấm tranh tuyệt mỹ. Mái tóc của nàng bỗng cao lên đầu. Từ trên bờ đê chàng muốn rụng tim ngắm nhìn cả thân thể đang trằm mình dưới nước, chỉ để lộ đôi bờ vai trần. Ánh nắng chiều soi đỏ mặt hồ. Và hai tay nàng cứ khoác nước, như làm tung tóe cả ánh tà dương. Bên tai, giọng Bình Hà vẫn tiếp tục:

"Đứng dậy đi em. Đứng dậy đi em..."

Định nói với người lính tiền sát:

"Nho nhỏ một chút, coi chừng cô ta nghe."

Nhưng những người lính đang sau đã đi đến. Tiếng la của Bình Tư vang âm:

"Trời ơi, em tắm thật hấp dẫn quá ta."

Người con gái vội vàng bịt hai tay che ngực rồi ngồi xuống nước. Đám lính cười rộn rã. Hạ sĩ nhất Cày đứng ưỡn ngực trên bờ lạch, nói:

"Anh là Cày. Hạ sĩ nhất Cày này em."

Có tiếng khác thêm vào:

"Hạ sĩ nhất Cày 40 vẫn còn độc thân đó em"

"Hạ sĩ nhất Cày mồ côi vợ đó em."

Họ cứ đem ông hạ sĩ nhất tiểu đội trưởng tiểu đội Một ra mà đùa chọc. Ông có hàm răng vàng như thời công tử miệt quê. Ai nói gì thì nói, cứ nhe hàm răng vàng mà cười. Dù già rồi, nhưng bản tánh thật trẻ trung. Hễ thấy đàn bà con gái thì nhào đến trước tiên. Dù vậy, ông lại được tiếng là sợ vợ số một. Những người lính nói có lần vợ ông xách dao rượt ông chạy khắp khu gia binh.

Định cảm thấy vui lây. Những niềm vui nho nhỏ khiến người lính quên đi những hiểm nguy rình rập. Những niềm vui vô tội vạ, bên đời gian khổ, lẫn cùng máu và nước mắt.

Bây giờ đêm đã thấy mập mờ trên những cánh đồng.

Không còn thấy màu xanh của mạ non nữa. Một vài cánh chim lười biếng bay qua. Định đứng dậy dục:

"Đi bây. Tôi rồi."

Chàng muốn giúp cô gái không còn xấu hổ dầm mình dưới nước như thế mãi.

Hà nói:

"Em biết chỗ con bé rồi, thiếu úy"

Định la:

"Coi chừng, có ngày nó thiếu mày."

Ngôi áp đã hiện ra mập mờ sau các rặng tre dày đặc. Chàng khổ sở với ý nghĩ chọn chỗ kích đêm nay. Nên vào trong xóm tìm một hiên nhà để trú quân hay là nằm ngoài đồng trống chịu mưa chịu gió. Đứng lâu bên giữa đồng, trong khi đám lính đang dừng lại, yên lặng chờ lệnh của chàng. Bao giờ cũng vậy, trong chàng luôn luôn bị hai trạng thái tâm lý đối nghịch nhau câu xé. Một đảng là trách nhiệm. Một đảng là thương đám con tội nghiệp của mình. Trách nhiệm đã bắt chàng phải tàn nhẫn. Phải bắt con mình qua đêm từ gò mả này qua gò mả khác, hay ẩn mình trong nương rạch, ngòi ngóp trong đầm lầy, những chỗ lý tưởng nhất cho các cuộc làm ăn đêm. Trách nhiệm bắt lính chàng phải đội mưa thay vì chàng có quyền tìm một chỗ tránh mưa tránh gió. Nhưng ngược lại là lòng thương cảm những đứa con khốn khổ của chàng. Họ cũng muốn qua một đêm an ổn. Họ cũng ước được một chỗ nằm bằng phẳng không lồi lõm gồ ghề. Thật là bất công khi giờ này, người ta đang ung dung hưởng thụ trong thành phố, có gái đẹp, có vũ nữ, có tài xế cận vệ, trong khi nơi này những phận đời thấp hèn không ai biết đến, chỉ biết trách ông trời như hạ sĩ nhất Cày... Đâu có ai nghe được tiếng nói Dạ Lan, để mà cảm kích tiếng nói của người em gái hậu phương. Bởi thì giờ chỉ dành cho canh giặc, cho tai căng, mắt căng. Còn nữa. Giả dụ Dạ Lan có thương

anh chiến sĩ thật tình, bay đến tiền đồn heo hút để hát cho các anh nghe, thì các anh phải đi nằm xa, bảo vệ cho Dạ Lan được bình an mà hát, kéo sợ địch pháo kích. Nhất là những ngày hôm nay tình hình bỗng nhiên trở nên sôi động và trung đội phải đặt trong tình trạng ứng chiến liên miên. Ban ngày thì ba lô súng đạn lương khô sẵn sàng và ban đêm, nếu không bị bốc, thì phải xuống đồi kích giặc. Không có đêm nào người lính có một đêm ngủ ngon giấc. Có đêm Định chỉ chợp mắt được một vài tiếng đồng hồ. Ai vỗ ngực tự bảo rằng ta gan dạ anh hùng, xin hãy về đây để gối đất nằm sương một đêm. Để hiểu thế nào là tiếng chó sủa. Để biết được thế nào là chiếc trực thăng Mỹ pha đèn pha rọi xuống đám quân, có thể đưa đến tai họa ghê rợn. Đã xảy ra nhiều vụ bắn lầm. Và hai bên đổ thừa cho nhau. Sư đoàn nói là đã thông báo cho Bộ Tư Lệnh Đồng Minh. Còn Đồng Minh thì nói Bộ tư lệnh cho tọa độ sai. Không ai chịu nhận trách nhiệm. Chỉ có cách hay nhất là gọi máy về yêu cầu cứu viện. Rồi cầu nguyện, với con tim nghẹt thở. Cầu để tên xạ thủ trực thăng không ngứa tay, nã đại liên, phóng rocket.

oOo

Người lính truyền tin đã bắt đầu lên máy liên lạc về nhà. Giọng hần thì thảo. Những người đi ngủ đêm hồi hã vượt qua con đường đất, như chạy trốn một điều tai ương khủng khiếp. Định muốn chụp tay một ông già, để mà hỏi: "Sao ông lại chạy trốn. Ông già rồi mà. Bộ ông không tin bọn tôi hay sao?" Đám lính đã băng qua chiếc cầu tre nhỏ. Những bóng hình mập mờ trong ánh sáng ủa héo của một ngày. Những hàng cây vòng đồng rủ bóng sậm trên bờ kinh, phía sau trụ sở ấp.

Người hạ sĩ nhất đã quay lại hỏi Định:

"Đêm nay ông định nằm chỗ nào?"

Định không đáp.

Định bảo lính rút vào một ngôi nhà tranh, che khuất bởi những hàng xoài rậm rạp. Rồi chàng nháy người lính truyền tin: "Mày vác súng đi với tao. Tên lính cười thông cảm. Tôi biết ông đến với người yêu của ông rồi mà. Định dặn hấn: "Mày đừng nói với bọn nó." "Em không nói đâu ông. Em thấy cô ấy cũng đẹp đấy."

Rồi cả hai nhảy rào. Định thì bồi hồi mong được thấy lại người con gái quê mà chàng đã gặp trong buổi chợ quận. Còn Trí thì mong được chia xẻ cùng ông thầy hấn niềm vui mà chỉ mỗi một mình hấn biết.

Định đã thấy nàng đang ngồi bên giếng, giữa một vườn cải xanh thắm. Những bông cải vàng nở rộ. Cô gái dường như không biết có người lạ vẫn cúi đầu vo nếp. Định nhìn, muốn cắn vào bờ gáy trắng phau phơn phớt lông măng. Chàng vẫn đứng yên khuất sau hàng rào. Bỗng con chó vàng từ trong nhà chạy ra sủa rân. Tiếng bà già rửa con chó: "Quý nà, sủa bậy nà." Con chó vẫn cong đuôi sủa. Người con gái bây giờ mới chột nhìn lên, đôi mắt mở lớn ngạc nhiên. Nàng khẽ vén những sợi tóc mây rũ loà xoà trên trên trán, rồi lại cúi xuống như vô tình không biết người quen. Trí chào bà già thật lễ phép. Nó đang cố lấy cảm tình cho ông thầy của nó. "Thưa bác, rau tốt quá hè. Cải tốt quá hè....." Bà già nhìn sững Định một hồi. Trí chỉ tay về phía Định rồi giới thiệu: "Trung đội trưởng của con đó bác." Lập tức bà già rối rít xoa vội tay: "Mời trung sĩ vào nhà uống nước cái đã." Trí đứng chính: "Thiếu úy chứ không phải trung sĩ đâu thưa bác." "Dạ, mời thiếu úy vào nhà." Định lễ phép từ chối. Nhưng bà già đã kêu cô gái: "Gái, vô pha

nước đi con." Người con gái dạ rồi đứng dậy. Định làm bộ nói lớn để cô gái nghe: "Dạ làm phiền cô và bác." Chàng thấy nàng cười mỉm. Lòng Định lại càng nôn nao hơn bao giờ.

Bây giờ, người con gái đang múc nước tưới vườn rau. Đôi ống quần đen của nàng xắn lên để lộ hai bắp đùi trắng như mỡ sa. Định tiến đến bên giếng, hỏi vợ vắn:

"Cải này để Tết làm dưa phải không cô?"

"Dạ vừa làm dưa vừa để bán."

"Tết cô cho tôi về ăn Tết với cô, được không?"

"Sợ thiếu úy chê nhà quê nghèo."

"Không. Tôi nói thật mà. Bộ cô tưởng tôi không phải là dân ở nhà quê sao?"

Và Định cười lớn:

"Tôi gánh nước tưới rau một cây."

Người con gái cười lộ lúm đồng tiền:

"Thôi mà thiếu úy. Bà xã của thiếu úy để đâu mà thiếu úy phải gánh nước."

"Bà xã của tôi chết rồi. Tôi muốn kiếm người khác mà ai cũng chê tôi hết."

"....."

"Bác trai đâu rồi cô?"

"Cha tôi ông đi ngủ đêm rồi."

"Ờ đây yên mà..."

"Tại ông sợ. Nơi này sống khổ lắm. Tôi không ai dám ngủ nhà. Đau cũng không dám ra bệnh xá quận nữa."

"Đêm nay cô yên chí ngủ với má."

Cô gái xịu mặt:

"Thiếu úy cứ chọc em hoài."

Tâm hồn Định trở nên ấm áp lạ lùng. Chàng không còn biết đến vị trí của chàng hiện tại nữa. Chàng muốn ôm nàng vào lòng, hôn trên đôi môi mọng, vỗ

về trên bờ vai mềm mại, vuốt đầu tóc còn xanh mướt mùa xuân. Chàng ước mơ một căn nhà nhỏ như thế này, vườn rau cải, bờ giếng đá như thế này., và một đời sống dân dị, giữa một màu xanh bát ngát của đồng lúa mênh mông. Chàng hỏi nàng, tha thiết:

"Cô còn nhớ buổi sáng phiên chợ Quận không ?"

"Dạ nhớ."

"Riêng tôi, thì tôi nhớ lắm. Từ ngày gặp cô, tôi cứ mơ một ngày được qua nhà cô, để thăm hai bác, thăm cô...Có phiên cho cô không ?"

"Đâu có phiên gì, thiếu úy"

"Xin cô đừng gọi tôi là thiếu úy. Cô gọi tôi là anh được không."

"Dạ, thưa anh, tôi rồi. Bà già em khó lắm."

Định nói đây trách móc:

"Cô muốn đuổi tôi sao ?"

"Dạ em không dám"

"Mai cô có đi chợ quận không?"

"Dạ, thưa có."

"Anh sẽ là khách hàng đầu tiên của em. Anh sẽ mua tất cả."

Bây giờ người lính truyền tin đã đến báo:

"Thiếu úy, nhà gọi máy bắt mình báo cáo chỗ làm ăn"

"Tao biết. Nói với họ chờ vài phút."

Rồi Định nhìn cô gái lưu luyến:

"Chào em. Anh chờ em ngày mai nhé."

oOo

Người hạ sĩ nhất đã dẫn toán lính trở lại. Ông nói:

"Tôi vừa gặp thanh niên chiến đấu. Họ nói cách đây không lâu người ta khám phá một chiếc hầm nằm dưới cửa ra vào trong căn nhà đó. Nhà đó có thằng con nhảy núi."

Rồi ông chỉ tay về phía nhà cô gái.

Định lặng người đi trong một lát. Trời ơi, lại thêm

một lần ranh oan nghiệt nữa chém xuống thân phận thể hệ đám trẻ này. Nên trách ai đây, kết án ai đây. Giữa lúc giấc mơ nở hoa, đầy những nụ hồng thì bây giờ lại thay bằng trái đắng. Vâng. Chàng muốn lấy súng nã lên trời bắn cho đã giận. Khi em cúi đầu yên lặng, anh hiểu là anh đã có em trong phần đời. Anh hiểu là em sẽ là người yêu của anh, và là vợ anh. Anh đã đi tìm một nụ hoa, và nụ hoa anh đã thấy rồi, nụ hoa đồng nội. Anh không cần biết những nhân danh, những mỹ từ thông lộng...Nhức đầu nhức óc lắm rồi. Anh chỉ cần em, bởi vì lần đầu con tim anh biết rung động là gì, cần em cho anh một lần nung nấu, giận hờn, thơ đại, quê mùa, nhưng tha thiết...

Chàng buồn bã bảo ông Cày:

"Thôi đi tìm chỗ khác. Ra gò mả mà nằm."

oOo

Khu gò mả nằm bên kia cầu, giữa một vườn xoài rậm rạp. Nơi này, Định có thể thấy rõ cánh đồng hướng Đông mà địch vẫn từ hướng núi Kỳ Sơn trở về xâm nhập.

Định thăm thi với ông Cày:

"Ông cất gác cho tôi. Đêm nay tôi nằm tại gò mả này."

Ông Cày chắc lưỡi:

"Năm gò mả hoài có ngày không bị phung cùi thì cũng bị điên như thằng Nha đó ông."

Định im lặng. Chàng nhớ đến Nha, người lính mang đại liên. Một tay mạnh khoẻ như thế, tự nhiên nổi cơn điên, nhai ly miệng chảy máu đỏ lòm rồi xách dao rượt vợ muốn tuột cả quần. Chàng nghe thằng Tâm nói như thế. Ông Ký lên đồng gọi bà cô về, bảo cho biết, tại nó dám trải poncho trên mả. Có thật như vậy không. Nhưng chàng không thể chọn địa điểm nào khác. Chỉ có gò mả mới là nơi phòng thủ an toàn

nhất. Những ụ mả là chỗ để nương thân. Và bốn phía thì trống trơn để người lính có thể dễ quan sát. Tháng này là tháng mưa, gò mả là nơi khô ráo, để người lính khỏi phải đứng dưới nước lụt trong mương dưới rạch. Còn bờ ruộng thì quá hẹp, không đủ chỗ cho mười mấy đứa con qua đêm. Hơn nữa, du kích hay tiền sát bên kia tinh quái lắm. Họ dễ gì đi đường khô đường ráo.

Bây giờ đám lính đã ngồi bệt trên gò mả. Những dáng nặng nề, ba lô súng đạn như những hình thù quái dị. Bên kia cầu là trụ sở ấp. Những thanh niên chiến đấu đã rút lên mạn trên. Tiếng chó sủa nghe buồn bã lạ lùng.

Ông Cày chồm người, dặn dò từng thằng lính:

"Tụi bây phải rán thức, rán thức nghe không?"

Rồi ông ta quay sang Định, giọng lẽ nhe:

"Minh bắt bọn nó thức đến 12 giờ đêm, rồi mới bắt đầu gác cho chắc ăn. Dầu Nhị Thiên Đường tôi sẽ đem đi trét vào mắt bọn nó, sợ bọn nó ngủ."

oOo

Nửa đêm trời bỗng đổ mưa lớn. Những hạt mưa ào ào bủa xuống, bất ngờ khiến Định không kịp mang áo mưa. Vàng trắng đã khuất trong mây, nhưng chàng có thể thấy một không gian mờ nhạt trong màn mưa. Những vệt nước loang dần trên má và rì rì trên cổ. Tám - người lính ô đồ của chàng - đã vụt ngồi dậy, trùm áo mưa kín mít. Ngồi một hồi, hắn lại bắt đầu gục. Bên cạnh, đám lính vẫn ngồi, hoặc nằm bất động. Có tiếng ho và bị nghẹn ở cổ. Lại có tiếng của hạ sĩ nhất Cày trỗi lên, phẫn uất: "Rán mà thức để canh cho bọn nó ở nhà được lên lon, nghe bọn mày." Rồi ông ho sù sụ. Định bước đến phía ông Cày, giận dữ:

"Ông muốn chết cả đám hả?"

Ông Cày nói:

"Tui tức chịu không nổi. Tui đi lính mười mấy năm mà vẫn còn hạ sĩ nhất. Bọn quân số chúng chơi tui. Ông xem, bọn nó ở văn phòng mà lên lon như gió..."

"Thôi ông đi ngủ đi để có sức. Chuyện này tôi sẽ trình với trung úy."

Mưa mỗi lúc một to. Thỉnh thoảng những tia chớp lóe trên bầu trời đen kịt. Chiếc áo mưa không đủ che được những vệt nước đang tự do chảy trên da thịt. Chàng run cầm cập. Ánh chớp đã làm rõ khuôn mặt của Tám. Chàng thấy hấn ngủ say sưa. Thỉnh thoảng đầu hấn lại gục xuống. Thỉnh thoảng có tiếng chó sủa vọng về như tiếng vọng nào từ cõi âm hồn.

Chàng đến bên người lính gác.

"Ai đây."

"Dạ, em là Lang."

"Mày có nghe gì về thằng Nha không?"

"Dạ người ta chở nó vào bệnh xá Sư đoàn rồi. Nghe nói họ phải dùng dây xích cột chân cột tay..."

Rồi nó nói tiếp:

"Người ta bảo nó bị ông bà phạt. Không biết phải vậy hay không. Thiếu úy nhớ thằng Hùng Nhảy dù không. Nó tự nhiên nhảy lên bàn thờ rồi ngồi vuốt cầm cười ha hả. Nó nói người sống không thờ lại đi thờ người chết..."

Bây giờ Định mới nhớ và càng hơi lo âu. Trước đây nghe câu chuyện nhảy lên bàn thờ ngồi của Hùng Nhảy Dù, chàng cứ nghĩ tại hấn quá ba gai, bất chấp thánh thần, hay cũng tại vì rượu, nhưng bây giờ thấy một tên lính hiền như thằng Nha lại nổi cơn, thì không ít thì nhiều, cũng có lý do. Cái lý do ấy đã được ông đồng bà cốt cho biết. Chàng hỏi Lang:

"Mày tin không?"

"Tin gì thiếu úy ?"

"Tin chuyện thằng Nha nổi cơn là do việc nằm gò mà không?"

"Không, em không tin. Mà em cũng chẳng bao giờ sợ. Thời buổi này ma quỉ quá nhiều. Ma sống còn tàn bạo gấp trăm ngàn lần ma chết. Có điều chẳng ai biết gì đến cảnh khổ của bọn mình. Cả tháng nay, đêm nào bọn em cũng thức trắng. Ông Cày nói đúng, mình làm để kẻ khác hưởng."

Định lặng thinh.

oOo

Tâm sự của Lang đã làm Định suy nghĩ. Lang ơi, tao biết lắm. Tao thấy cả thân thể mày run vì lạnh, mà không dám hút thuốc. Tao cũng đau cũng lạnh cũng xót cũng mất trùng cũng không dám hút thuốc như mày. Mày không biết, nếu mày khổ một lần thì tao phải khổ cả trăm lần không. Mày thức thì tao thức. Mày ngủ thì tao cũng thức. Tội nghiệp. Khi ông Cày trét dầu Nhị Thiên Đường, nghe mỗi đũa hít hà kêu cay quá, lòng tao phải quặn đau. Nước mắt bọn mày chảy còn lòng tao lệ cũng thấm tràn. Ôi, chúng ta đồng lòng cùng chịu để thiên hạ được sống, tại sao lại không hãnh diện chứ. Phải, nếu thiên hạ hiểu và thông cảm chúng ta, cũng biết xót đau như khi chúng ta bị dầu làm cay xé con mắt. Còn nữa. Người ta đã lợi dụng quân đội, lợi dụng màu áo, lợi dụng cấp bậc, lợi dụng súng ống. Bên cạnh những người sĩ quan trong sạch, lúc nào cũng lo đến đời sống của thuộc cấp, yêu thương giúp đỡ quân sĩ, thấy người lính áo rách mà xót, thấy đôi giày trần của người lính hỏ mồm mà thương, giúp đỡ vợ con thân nhân người lính khi cần, còn có những tay xem người lính thuộc cấp như tội tớ... Lang ơi. Tao cũng hiểu tại sao ông Cày lại bất mãn. *Rán mà thức để canh cho bọn nó ở*

nhà được lên lon, nghe bọn mày. Trời ơi, lời nói như những tiếng trầm thống thốt lên trên một huyết địa đen tối, làm sao vọng đến những ngài chức phận. Hay chúng bị mất đi trong muôn ngàn âm thanh của vũ trường xềnh xang, của những mỹ từ hay những lời quá cao siêu quá to lớn hay bị chìm lẫn cùng với muôn ngàn tiếng than thở của loài dạ trùng hay ếch nhái trong đêm...

oOo

Cơn mưa đã làm hơi đất bốc lên ngùn ngụt. Định cố gắng trùm kín Poncho để che hết thân thể, nhưng hơi đất cứ thấm buốt tận da thịt mình. Lại một đêm mất ngủ. Ngày mai phải rán ngủ bù. Chàng tự bảo lòng mình như thế. Chỉ tội là đám con mình. Ngày mai, vẫn phải lên đồi, vẫn phải điếm danh, vẫn phải ứng chiến. Định lại bị ám ảnh bởi căn bệnh của nhà thơ Hàn Mặc Tử cùng việc nổi cơn của thằng Nha, nhai ly rồi xách dao rượt vợ. Chàng nằm yên, mà lòng chàng lại không yên. Nỗi lo vô hình về độc khí có lẽ đang tìm cách xâm nhập vào người. Khi chàng gối, thì chàng có cảm giác hơi ớn lạnh. Chàng mở mắt trao tráo nhìn lên bầu trời đen tối. Tiếng dạ trùng vang lên não nuột. Có cả tiếng chim vạc cất lên lẽ loi. Bóng người lính canh mập mờ như pho tượng. Và tiếng gió thì thỉnh thoảng rít lên, hú dài trên cánh đồng. Gió làm mảnh chiếc poncho đập phành phạch. Có tiếng mớ của một người lính nào đó. Rồi có tiếng gọi đổi phiên. Sau đó là tiếng chửi thề của ông Cày về đám chuột chạy loạn xạ, đuổi nhau trong đêm, chui vào cả trong ba lô, bò ngay trên mình mảy. Ôi, những đứa con của chiến trường hằm hiu. Hằm hiu cùng trời đất, hằm hiu cùng hàng ngũ, hằm hiu mà không dám hé miệng, hé môi.

oOo

Ngày hôm sau, đại đội được lệnh tăng phái cho một trung đoàn đang tham dự một cuộc hành quân hỗn hợp Việt Mỹ. Tiếng kèn vang lên dồn dập. Người lính trực đã bắn ba phát súng để ra hiệu cùng đám lính ở dưới trại gia binh. Người trung sĩ tiếp liệu đang phân phát lương khô và đạn dược cho từng trung đội. Định đã quá quen thuộc với cảnh tượng như thế. Những nỗi hồi hộp, băng khuâng, lo âu vô cớ đã không còn nữa. Giờ là nỗi dừng dưng. Dừng dưng chấp nhận. Dừng dưng như con số không to tướng. Như mấy giòng thơ mà chàng đã sáng tác:

*Đời ta là con số không vô tận
May trên đầu còn chiếc mũ rừng
Mũ nhẹ nên xem đời cũng nhẹ
Chiến tranh. Thì cũng tựa phù vân...*

Rồi tập hợp điểm danh, rồi kiểm soát đạn dược, rồi báo cáo đại đội phó, rồi chờ xe lên đồi bốc đi. Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh. Chỉ cầu mong bấy nhiêu, để còn thời giờ mà níu kéo tuổi thanh xuân. Nhưng rõ ràng mặt trận không yên tĩnh nổi. Những cuộc đụng độ với quân chính qui Sao Vàng càng lúc càng nhiều. Vài quận lỵ đã bị mất, và một tiểu đoàn bộ binh đã bị thiệt hại gần hết, trong đó có thằng bạn của chàng. Tiếng trọng pháo hay bom rền đã nghe rất gần bộ tư lệnh. Rất may, từ trước đến giờ, bộ tư lệnh vẫn chưa bị một trận pháo nào của địch rót vào. Công lao này, không phải tự nhiên mà có. Ít ra, đơn vị cũng làm tròn trách nhiệm mà ông Tư Lệnh Nguyễn Văn Hiếu đã dành cho đại đội.

Tám, người lính ô đồ, hỏi Định:

"Ông thầy có cần mang gì theo, nói cho em biết."

"Cám ơn Tám, không."

Trí đang bận thử máy với thằng Yên, mang máy truyền tin cho ông đại đội trưởng. Hôm nay, ông Tướng trung đội phó nghỉ phép, nên hạ sĩ nhất Cày được giữ chức xử lý. Thấy ông đang bận rộn cùng hàng quân, chàng bỗng thương ông hơn bao giờ. Nỗi bất mãn của ông đã biểu lộ đêm hôm qua không phải không có lý do. Cái lon hạ sĩ nhất của ông đã quá lâu, trong khi những tay ở hậu cứ hết kẻ này đi học khoá hạ sĩ quan, hay kẻ khác được lên cấp. Chàng nghĩ là phải giúp ông sau lần tăng phái này. Nhưng giúp bằng cách gì. Chàng cũng không thể biết. Có lẽ một khuyết điểm lớn của quân đội là rập khuôn theo quân đội thời Tây đô hộ, dành cho đơn vị trưởng một vai trò mà người lính xem là bậc cha mẹ, có quyền uy tối thượng. Đơn vị trưởng thương thì nhờ ghét thì chịu. Đơn vị trưởng là Mặt Trời Đại bàng, bóng rợp trên những con chim sâu chim mía... Còn chức trung đội trưởng thì không có một thẩm quyền gì ngoài việc xem bản đồ, chấm toạ độ, coi phương giác trên địa bàn, nhận lệnh, thi hành lệnh và được có một kẻ hầu không công. Còn lại là vai trò của một người lính tiền sát hay khinh binh không hơn không kém. Thật vậy, từ ngày nhận chức trung đội trưởng đến giờ, cả năm, chàng chưa bao giờ được hỏi ý kiến hay được cơ hội đề nghị thăng thưởng thuộc cấp của mình. Việc này hoàn toàn từ hậu cứ. Mà thật ra, chàng cũng chẳng cần bận tâm. Chàng chỉ biết rượu đàn bà và súng đạn. Chàng chỉ biết hỏi hã để sống và *mai ta đùng trận ta còn sống. Về ghé Sông Mao phá phách chơi...* (thơ Nguyễn Bắc Sơn)

Bây giờ đoàn xe bốn chiếc GMC đã bò lên đồi. Lính lục tục lên xe, ba lô súng đạn kèn càng. Chẳng ai bận tâm thắc mắc về một nơi mà họ sẽ đến. *Anh sẽ ra đi vào miền mênh mông.* Lời ca của Lệ Thu như

vướng vít theo lớp bụi đỏ và những áng mây xa trên những núi rừng hiểm địa. Định mở cabin xe.

Ông Cày ngồi bên cạnh. Cabin là chỗ danh dự. Dành riêng cho trung đội trưởng và trung đội phó mà. Ông Cày nhích người nhường chỗ cho chàng. Định rút bao Pall Mall, mời ông. Ông đưa hai tay nhận điều thuốc. Ông nói cảm ơn. Định để ý đến vết sẹo dài suốt cả bắp tay. Chàng hỏi:

"Ông bị thương lúc nào?" "Cách đây ba năm thiếu úy. Bị mìn. Không phải ở chỗ này mà còn ở dưới đùi nữa." Định muốn rung rung. Những vết sẹo ngang dọc, cộm nín, hằn hiu trên những phận đời thấp hèn, mà người ta tha hồ thổi phồng, ca ngợi mà thật sự rỗng tuếch và bất nhẫn. Ai hy sinh hơn họ. Ai lao về phía trước hơn họ. Ai gian khổ hơn họ. Ai nhục nhằn hơn họ ?

Đoàn xe xuống đồi, rồi qua chợ quận. Định cố gắng nhìn vào trong, và chàng nhận ra người con gái quê. Hôm nay nàng mang áo vàng như màu bông cải, rực rỡ dưới nắng mai. Có lẽ hôm nay nàng đã dành cho chàng, trang điểm cho chàng, mang áo mới cho chàng. Như vậy mà chàng lại nghi ngờ, chùng lòng khi lính chàng bảo nhà nàng có người nhảy núi. Lòng chàng đâm xôn xao. Chàng muốn tạ tình. Không hiểu sao chàng khẩn cầu với người tài xế. Anh làm ơn ngừng lại vài phút. Tôi cần mua gói thuốc lá. Người tài xế ngừng xe bên đường. Chàng nhào xuống, chạy đến bên người con gái. Nàng thấy chàng buột miệng kêu: "Anh." Chàng tha thiết nhìn nàng: "Anh đến thăm em đây. Tha lỗi cho anh, anh phải đi liền. Đoàn xe đang chờ anh." Nói xong, chàng cầm bàn tay nàng xiết mạnh. Nàng để yên. Rồi chàng nói: "Thôi anh đi." Tiếng còi từ phía xe chỉ huy vang lên, thúc hối. Chàng trở lại xe. Rồi đoàn xe tiếp tục lăn bánh.

Anh sẽ ra đi về miền mệnh mông...

oOo

Khi xe lên đèo, Định mở cửa cabin, một tay cầm súng, một tay đeo vào thành cửa xe mà đứng như chàng cao bồi chánh hiệu. Chàng đã ra lệnh lính xếp băng xe lại, tất cả đều đứng dậy súng chĩa ra hai bên đường như sẵn sàng khai hỏa. Kinh nghiệm này không phải từ trong các bài học ở quân trường mà từ kinh nghiệm chiến trường. Bài học về phản phục kích trong quân trường chỉ dạy về những điều căn bản như cách bố trí đội hình, vị trí súng nặng, tổ nào tiếp trợ cho tổ nào... Quân trường không hề dạy về một yếu tố rất cần. Đó là yếu tố tâm lý. Phải làm sao để kẻ địch cứ nghĩ rằng mình có cảm giác bị phác giác dù chúng ẩn trong lùm, trong bụi. Phải làm sao để địch ngán nếu khai hỏa đầu tiên. Chỉ có cách là buộc người lính bỏ ba lô, đứng thẳng trừng mắt, như sẵn sàng nhảy xuống chơi với bọn mày trong chớp nhoáng. Phải chứng tỏ rằng chúng tao sẵn sàng thí mạng cùi...

Yên tĩnh. Đoàn xe chậm rãi leo lên đèo. Sau đoàn xe là một đoàn convoi Mỹ chở đạn pháo binh đang bóp còi inh ỏi xin qua mặt. Đoàn xe của chàng nép qua bên lề để nhường cho đoàn convoi. Khi chiếc xe sao trắng cuối cùng qua khỏi, thì bỗng một tiếng nổ dội ầm phát lên rồi tiếp đến là những tràng nổ tiểu liên, dòn dả cắt xé. Những ngọn lửa bùng dậy, cùng những tràng nổ dội ầm ầm từ những thùng đạn pháo binh trên xe. Lính nhảy ào xuống, núp vào những mô đá bên đường, mạnh ai nấy bắn xối xả vào trong rừng. Có lẽ vì hỏa lực bất ngờ của đơn vị chàng nên địch sợ không dám xung phong ra ngoài. Đằng sau, ông đại đội trưởng thì đang gọi về trung tâm báo cáo và xin

trục thẳng lên tiếp trợ. Giữa lúc ấy, Định nhận ra cách chừng 50 thước, một người lính Mỹ lão đảo nhào xuống xe rồi té trên đường. Hấn nằm tênh hênh giữ lộ trống trải. Hấn cố gượng trong tuyệt vọng, để bò thêm một tí nữa. Rồi sau đó hấn nằm yên. Định biết hấn vẫn chưa chết vì rõ ràng chân tay đang cử động, như cố gắng trườn thêm một chút nữa. Định không biết xử trí làm sao thì ông Cày hồi hải nói với chàng: Ông cho tôi một thằng để nhào lên cứu hấn. Hấn nặng lắm, một người không khiêng nổi hấn đâu. Hấn nằm như thế nguy hiểm lắm. Định gật đầu rồi ra lệnh binh Hà cùng nhào lên. Chàng nói với người hạ sĩ nhất của mình bọn tôi sẽ bắn yểm trợ ông. Rán cẩn thận.

Ông Cày cầm M79 vọt chạy lên. Tiếp theo là binh Hà. Định hét hỏa lực tối đa. Ông đại đội trưởng gọi máy hỏi, Định chưa kịp phân trần thì chàng thấy cả người ông Cày ngã xuống bên thằng Mỹ. Định nóng mặt, càng hét lớn. Bọn mày yểm trợ cho tao. Y Đao, mày theo tao. Giữa lúc đó, hai chiếc trực thăng của Sư đoàn Một Kỵ Binh bỗng xuất hiện, thì nhau phóng hỏa tiễn xuống hai bên bia rừng. Định chạy lên. Những người lính khác cũng ào theo như bão trời. Trí vừa chạy vừa báo cáo trong lúc hỏa tiễn và đại liên từ hai chiếc trực thăng vẫn tiếp tục ì ầm nã xuống những chỗ nghi ngờ. Khói bốc, lẫn những tiếng nổ ầm ầm từ những quả đạn pháo binh, chiếc xe sao trắng bốc cháy bên đường. Những người lính Mỹ bây giờ mới hết hoảng hồn, nằm chĩa súng vào phía rừng. Không thể ngờ từ một chuyến đi, đơn vị lại phải mang một trách nhiệm ngoài dự định. Và chịu thêm một cái tang. Ông Cày, hạ sĩ nhất Cày tử thương.

Ông đã được chiếc trực thăng đặc biệt của Sư đoàn 1 Ky Binh Không Vận Hoa kỳ tải về nhà xác. Trong một buổi trưa vẫn còn nghi ngút khói, và lửa vẫn còn bốc ngọn, chiếc trực thăng đã đáp ngay trên đèo. Thằng lính Mỹ bị thương đã ôm chầm lấy xác ông Cày mà khóc ròng. Trung đội cũng ngậm ngùi nhìn chiếc poncho bọc lấy xác của ông Cày mà rung rung. Thôi hết rồi những lời đùa chọc ông Cày 40 mà còn độc thân đây em. Anh là Cày đây em. Và hàm răng vàng của chàng công tử miền quê, không giận hờn ai. Ai chọc ghẹo chỉ việc cười híp mắt. Chỉ có đêm qua, lần đầu tiên Định mới thấy ông Cày bất mãn.

Ông Cày đã chết vì đã cứu người lính Mỹ. Ông không còn bất mãn nữa. Ông đã được tự động lên cấp cố trung sĩ. Ông chẳng cần khiếu nại nữa.

Memorial Day 2002

Sài Gòn

Trước năm 1975, tôi đã nhìn Sài Gòn bằng cái nhìn của một kẻ lạ. Tôi chưa bắt gặp cái rung động của một đứa con trở về, bởi nơi nào là quê hương tôi, nơi nào chôn giữ kỷ niệm ngọc ngà của tôi, nơi nào, người mẹ chờ con bên khung cửa, nơi nào có bát cơm nóng sốt, nơi nào có bản tình ca, có giàn hoa giấy? Tôi chưa bắt gặp cái nao nức của một người viễn khách được thấy lại quê hương. Thay vào đó, là những cánh cửa sắt đóng kín, là những xóm chơi bời bẩn thỉu, là chỗ để tôi đến và lại đi trong quãng đời làm tên lính trận, là đêm la cà cùng rượu, đàn bà, là ngày hối hả, gấp rút bên những chai bia tại đường Phan Thanh Giản hay Phạm Ngũ Lão mỗi lần tôi từ cao nguyên về phép tại Sài Gòn. Sài Gòn không hề biết những đêm tôi và đồng đội thức trắng trên các gò mả, hay bãi tha ma. Sài Gòn không hề biết đại đội tôi, tám mươi người, chết và bị thương hơn một nửa chỉ trong một trận. Sài Gòn không hề biết chúng tôi đổ máu và nước mắt để Sài Gòn ăn chơi phè phỡn, để một lũ tai to mặt lớn vinh thân phì gia... Sài Gòn không hề bận tâm, thắc mắc. Sài Gòn vẫn kín cổng cao tường, đêm nồng nặc á phiện và đô la. Sài Gòn đôi khi muốn lấy súng bắn lên cao cho hả giận.

oOo

Nhưng có kẻ đã lấy súng để bắn thay tôi. Và, thay vì bắn lên trời, chúng đã bắn thẳng vào Sài Gòn, bằng hỏa tiễn, đại bác và đâm tim Sài Gòn bằng lưỡi lê. Trong trại khổ sai, ngày ngày chúng tôi nghe hoài cái điệp khúc: *"Từ thành phố này, bác đã ra đi ..."*, vọng từ các loa trong trại, cái điệp khúc ấy càng giúp tôi thấm thía được hai chữ Sài Gòn mà từ lâu tôi vô tâm, phần nộ. Cái mất mát ghê rợn khiến tôi phải giạt mình, muốn đập đầu cho phun máu. Tại sao mình lại ước mơ hai miền Nam Bắc thống nhất, con tàu suốt một ngày hú còi chạy băng băng từ Sài Gòn ra Hà Nội, và mọi người ôm nhau mừng mừng tủi tủi vì hết chiến tranh, hết hận thù. Sự thật bây giờ là đây: Kẻ thống trị, đang chửi rửa, đang đào mả tổ tiên ông bà, đang cáo buộc Sài Gòn là một ổ điểm khổng lồ, con gái mất trinh từ năm 13 tuổi.

oOo

Sau tháng 4-1975, tôi chỉ còn một lần về lại Sài Gòn. Lần này, trở về trong tâm trạng rối bời của một đứa con sắp rời xa tổ quốc, trong cái tang thương của một kẻ tù hàng binh, và trong nỗi lo âu của mọi tên đang bị kiểm tỏa ...Tôi về để nhìn lại nó một lần cuối. Và Sài Gòn bây giờ, dù thật như tiếng nói đầu môi, thật như sợi tóc, gương mặt của người con gái giang hồ, gần gũi như một điều hết sức bình thường, nhưng nghe như chừng trăm đau ngàn đón như một thí nghiệm tàn bạo về sinh vật học.. Sài Gòn, bây giờ, ứa

nước mắt như câu thơ:

*Tôi bước đi, không thấy phố thấy nhà,
chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ...*

Sài Gòn bây giờ mất rồi. Mất hết. Mất một Sài Gòn mà hôm nào, tôi còn trở về từ một chuyến bay quân sự từ Ban Mê Thuột, ra cổng phi trường Tân Sơn Nhất, đón chiếc xe lam, trốn Quân Cảnh, qua Viện đại Học Vạn Hạnh, nhảy xuống, ghé quán Nắng Mới, chẳng vì cô hàng quán có mái tóc dài mun làm cảnh, mà vì chẳng có nơi nào để mà trở về. Mất một Sài Gòn ngày nào, tôi còn trở về, đêm chạy Honda, nghe gió Bạch Đằng lồng lộng trong ngực, trong phổi, nghe mùi bánh cuốn từ góc hẻm Phan đình Phùng, Cao Thắng. Mất một Sài Gòn hôm nào, tôi còn đứng ngã năm ngã bảy, còn rò ga vọt đèn xanh đèn đỏ, còn buồn tình để tóc dài, chui vào Vĩnh Lợi gặm ổ bánh mì, còn thất tình đến cột đèn mà nghe âm hưởng bản nhạc Aimez vous Brahms từ rạp Lê Lợi vọng lại. Đó, Sài Gòn, hôm qua, mới là của tôi, của da thịt tôi, của hai chân, hai tay tôi. Để tôi được đi đứng thông thả, ung dung, mắt nhìn ngang nhìn dọc, gặp bè bạn xa cách, ôm nhau mừng mừng tủi tủi, tưởng mày chết từ lâu, tưởng mày cụt giò, cụt tay, hay nằm trong xó rừng, xó núi nào đó. Sài Gòn, hôm qua, là của tôi, dù một hai đêm ngủ trại Lê Văn Duyệt, mùi rệp, mùi nước tiểu và mùi ngày trọng cấm...

Nhưng giờ đây rõ ràng, nó không còn là của tôi nữa. Mất tôi không còn nhìn ngang dọc nữa. Xe

Honda tôi không còn có để phóng qua đèn xanh đỏ nữa. Bạn bè tôi không còn gặp để mà ôm nhau mừng mừng tủi tủi nữa. Ngã năm ngã bảy tôi không còn đứng đợi nữa. Trại Lê Văn Duyệt tôi không còn tạm trú nữa...

Nỗi mất mát đến độ ngẩn ngơ bàng hoàng. Từ miệng câm, tai điếc, mắt mù, từ hai chân đứng giữa một nơi quen thuộc mà cứ ngỡ như đang đứng giữa một cõi nào quá xa lạ. Từ vỉa hè, đến mái ngói, vách lầu, con đường, người phố.

Rõ ràng, Sài Gòn không còn là Sàigòn của tôi nữa. Dù tôi đang đứng giữa Sài Gòn.

Đón Tết

- Ngày mai đưa ông Táo về trời đấy, anh biết không?

Oanh hỏi chàng. Chàng hỏi lại tỉnh bơ:

- Nhưng em chắc ông Táo có ở với cái bếp Mỹ này cả năm nay hay không?

- Anh đừng nói bậy không nên.

- Không, anh hỏi thật. Em xem, bếp Mỹ chỉ toàn là bếp ga, bếp điện. Đâu có ba cục gạch để ông Táo bà Táo về nung tựa như ở Việt Nam.

Oanh hứ. Nhưng nàng vẫn cương quyết giữ vững lập trường:

- Em phải làm mâm cơm cho ngài. Để ngài về trời báo cáo tốt, may ra sang năm nhà mình được yên ổn.

- Thì em cứ làm như ý em muốn. Có một điều anh tự hỏi, ông Táo của nhà chúng ta là ông Táo Mỹ hay ông Táo Việt Nam. Nếu là ông Táo Mỹ em nên cầu khẩn với ổng bằng tiếng Mỹ. "Dear Sir Táo quân"

Oanh không hiểu câu đùa của chồng, nàng hỏi lại:

- Thì theo ý anh, ông Táo là người gì?

- Chắc là Mỹ. Mất ổng chắc xanh. Còn bà Táo chắc là bà đầm, tóc vàng bạch kim.

Oanh cương quyết:

- Nhà mình là nhà Việt Nam. Ngài phải là người Việt Nam.

Những ngày gần Tết, năm nào cũng vậy, Oanh vẫn loanh quanh với những chuẩn bị. Gia đình có ba người, nhưng đối với nàng, gia đình đầy ắp. Người đã khuất, người còn sống. Và cả những vị thần linh hiển thánh. Các ngài đã hiện diện cùng khắp, trong từng thước khối không gian. Để mỗi buổi tối, các ngài được gọi về giữa màn khói nhang nghi ngút, trong lời khấn vái thì thầm của vợ chàng. Chàng đã để vợ tự do chọn lựa các vị Thần nàng ưa thích. Người ta đã từng nói đôi khi niềm tin là một phương thuốc màu nhiệm. Với Oanh, điều này là tuyệt đối. Nhất là sau chuyến vượt biên hải hùng. Nàng luôn luôn kể về một sức mạnh vô hình nào đã chở che dẫn dắt con thuyền đến bến bờ bình an sau những ngày lênh đênh trên biển cả, hết lương thực, cạn xăng dầu, bị cướp, bị bão. Nàng luôn luôn nhắc về một đấng quyền năng cao cả luôn luôn hiện diện trong cõi trần gian, nghe lời nàng cầu xin, thương hại giúp đỡ nàng lúc nàng bất lực. Anh thấy không, tự nhiên một gia đình vô sản như gia đình chúng ta lại có mặt tại xứ này... Anh thấy không, em cầu ông Địa, ông Địa nghe lời em liền hà. Khi chiếc chìa khóa xe, cái bóp, cái bằng lái xe bị rớt, hay bị bỏ quên ở đâu đó, được tìm lại. Nàng đã chửi chàng khi chàng vô tình viết chữ trời không chữ T hoa. Phạm Trời không nên. Nàng cũng trách chàng khi chàng kêu lên Ôi Trời. Kêu như vậy là phạm thượng. Ngài ở trên cao đều nghe rõ. Sợ Ngài giận Ngài phạt. Chàng nghe lời nàng như tên lính tuân lệnh quan ba. "Như vậy cũng hay. Vừa lấy lòng vợ vừa đẹp dạ Ông Trời".

Những ngày gần Tết, cơn khắc nghiệt của thời tiết đã lên cao điểm. Tuyết cứ đổ xuống hết trận này đến trận khác, đến nỗi những xe công lộ phải làm việc tui bụi. Gió cuốn từng đám tuyết bay trắng xóa. Bầu trời xám đục, ít nắng. Cây cối trơ vơ những thân cành trơ trụi. Tuy vậy, trong nhà, Oanh đã chuẩn bị tất cả để đón mùa xuân. Những nhánh hoa đào hoa mai nhân tạo cắm trong bình đặt trên bàn trong phòng khách. Mứt bánh đặt gọn gàng trong hộp. Dưa hấu đỏ, và bánh chưng xanh đã sẵn sàng. Những phong bì đỏ để mừng tuổi, dù ở vùng này, không có lấy một gia đình đồng hương. Nàng đã cẩn thận ghi cả ngày giờ tốt để xuất hành. Nàng bắt chàng phải nghỉ ngày mùng một Tết, không được đi đâu. "Em xem lịch, xuất hành đầu năm không tốt đâu. Mùng hai là tốt nhất." Nàng cảnh cáo chàng. Có lẽ nàng ngại chàng sẽ phá lệ ra quán cà phê nhìn cô nàng mắt xanh như mọi buổi sáng khác.

Đêm giao thừa, tuyết lại rơi. Trận bão tuyết đã bay ra biển Đại Tây Dương nhưng ảnh hưởng của nó vẫn còn lẩn quất trong nội địa. Tuyết rơi trắng xóa trên mái nhà, trên những hàng cây sồi, trên sân cỏ. Cả gió cũng vùn vủ. Từ trong nhà, chàng nhìn ra ngoài. Oanh đã cảnh cáo chàng không được buồn, phải cười, phải vui, phải yêu đời, để cả năm vui cửa vui nhà. Nàng làm sao biết tâm trạng của chàng lúc này. Tê tái buồn. Chàng nhớ đến quê hương. Nhớ đến đêm giao thừa cũ. Nhớ đến bàn thờ tổ tiên. Nhớ đến tiếng reo lách tách của bếp lửa và nồi bánh tét ầm ục. Nhớ đến người con gái hàng xóm đi lễ chùa, áo vàng xinh đẹp làm sao. Nhớ đến bạn bè luân lạc, đứa mất

kẻ còn... Tại sao lại phải nhớ hoài về một nơi chốn chỉ thấy chiến tranh thù hận triền miên. Tại sao lại không bằng lòng với hiện tại. Thì ra, đời vẫn có những điều rất nghịch lý.

Oanh đã cúng rước ông bà xong. Chàng nghe nàng khẩn: Lạy ông bà, gia đình chúng con xin cúng mâm cơm chay để rước tổ tiên ông bà về vui xuân với chúng con. Nàng lại hối chàng vái ông bà. Bây giờ chàng chẳng khác là cậu học trò. Chàng hỏi: Vái sao em ? Thì cầu xin ông bà phù hộ anh được ngồi mãi cùng cái job, phù hộ cho con mình học hành tấn tới. Chàng nghe lời, nhưng thật sự chàng cảm thấy hết sức khó khăn, như mỗi lần chàng được yêu cầu dành một phút mặc niệm cho những chiến hữu, đồng bào, bà con ruột thịt trong các buổi lễ. Không biết trong lòng những người có mặt, có ai thật sự mặc niệm hay chỉ nhắm mắt để mà nhắm mắt.

Sau đó, chàng và nàng xuống phòng khách. Nàng lại nói: Ngày mai, anh nhớ đừng mang rác ra như thường lệ. Anh cũng phải tránh nổi giận, chửi thề, không hút thuốc. Chàng muốn kêu lên : Thì như vậy, sống để làm gì hở em? Nhưng chàng phải cố nén. Phải vui. Chàng tự hứa.

Kim đồng hồ sắp nhảy lên số 12. Chàng nhìn vợ, muốn nói một lời chúc tụng. Nhưng chàng thấy trên má nàng hai giọt lệ lăn xuống. Nàng chùi mắt, mếu máo: Anh ơi, em nhớ má quá đi.

Cánh diều trên đồng cỏ

Vào một buổi sáng, khi ngồi trên trục thăng bay trên vùng trời Tiền Giang, tôi bỗng tình cờ nhận ra những cánh diều đang lượn vờn dưới thấp. Hốt nhiên lòng tôi cảm thấy rung động lạ lùng. Dưới cánh con tàu, đồng lúa đã sau mùa gặt, tro vơ những gốc rạ, trông từ cao, chẳng khác một phi đạo khổng lồ vàng sậm dưới ánh nắng mặt trời. Và những cánh diều nhỏ bé đã giúp tôi biết rằng, trời đang bắt đầu gió nam, và cũng bắt đầu mùa thả diều. Hình ảnh ấy đẩy đưa tôi về những mùa kỷ niệm. Thì ra tôi đã đánh mất tuổi thơ lúc nào không hay. Tôi si đắm nhìn em bé thả diều dưới đất. Tuy ở cách em gần 100 bộ nhưng tôi có thể biết chắc rằng, đôi tay nhỏ bé của em đang vát và điều khiển cánh diều trước những cơn gió nổi. Tôi cũng có thể hình dung ra một đôi mắt trong sáng no nê. Trong đôi mắt là choán ngập cả cánh diều. Nó đang phát phối hai chiếc đuôi dài, hết vút lên cao, rồi sà xuống thấp. Tôi cũng có thể tưởng tượng xa hơn nữa. Tâm hồn bé nhỏ của em đang nẩy nở một mùa vui bất tận. Của tiếng kêu tu hú, của tiếng gáy dế mèn, của tiếng gió xôn xao. Và hai chân nhỏ nhắn của em đang xào xạc cùng những cọng rơm cọng rạ. Hai má em chắc phải ửng hồng dưới nắng. Tóc em dường như xanh hơn. Em đang ngửa mặt nhìn lên. Em quên

em đang đứng tại một điểm của khu mà người ta gọi là Khu Tam Giác Sắt đầy hung bạo.

Con tàu đã bỏ xa em bé thả điều tuy nhiên hình ảnh của em vẫn còn hớp hồn tôi thật sự. Phải. Mùa thả điều. Cái mùa đến giữa lúc trời bắt đầu chớm hè và một thình không đầy trong sáng. Cái mùa khi tiếng chim cúc cù, tiếng tu hú nỉ non, tiếng khóm tre cựa mình kẽo kẹt và tiếng gió lướt thướt trên các tàu lá chuối sau hè. Cái mùa mây như xanh lơ, nắng như vàng thắm, gió như làm tóc đứa bé bay xỏa, cũng như làm con tim của đứa bé cứ phải hồi hộp theo đường bay của cánh chim tinh nghịch trên không. Cái mùa mà lũ bé đã đợi sẵn từ lúc nào với những cánh điều xanh đỏ, những cuộn chỉ gai. Những bước chân tiếp tục dẫm lại trên đồng cỏ, cho những ngày vui êm đềm bất tận của tuổi thơ mà trong đời người bất cứ ai cũng từng nâng niu gìn giữ. Cánh điều đã làm thằng bé quên cả giờ cơm trưa, cơm chiều, để đôi mắt tuổi thơ no nê mây xanh, mây trắng, mây hồng, để tâm hồn thằng bé như tràn ngập một thiên đường. Cánh điều có thể quá tội, chỉ là những mảnh giấy vá vúi vì thằng bé quá nghèo không đủ mua những tờ giấy màu sặc sỡ. Cánh điều có thể quá đơn sơ, được đứa bé dán chắp vào nhau bằng những hạt cơm nguội. Nhưng nó vẫn được gió nâng lên, đẩy đưa niềm vui của tuổi thơ vào nơi vô tận...

"Sắp đến nơi rồi", người đồng hành đã bảo với tôi như thế. Bây giờ tôi mới trở lại với vị trí thật sự của mình. Lát nữa đây, tôi sẽ đến một quận lý, sẽ gặp ông

đơn vị trưởng, sẽ xuất trình giấy sự vụ lệnh để theo đoàn quân giải tỏa. Nghề nghiệp phóng viên chiến trường chỉ bao gồm chừng nấy. Phải chạy đầu, đi đầu, để săn những hình ảnh sống động nhất, thay vì những khẩu súng tịch thu vô tri vô giác, hay những buổi thuyết trình buồn nản.

Con tàu hạ xuống, tìm bãi đáp. Chúng tôi mang dụng cụ nhảy ra khỏi tàu. Cánh quạt vẫn còn quay. Tôi cố gắng đứng vững để đưa tay chào anh phi công. Anh ta cũng chào lại. Trong cử chỉ của anh, dường như có ngụ ý lời cầu chúc may mắn.

oOo

Vào khoảng gần ba giờ trưa, trong lúc tôi chờ đợi ông đơn vị trưởng trong phòng Hành quân thì một tiếng nổ long trời lở đất bùng dậy. Sau đó tiếp tục những tiếng nổ lớn khác kèm theo những tiếng la hét dữ dội ở bên ngoài. Pháo kích vào trường Tiểu học. Học trò chết. Cứu giùm chúng tôi đồng bào ơi. Tôi ào chạy ra ngoài. Trường ở bên kia đường quận. Tôi đã thấy rõ. Một em đang bò. Hai em đang bò. Ba em, cả bầy vịt đang bò. Không, các em đã không bò mà duỗi hai tay, mà đưa hai tay, chỉ hai tay hai chân là động đây.

Còn ngoài ra chỉ có máu và máu. Tôi đã thấy rõ một bầy thiên thần đang nằm sấp, ngửa, nghiêng, và máu, máu nhiều quá. Một em, không, một cây máu đang đứng sừng sững như cây chuối. Sau đó, cây chuối ngã xuống, hai tay trải ra trên sân. Một em

đang cố gắng bò vào phòng. Em chui xuống gầm bàn. Đầu em chúc xuống, mông em chĩa lên trời. Em chết. Một em đang mở đôi mắt. Tôi thấy màu nắng giữa một gương mặt bê bết máu. Tôi mừng quá. Tôi biết em còn sống. Em meo máo: "Thầy ơi cứu con". Tôi bồng em chạy ra sân. Tôi la. Nhưng tôi không biết làm gì để giúp em. Tôi đã mất hết bình tĩnh. Và em bé đã chết trên tay tôi.

Quang cảnh sân trường bây giờ hỗn loạn kinh hoàng. Những phụ huynh học sinh nhào vào mỗi lúc mỗi đông. Họ vồ chụp lấy xác, ôm chầm lấy các em bị thương. Có một em bị ba bốn người đàn ông đàn bà ôm chầm khóc ngất. Một người đàn bà vừa gào vừa mở nút áo một em để tìm dấu vết con bà, bởi mặt em bây giờ không thể nhận ra nổi. Tuy nhiên, trong cảnh tượng bi thương đó, chẳng có ai để ý đến những cuốn vở, lọ mực, những chiếc dép đang nằm tung tóe trên sân, trên lớp. Có một chiếc cặp bị sức nổ làm bay cả nắp, để lộ trái soài non, một cuốn truyện trẻ thơ vẽ bằng tranh. Thần kinh tôi rối loạn. Tôi đang đứng trên sân trường mà ngỡ đang đứng trong cõi âm ty địa ngục. Tôi đã bị bao nhiêu người xô ngã khi tìm cách bồng các em ra xe hồng thập tự.

Cuối cùng các em cũng được mang đi. Chỉ còn tôi ngồi bệt trên nền xi măng, nhìn sân trường. Mắt tôi mờ lè. Tôi không thể hiểu khi người ta bỏ quả đạn vào nòng, và giựt cò để đạn bay đi, họ có nghĩ gì về những nạn nhân như các em trên sân trường trong giờ chơi hay không. Tôi không thể hiểu khi những quả đạn này rơi trúng vào ngôi trường mà con của kẻ sát nhân

đang tung tăng chơi đùa thì sao? Rốt cùng, tội ác lại được nhân danh bằng những mỹ từ. Mỗi ngày tôi cứ thấy cứ nghe bao nhiêu thảm kịch mà người ta đã nhân danh giải phóng, độc lập, tự do, hạnh phúc để đổ xuống đồng bào miền Nam. Liệu chưa đủ máu và nước mắt hay sao. Hay đến bao giờ cả miền Nam này trở thành lụt ngập?

Trong đôi mắt mờ lệ của tôi, tôi lại bắt gặp ở cuối hành lang một chiếc cặp cũ nữa. Bên cạnh là con điều và cuộn chỉ.

oOo

Ngày hôm nay tôi lại bay qua cánh đồng cỏ cũ. Trời vào hè, nắng rực rỡ, chói lòa cả những áng mây xa. Con tàu như quen thuộc hạ xuống 100 bộ. Tôi không còn thấy em bé thả điều nữa. Chỉ còn cánh đồng cỏ màu vàng sậm mệnh mông bát ngát. Tôi nghe một nỗi buồn đến đắng cay đầu lưỡi. Một nỗi buồn tê tái như khi nhớ lại chiếc cặp với trái soài non, những chiếc nắp ken, và con điều, cuộn chỉ vấy máu trên sân trường.

Bách Khoa năm 1973

Ngày ở Logan, Phila.

Cuối cùng, cuộc đình công thất bại. Cả đám người Việt chúng tôi bị đuổi ra khỏi hãng ngay sau khi Lương mang kiến nghị lên gặp văn phòng giám đốc. Tên chủ hãng chỉ liếc qua tờ giấy, rồi nhún vai: "Được. Bọn mày về lại chỗ làm việc. Tao sẽ trả lời ngay sau giờ ăn trưa". Gương mặt của tên da trắng vẫn lạnh lùng. Chúng tôi trở lại bàn làm việc, chờ đợi. Trên bàn là những dụng cụ lắp ráp nằm vương vãi. Không ai nói chuyện với ai. Chúng tôi rõ ràng đã linh cảm được điềm không tốt. Mới hôm qua, cả bọn hăm hở như một toán quân nắm phần chiến thắng, cười nói huyền thuyên. "Nó bóc lột mình, thì mình phải đoàn kết lại, phải không anh chị em?" "Phải đó. Lương \$3.75 một giờ còn thua lương tối thiểu. Phải nói cho nó biết là bọn mình không phải con vật..." "Sức mấy mà nó không nghe lời yêu cầu của mình. Tôi nói cho bà con nghe, nó mà thấp đuốc đi tìm cũng không bao giờ có được những người làm việc siêng năng cần mẫn như bọn mình đâu." Bao nhiêu ý kiến, phát biểu đây lạc quan, phấn khởi như thể ngày mai, lương sẽ tăng lên \$4.00, bây giờ trở thành ảm đạm. Lương, tay đại diện, thì im lặng. Vâng, mọi sự đâu có phải dễ dàng, giản dị như chúng tôi tưởng. Bởi vậy, tại sao

lại có nghiệp đoàn, có những người đội tuyết giá, đứng giữa mưa gió để cầm bảng: Đình công. Đâu có phải chỉ ký tên vào bản kiến nghị, rồi đưa lên chủ...Đâu có phải nghĩ rằng, mình là một cõi. Không có mình, hăng sẽ phải đóng cửa ngay lập tức.

Quả vậy, sau giờ ăn trưa, chủ loan báo, nhóm chúng tôi phải ra về tức khắc. Trời ơi, đúng là xứ tư bản, chủ là vua, là chúa. Đoàn kết gây sức mạnh. Cái câu tục ngữ nào coi bộ không đúng trong lúc này. Cuộc đình công là một trong những bài học mà tôi gặp phải trong những tháng năm đầu tiên ở xứ sở này. Tôi đã viết một lá thư gửi về bà chị của tôi ở quê nhà, kể rõ những sự thật khi chị hỏi tôi về ý định của chị muốn qua Mỹ. Nhưng chị vẫn không tin tôi. Chị nghĩ tôi ích kỷ. Được, chị sẽ biết, và chừng ấy chị sẽ dừng hối hận. Nếu chị nghĩ đến một điều không thể tìm thấy ở quê nhà, không phải là tiền bạc, xe hơi nhà lầu, không phải là những con đường xa lộ thênh thang hay những ngôi nhà chọc trời... Nếu chị nghĩ đến hai chữ tương lai cho con cháu, đến một cái gì quý báu nhất mà loài người này đã đổ bao nhiêu xương máu để gây dựng, thì hãy nên đi. Bằng không, thì đừng... Tôi khuyên chị như thế. Để chị còn chuẩn bị tinh thần, để khỏi tiếc nuối cái cơ nghiệp đồ sộ mà chị gây dựng, để anh khỏi bị mang mặc cảm một người trí thức phải trở thành một gã cu li, hốt rác...

Trở về khu slum, bước trên những vỉa hè dơ bẩn, giữa những vách tường chằng chịt chữ viết, tôi nghe lòng trĩu nặng nỗi buồn. Lũ chim bồ câu bay rợp trên những dãy lầu bỏ hoang. Chiếc xe trolley nghiêng bánh trên đường sắt, và những tia lửa xẹt từ những sợi dây

cable trên cần trục. Đây là một khu mà cả thành phố này ai cũng kinh sợ. Tội ác. Drug. Ngay cả cảnh sát cũng ít lai vãng. Đa số những người tị nạn không thân nhân đều được hội bảo trợ tổng về đây, ở trong những apartment với giá tiền thuê rẻ mạt. Chúng tôi đã biến đổi khu slum thành một khu Việt Nam nho nhỏ. Người này san xẻ với người kia về kinh nghiệm đã học được. Chúng tôi cùng rủ nhau đợi xe bus vào lúc ba giờ sáng để về các nông trại xa để hái táo lê hay cherry, và nhận tiền mạt. Chúng tôi cùng kéo nhau đi điền đơn xin việc tại các hãng xưởng hay làm chân lau chùi vệ sinh sau giờ làm việc. Những người đàn bà thì mách với nhau về nơi nào bán đồ cũ, bán đồ đại hạ giá. Con chúng tôi được gởi đến một ngôi trường mà 99% là học trò Mỹ đen. Không ai cho chúng tôi biết về những chương trình giúp đỡ dân tị nạn, hay chương trình học vấn. Chỉ có chúng tôi, người này biết nói với người khác hay. Chính vì sự san xẻ này mà tôi mới biết tại một ngôi trường đại học cộng đồng của thành phố có một lớp dạy Anh ngữ miễn phí. Và chúng tôi cùng rủ nhau tìm đến để ghi danh.

Buổi sáng, Khanh, Lương, cô Huệ và tôi theo xe điện ngầm đến văn phòng ghi danh. Ngôi trường nằm bên cạnh City Hall. Bà giáo phụ trách chương trình ra dấu bảo cả bọn vào văn phòng, rồi phát đơn, phát bài để trắc nghiệm. Những câu hỏi trắc nghiệm về văn phạm, Toán học v.v... Tất cả đối với tôi đã quá quen, lý do tôi đã học trong những năm trung học và đại học ở quê nhà. Tôi làm xong trước giờ ấn định rất lâu. Bà giáo chấm bài ngay tại chỗ. Bà gọi tôi vào, khen ngợi tôi, nói với tôi là mày không cần học lớp ESL, mà học

thăng lớp English 100, có nghĩa là lớp được tính credit. Bà còn hỏi tôi về cái ngành học tôi ước muốn. Tôi trả lời tôi không biết. Tôi chỉ muốn học tiếng Anh, để hiểu những gì căn bản nhất mà người bản xứ nói. Bà ta khẳng khẳng, mày có trình độ mà, bài trắc nghiệm của mày đúng hoàn toàn mà. Mày muốn học ngành điện toán không? Tôi không biết tí ti gì về điện toán nhưng vẫn gật đầu. Xin bà giúp đỡ. Cảm ơn bà. Tôi nghĩ công việc chọn nghề là việc của bà. Ai ai cũng phải có một nghề để theo đuổi.

Sau đó bà hướng dẫn tôi lên lớp học. Tôi ngu ngơ như một con nai lạc. Trường quá rộng. Sinh viên qua lại dập dềnh. Tôi không dám mong trở thành một phần tử trong thế giới này. Lại nữa, số tuổi quá 40 của tôi quá già để nghĩ đến một sự bắt đầu. Tôi chỉ muốn học để có thể nghe và hiểu, thế thôi. Nhưng bà giáo lại đẩy tôi vào lớp. Trời ơi, mấy chục sinh viên bản xứ quay lại nhìn tôi chăm chú. Ông giáo sư ngồi ở giữa một vòng tròn sinh viên. Tôi kéo ghế chen vào vòng tròn. Ông giáo sư bắt sinh viên giới thiệu về mình. Tôi hoàn toàn không hiểu họ nói gì nữa. Và tôi hoảng hồn bỏ lớp. Tôi chạy xuống văn phòng tìm bà giáo cố vấn chương trình. Tôi xin bà xuống lớp thấp nhất. Bà giáo cười. Lần đầu tiên tao mới thấy một người đòi xuống lớp thay vì lên lớp. Mày không biết được học lớp English 100 này là một điều hạnh diện hay sao?

Từ buổi ấy, Lương, Khanh, Huệ và tôi cắp sách đến trường. Tên học trò trung niên, mang cặp kính, mang theo nỗi buồn của một đứa con xa xứ, đến trường. Ngôn ngữ cứng ngắc trên hai hàm răng. Chữ

nghĩa mờ nhạt trên đôi mắt yếu. Để buổi chiều cầm tấm giẻ, cái chổi, đẩy máy hút bụi, nhìn bên ngoài những khung cửa kính của dãy lầu nào đó, mà buồn muốn khóc. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến bây giờ, ngoại trừ những năm tháng tù tội, tôi chưa biết thế nào là vào trong nhà vệ sinh phụ nữ để lục lọi từng miếng băng vệ sinh để bỏ vào thùng rác. Tôi xin nói thật, không che giấu, không úp mở. Tôi đang mở đôi mắt lớn để nhìn đời. Đời dạy cho tôi. Tôi xin viết lại, cho con cháu tôi. Tôi đẩy thùng rác, vừa đẩy vừa nghĩ đến bài học. Tôi ghi từng chữ Anh, chữ Mỹ trên tấm gạt, thỉnh thoảng, lấy ra nhìn, cố gắng nhập tâm. Đó, thưa chị phương xa, chị mà biết, chị sẽ không bao giờ qua xứ Mỹ này. Chị có biết, khi em gọi điện thoại từ trường về nhà thăm chừng thằng con của em, không nghe tiếng nó trả lời, là cả tim em cơ chừng muốn nhảy ra khỏi lồng ngực không? Học. Học. Không học thì làm gì bây giờ. Lương, Khanh cứ thúc. Vợ nhà cũng thúc. Những tiếng cười ngạo mạn của một người nào đó, khi mình phát âm sai. Con mẹ chủ nhà không buồn ngẩng đầu nhìn đám người tị nạn khi họ đến than phiền về heat. Tôi nói với Khanh, tao sẽ cho bọn nó biết về một thằng gốc đánh giặc này. Đ.M, tao sẽ học để chửi tay đôi với chúng.

oOo

Bây giờ, tôi đang trở lại khu xóm cũ, sau hơn 10 năm xa cách. Vẫn những con bồ câu hoang đậu dưới gầm cầu xe lửa. Vẫn những vách tường dày đặc chữ viết bậy. Vẫn những ngôi nhà hoang. Vẫn những sân

nhà phủ ngập cỏ dại và rác rến. Vẫn con đường qua xóm, với hàng điện trời mà mỗi khi chiếc xe trolley chạy qua, là tiếng kêu leng keng như một tấu khúc vui trong ngày. Có điều khác chẳng là lớp người tiền phong như chúng tôi đã không còn nữa, mà để thay vào đó là những người Miên hay Lào. Vâng, như người Do Thái của một thời, đã bỏ khu này mà đi, rồi đến người Mỹ đen, rồi người tị nạn Việt Nam... Lương là kỹ sư cơ khí. Huệ đã trở thành dược sĩ. Cô Vân đã dọn nhà sang một khu khác, an toàn hơn, và hai đứa con của cô đang học đại học. Anh Phú có con đã ra Bác sĩ. Ông Tâm đã qua đời. Bà Căn cũng về với Chúa. Một thế hệ mới đã vươn lên từ sự lao khổ lận đận của thế hệ tiền phong. Không phải đi khai mỏ vàng, hoặc đi tìm đất mới. Nhưng phải tự dùi dất trên chính một nơi mà mình chẳng bao giờ lựa chọn, để mong con cháu nên người.

Thư cho một người bạn thơ

Phan Nhựt Thức xa xôi,

Hôm nay tao được đọc thư của mày được đi trên tờ Hợp Lưu. Mày nhắc tên tao và kêu gọi lòng từ bi hỉ xả của đám bạn bè ở hải ngoại, hãy bố thí cho mày ít nhiều để chống trả lại cơn bệnh nan y. PNT ơi, mày không biết gặp ai tao cũng hỏi thăm, cố tìm địa chỉ của mày. Mày không biết trong tâm não tao đã nguyện nếu sách của tao nhờ Trời mà bán được thì tao gửi về giúp bè bạn. Và Trời đã nghe lời cầu xin của tao. Tao đã gửi cho chị Lê Bá Lăng để xây lại mộ anh Lăng. Tao đã nhờ Lê Mai Linh gửi chút đỉnh về giúp Nguyễn Bắc Sơn. Tao cũng đã nhờ Khánh Trường chuyển về mày. Đừng nghĩ là tao khoe khoang thành tích. Số tiền này đâu có đáng gì so với những tay Việt Kiều về quê vào nhà hàng ăn nhậu một buổi hay chơi gái 14, 15. Tao chỉ muốn nói lên là ơn Trời đã nghe lời cầu xin của tao tại một nơi mà chuyện làm văn chương kiếm tiền bỏ túi chỉ là một chuyện hy hữu như ở hải ngoại này.

Hai mươi năm không thăng nào ở hải ngoại này tung hô hay vinh danh bọn mày thì tao phải có bốn phận

tung hô những tên thất thế. Bao năm rồi có thằng nào ở đây lại hiểu được cái cảm nín bão bùng của bọn mày, những tay Lương Sơn Bạc của một thời chiến tranh. Chỉ là cái bóng tối và lệ tủi nhục. Tủi nhục cho mình, và xấu hổ cùng con cháu. Cái cảm lặng tức tủi của bọn mày, có thằng nào ở đây viết ra đâu. Sách báo khai thác tối đa từ những người xuất thân từ hàng ngũ thắng trận, sau khi nòi gạo của họ bị mất. Khi mà tâm trí họ vẫn còn mang hào quang từ một cuộc chiến đấu thần thánh. Khi mà số tuổi về chiều của họ chỉ còn một chút năng tàn thoi thóp để họ phải tự tra vấn ăn năn. Không có một tác phẩm nào nói về những ngôi mồ bị bốc đi, hay công khai bệnh vực những người thương binh hàng ngũ thất thế đang kéo lê kiếp sống khốn cùng khắp các chợ thành. Không có một bài văn nào nói về những niềm thống khổ từ một hàng ngũ mà mãi đến bây giờ vẫn chưa được quyền ngóc đầu lên nổi.

PNT,

Tao biết tao nóng nảy khi viết những hàng chữ trên. Thế hệ của bọn mình đã bước quá cái tuổi 50, tức là sắp theo những ngọn lá vàng không biết rụng xuống khi nào. Hơn bao giờ, chúng ta ao ước hơn ai hết một ngày hai bên sẽ hiểu rằng, tất cả chỉ là nạn nhân của những tay đồ tể chiến tranh, để thông cảm và tha thứ cho nhau. Không có kẻ thắng người thua trong cuộc chiến. Kẻ thắng không phải thế hệ chúng ta. Thế hệ chúng ta chỉ là những viên gạch lót đường. Thế hệ chúng ta, bi thiết không hôm qua, không hôm nay, không ngày mai. Thế hệ chúng ta mới hai mươi

mà già như quả đất: *Chiều cuối năm ngồi trên tầng phố cũ. Trời mưa bay nhìn thành phố sa mù. Hai mươi tuổi nửa đời nuôi mộng ảo. Đã xa rồi cây trái mọc suy tư* (Nguyễn Nho Sa Mạc). Thế hệ chúng ta, *Ta hồng Tú Tài, ta đợi ngày đi, đau lòng ta muốn khóc*. Thế hệ chúng ta, cuối cùng, *người mẹ Bắc lên non tìm xác, người mẹ Nam xuống biển tìm thầy...* Và thế hệ chúng ta, cuối cùng có ta đang ở Mỹ, và có bạn ta đang kéo lê cùng bệnh tật, viết thư xin tình thương. Bây giờ tao phải đứng ngồi không yên trong cái căn phòng ngủ của Khách sạn Embassy Suite này. Tao điên khùng. Mà xem, giá mỗi đêm là \$100.00 cho một giấc ngủ. Tiền ăn mỗi ngày tao được phép xài là 40 đô la. Hãng ban phát cho nhân viên đi công tác. Tao đâu cần gì cái thứ giường nệm gối êm, nước nóng nước lạnh, TV mấy chục inches như thế này. Tao đã từng ngủ bờ ngủ bụi ngủ gò mả ngủ ghế bố bến xe rồi mà. PNT ơi, ước gì tao được tự do chọn lựa, thì đêm nay tao sẽ ra hàng hiên, chia tiền chia bạc, chia nệm chia các tiện nghi... Tao cắt từng lát steak, rán giòn cho đủ \$40. Không xài thì đại. Tao nốc bia Nhật, bia Hoà Lan, của free... Tao đau lòng tao, cái cô độc rung rung nước mắt. Con hầu bàn xinh đẹp nào nùng cứ thỉnh thoảng ghé qua hỏi thăm rất ngọt, nó làm sao hiểu lòng tao. Bên cạnh bàn là cái thác nhân tạo, từ trên cao đổ xuống hồ nước trong veo, thấy rõ những chú cá chép vàng dưới ánh đèn neon. Trên quầy rượu, người ta vừa uống bia vừa xem túc cầu. Chỉ có mỗi một mình tao. Tao mở mắt mỗi để đọc lại lá thư của mày thêm một lần nữa. Mấy mươi năm trôi qua, để hết rồi thời trẻ dại, để có thêm những kinh nghiệm về

trường đời, và lịch sử. Đến lúc này tao chẳng nhớ ông vua bà chúa nào hết, ngay cả những bài hát mà mỗi ngày tao hát cả chục lần như bài Bão Nổi Lên Rồi, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây hay Giải Phóng Miền Nam, tao vẫn không thể nhớ nổi một lời hướng hồ chi cả bài. Nhưng tao lại nhớ hai câu thơ của mày. Thân ngựa núi một thời giông ruổi. Tim tương lai nơi viễn vọng khôn cùng. Nhớ mấy mươi năm rồi cũng còn nhớ. Bây giờ, những con ngựa rong ruổi nay đã què rồi. Tương lai thì mỗi thằng một ngã, sau mấy chục năm làm thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi...Tương lai là cái quán nghèo vợ mày kéo dài cuộc sống cam khổ, còn mày thì đang chống cự với tử thần. Đời sống quả buồn như thế ư.

Mày hãy ráng mà sống, nghe Mê Kung Phan Nhự Thức. Chờ tao về để bọn mình còn ra quán ngòi nhìn hoàng hôn ráng đỏ trên bờ sông Thị Nghè. Chờ tao về để mình còn nhắc lại những ngày ở Thủ Đức, quán Thiết Giáp và những trang ghi nợ cùng những cô bé một thời từ Sài Gòn lên thăm. Chờ tao về, để đọc cho tao nghe những bài thơ xa cách. Chờ tao về tao sẽ kể cho nghe thiên đường Mỹ Quốc này, để mày sẽ biết rõ hơn thế nào là những giọt lệ lưu vong. Mày phải sống. Phải vượt qua ba cái bệnh tật lẽ tẻ ấy.

Tao cũng báo tin mừng là tao đã tự xuất bản tập truyện Ra Biển Gọi Thầm vào cuối năm 1995. Tin mừng bởi vì tao vẫn còn ngộ ngầy được trong chốn đầm lầy dạ trạch ở hải ngoại này. Giữa lúc thiên hạ bị nhận chìm, tao may vẫn còn thở mấy cái. Tự đánh

máy, tự layout và tự phát hành. 1000 cuốn nghe mây. Ngày đầu tiên, mang hơn chục thùng sách về nhà, vợ tao kinh hãi. Mấy thằng bạn thì than thầm dùm tao: "Ông lựa chi đúng mùa đông lịch sử này mà ra sách, tôi hết ý kiến". Tao thì hồi hận. Ở xứ này, làm cái gì cũng tính trước tính sau, lợi hay hại, thiệt hay hơn. Ngày đầu tiên, tao nghe được cái mùi mực mới, và mùi thơm của giấy. Tao lấy chục cuốn, viết tặng có chữ ký của tao. Tao tặng ai bây giờ. Những người mà tao đã xây dựng trong tác phẩm, đều ở lại bên nhà, sống và chết như những bóng ma. Không có họ thì không có RBGT. Và trong đó có mây. Tao muốn gửi về bạn bè mỗi đứa một cuốn để chứng minh rằng qua Mỹ ăn bơ sữa tao vẫn còn viết. Nhưng làm sao tao gửi về. Văn chương phản động. Văn chương đế quốc. Văn chương bồi Mỹ. Văn chương thực dân kiểu mới. Tao đành dùng cái bì mà nhà in tặng không mấy chục bản để gửi tặng mây. May ra nó còn lọt vào Việt Nam. Để báo tin rằng, lần đầu tiên, trong đời, tao tự hoàn thành một tác phẩm từ A đến Z. Để cho mây thấy mặt mũi của tao sau bì *full color*. Để nói với mây, là lúc nào tao cũng nhớ đến mây. Nhớ đến những ngày những đêm một bọn sinh viên sĩ quan bọn mình dất nhau về quán Thiết Giáp hay về Hội Quán trường Bộ Binh Thủ Đức... Nhớ đến cái thân hình gầy nhom của mây với đôi giày nặng trĩu như kéo tằm thân xuống đất, và nhớ đến những lần tao vượt đèo Bình Đê, bọc trong giấy nhật trình trái lựu đạn, và những trứng vịt lộn nóng hằm trong thùng trấu, cùng những chai bia và những tiếng khóc, tiếng cười của một thời...

Hãy hiểu dùm tao nghe PNT. Dù sao, tao cũng phải để dành một cuốn cho mày. Hãy gắng mà sống, chờ tao về, tao mang theo một cuốn tặng mày.

000

PNT, tao viết tiếp đây. Sáng nay, tao đã gửi cái bìa về mày, nhưng chiều nay, nhà thơ Thái Tú Hạp gọi tao cho biết mày đã chết. Sáng nay, tao viết cho người còn sống. Chiều nay tao lại viết cho người đã khuất. Như vậy tao còn chớ gì để mà nói nữa hay viết tiếp nữa. Có nghĩa là mày sẽ không bao giờ đọc RBGT của tao, và tao sẽ không còn được gặp lại mày nữa. Một con ngựa đã rủ bờm và bay lên Trời. Từ đất người, tao xin viết tặng hương hồn mày hai câu thơ:

Một con ngựa trắng về trời

Hai bờ sông núi ngậm ngùi tiễn đưa

Ngủ yên nghe mày.

Về một ngôi trường mất tên

Con đường ấy tôi đã qua lại lắm lần. Như một câu văn của Thanh Tịnh trong bài Mùa Tụ Trường, tôi cũng muốn nói về một ngôi trường, mà hầu như mỗi ngày tôi đều qua lại. Từ một ngôi nhà trên đường Phan Thanh Giản, qua trường trung học, mỗi sáng, mỗi chiều, theo từng nhịp trống thùng thùng, giữa rừng học trò như từng đàn bướm trắng. Buổi sáng sớm, ngoài đường đã nghe xôn xao tiếng cười nói của các em học sinh, và buổi chiều rộn ràng những nhịp guốc trên đường nhựa. Mất nháy lại, tôi cũng có thể hình dung hai tầng lầu, mái ngói đỏ, bên trong bờ thành cao màu vôi vàng nhạt. Mất nháy lại, tôi cũng có thể thấy rõ, một nơi trú ngụ của một thời. Đó là tuổi học trò. Đó là những ngày xanh hồng, mà hồn sách vở xôn xao những kỷ niệm vui buồn, từ bạn nhỏ, từ thầy xưa, từ ông cai già, từ ngày mưa ngày nắng lấp đầy mộng mơ tuổi ngọc. Đôi khi một viên sỏi cũng đầy kỷ niệm, một tiếng trống trường cũng phải làm mình ngẩn ngơ, một con chim sẻ nhảy liếng thoảng cũng làm lòng người học trò, lớn lên, xao xuyến. Hướng hồ nơi đó, người học trò đã có cả vạn ngày, mà nhớ lại, không biết có thể đếm cho đủ những chuyện vui buồn dưới một mái trường xưa.

Tôi không phải là học trò Phan Thanh Giản. Nhưng đối với tôi, có một sợi dây vô hình nào đó đã nối buộc con tim tôi với mái trường lấy tên một người sĩ phu bất khuất. Gia đình vợ tôi may mắn rất liên hệ nhiều với trường. Các vị thầy của trường đã đến nhà vợ tôi hàng bữa, và nhạc phụ tôi không bao giờ quên giới thiệu một thằng rể miền Trung. Những mẩu chuyện về trường, về quý thầy, những người học trò, hầu như mỗi ngày tôi đều nghe, đều biết, đều thuộc. Tôi được nghe kể về những cá tính đặc biệt của quý thầy, đến nỗi tôi phải nằm lòng, mà nghĩ như quý thầy là thầy dạy thật của mình. Như thầy Cam. Từ bài thơ ốc sò đến những giọt nước mắt mà thầy nhỏ xuống khi đọc bài Thầy Mẫn Tử... Và mãi đến bây giờ, tôi vẫn còn được nghe lại từ những người mà tuổi đời đã bước qua số tuổi trung niên, gặp nhau lại ở xứ người còn gọi lại mày tao, tôi, bà hay những tên gọi thân thương xa xưa. Họ đã xem những ngày học trò là những nụ hoa vĩnh cửu, tươi đẹp nhất. Họ đã tự hãnh diện, ít ra, tại ngôi trường này, đã sản sinh bao nhiêu người nổi tiếng một thời, bên này hoặc bên kia. Hay người nhạc sĩ tài hoa như Nguyễn Mỹ Ca v.v... Có những tên tuổi gắn liền với thảm kịch. Chẳng hạn hai người bạn học cũ chết trên cùng một chiến trường. Một người là Trung Tá Lưu Trọng Kiệt tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cọp Ba Đầu Rắn, và người kia là một người cán bộ khét tiếng của VC .

oOo

Đầu tháng năm, 1975 tôi đi trình diện, và bị tập trung tại trường PTG.

Tháng năm, tháng bắt đầu của mùa nghỉ hè, nhưng bây giờ tháng năm, không còn là những bài lưu bút ngày xanh, những bịn rịn lưu luyến trong ngày chia tay nữa, mà là lệ đỏ và nỗi căm lạnh khủng khiếp. Nền lớp chen chúc người. Cửa lớp mở ra, thay vì nhìn một bầu trời xanh, hay những áng mây trắng vô tình đậu lại, bây giờ là một màu mây xám. Tôi đã nằm ở đấy, mà người ta đã cho tôi một chỗ, đủ để dài đôi chân trên chiếc chiếu hẹp, để mỗi ngày tôi được nhìn lên chiếc bảng xanh và những mảng nắng lung linh bên ngoài cửa lớp. Cảm giác cô lập càng ngày càng đè nặng, không tin tức, không một dấu hiệu gì cho lời hứa hẹn. Và càng ngày, bốn bức tường vây quanh, những hòng súng đen ngòm, càng làm cho ngôi trường trở thành một trại tù không hơn không kém. Không biết ai là người học trò cũ để phải rung rung. Trường lớp dành cho học sinh. Trường lớp dành cho kiến thức. Trường lớp dành cho trí tuệ. Trường lớp mở cửa cho hy vọng chứ không phải đóng cửa cho bóng tối. Nhưng bây giờ, hai dãy lầu không còn vang lên niềm vui trong sáng, những ước mơ của tuổi học trò, mà trái lại, là "Ước gì mắt ta được mù tai ta được điếc" như dòng chữ viết bằng than của ai trên vách tường.

Một ngày, hình như buổi xế trưa thì phải, chúng tôi được lệnh tập trung tại sân cờ. Đây là lần đầu tiên, chúng tôi được lệnh tập trung. Có biến cố gì không. Có thay đổi gì trong chính sách không. Không ai có thể biết được. Rồi tay thượng úy đứng trên bậc thềm xi măng dưới cột cờ, cầm giấy đọc. Hấn đọc gì.

Không. Hấn kết tội. Lần này không phải buộc tội chúng tôi, nguy quân, nguy quyền, phản động, tay sai. Mà hấn kết tội cụ Phan Thanh Giản. Tên của một ngôi trường. Hấn không kêu là cụ, là ông, mà từ đầu bài đến cuối bài là chữ "tên". Tên bán nước. Tên đầu hàng. Tên có tội đối với nhân dân. Tên tự tử vì hèn nhát. Tên tiêu cực. Tôi không thể nhớ nổi bao nhiêu chữ tên mà hấn dùng. Sau đó là hai tay cảnh vệ dùng búa đập tượng. Đập cuồng điên. Những mảnh xi măng văng ra tôi tả. Những tiếng búa khô thốc. Nhưng họ không phá hết. Họ vẫn còn chừa lại tám thân bị thương tích, bên chiếc đầu gãy lia khỏi cổ.

Có những sự thật mà người ta không thể tin bằng mắt, bằng tai. Nhưng bây giờ mắt đã thấy và tai đã nghe. Để hiểu hơn về một sự thật và càng hiểu về nỗi ngu muội lầm lẫn của mình. Vâng. Lần đầu tiên, tôi mới được người ta dạy cho bài học từ khi mang gạo, lương khô mười ngày đi trình diện. Bài học về lịch sử. Tôi đã được dạy về tám gương sĩ khí của cụ PTG, và tôi đã tự hào về tổ tiên tôi trên từng trang lịch sử, và tôi tin tất cả những người học trò của ngôi trường này cũng vậy. Mỗi ngày họ đều thấy pho tượng, để mang vào tâm hồn niềm hãnh diện là được làm học trò mang tên ngài. Dù người học trò này thuộc hàng ngũ này hay hàng ngũ khác. Nó là biểu tượng một truyền thống, một mái nhà không hơn không kém. Nó là một chuẩn điểm để những người học trò cũ còn trở lại với nhau, tìm lại nhau trong nỗi cảm thông sau một cuộc chiến tương tàn thảm khốc.

Nhưng tôi không thể ngờ lại có một chế độ lại chối

bỏ lịch sử, ngang ngược với cha ông mình, hơn nữa lại còn trả thù hèn hạ, ngay trên cả một pho tượng đá.

Đến một người như cụ Phan Thanh Giản mà người ta còn mang ra hành tội, thì không còn một ý kiến gì nữa. Chúng tôi, không ai dám nhìn thẳng.

oOo

Bây giờ, sau gần bốn năm khổ sai, tôi trở lại cùng thành phố cũ. Tôi trở về để nói thăm: *Những cánh chim đã trở về biển. Và còn tôi cùng thành phố ngậm ngùi.* Đã xa rồi những cánh chim của một mùa xuân, một hôm nào về trên thành phố, thật đúng hẹn. Đã xa rồi đôi cánh nhỏ, bờ ngực mượt mềm, tinh nghịch bay lượn trên không. Đã xa rồi đất dậy mùi rừng, mùi núi, mùi lộc non, như thể mùa xuân của mình. Đã xa rồi những cánh trời, thẳng đường bay, sáng qua, gọi bầy inh ỏi. Và bây giờ chỉ còn lại tôi ngơ ngác như người Thượng mất bản, mất buồn... Mỗi ngày tôi vẫn qua ngôi trường mất tên, ngôi lầu mất chủ. Mỗi ngày tôi vẫn qua phòng đọc sách, nơi ngày nào, tôi vẫn hằng đến, đắm chìm trên những trang chữ nghĩa. Mỗi ngày tôi vẫn đạp xe giữa hai hàng phố cũ. Và cây cổ thụ già bên đường che cái quán cóc, nơi mà ngày nào tôi và đám bạn vẫn thường hay ra ngồi lại, nhìn thành phố, và những người học trò con gái bãi học trở về.

Bây giờ, hết. Lần đầu tiên tôi mới hiểu được ý nghĩa của một nỗi mất mát. Bên kia trường là Bộ Tư Lệnh Quân đoàn 4. Một gia đình đã tự vẫn hôm ấy. Tôi nhớ đến những xác người được mang ra. Một

người con gái, mặt tái mét, miệng vẫn còn sùi bọt. Tôi lại nhớ đến hai ông tướng cúi đầu đi bách bộ trên sân cờ trước khi hai ông tự sát. Hai ông đã đi ra đường Phan Thanh Giản, khúc đường cấm dành cho bãi đậu xe. Không một bóng người. Hai ông đã đợi ở đấy vài phút, trong bóng tối, và phút chốc, một bóng người khác, mang áo quan, đội nón chuồn, chồm râu bạc phơ, hiện ra, và cả ba đều dất tay bay lên trời. Tôi mơ hay tôi thấy thật. Tôi phóng đại hay tôi viết sự thật. Tôi viết thật, bởi vì tôi nghĩ là thật. Bởi vì con đường Phan Thanh Giản là con đường tuần tiết. Cả ba ông chết để cho thiên hạ được sống, để con cháu đồng đội được quyền tự hào.

Nhưng vẫn có những người chối bỏ, và sợ hãi, co rúm khi nhắc đến những mảnh vụn vỡ tôi tả trên bậc thềm của cột cờ. Họ đi tìm đồng môn, nhưng họ không dám ngẩng đầu với lòng nghĩa khí.

Như vậy, huyền nhiệm thay cho một mẫu số chung: Có một con đường mang tên một người cự thần tự vẫn, bây giờ lại thêm hai ông tướng nữa phò chung. Chắc hẳn phải linh thiêng lắm. Chắc hẳn phải là đau đớn lắm. Chắc hẳn phải tủi nhục lắm. Và xa xót lắm.

Chỉ có chăng là trong ngôi nhà thờ im lặng, buổi chiều vẫn còn đốt ngọn nến mờ, và chỉ mỗi một mình ông mục sư là quì xuống. Không một con chiên. Không một tín đồ. Và ông mở cuốn thánh kinh. Ông nói với bức tường lặng câm. *"Kẻ tàn phá đã đến nghịch cùng người; hãy giữ đồn lũy, canh phòng đường sá, thắt chặt lưng người, và thâu góp cả sức mạnh người."*

Đối thoại với một nhà văn

Từ lâu, người ta đã chờ đợi những tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam bằng ngòi bút trung thật, vượt khỏi định kiến, guồng máy, lập trường, từ những nhà văn miền Bắc. Tại sao là miền Bắc. Bởi vì, những người viết của miền Nam ít ra, đã thả dãn biểu lộ hầu hết những gì mà họ đã tham dự hay nhân chứng, mà không bị ràng buộc bởi bất cứ một ai, bất cứ một khối lực nào. Chính vì sự mong mỏi ấy, những tác phẩm của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn huy Thiệp, Bảo Ninh, vân vân... đã được đón nhận từ trong nước, đến ngoại quốc, và cả người Mỹ lưu tâm về Việt Nam và đã được xem là hiện tượng. Trong số tác phẩm này, tôi được đọc hai truyện dài: Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, và Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh. Tôi xin được góp ý về Nỗi Buồn Chiến tranh vì truyện này đã nhắc thường trực về những người lính thám báo VNCH, thuộc hàng ngũ chúng tôi. Hơn nữa NBCT hiện nay là một đề tài thảo luận sôi nổi trên internet, qua những Newsgroups và Usenet và diễn đàn Ô Thước (xin xem <http://saomai.org/~vhnt/> qua các bài thảo luận của Trần Hoài Thư, Bùi Thanh Liêm, Trác Trần, Phùng Nguyễn). Ngoài ra, truyện đã được dịch sang tiếng Anh (Bảo Ninh, The Sorrow of War. Vietnamese original Hanoi, 1991; English translation London:

Martin Secker & Warburg, 1993; New York: Pantheon), phổ biến trong các đại học Mỹ, tác động nhiều trong tâm trí của những người tuổi trẻ hải ngoại, không đủ khả năng đọc Việt ngữ. Nguyên bản bằng tiếng Việt đã được in ở Mỹ do Nam Việt xuất bản, Phạm Việt Cường viết tựa, với kết luận như sau:

"Nỗi Buồn Chiến Tranh là một thành tựu văn học vô cùng lớn lao, là một tác phẩm sâu sắc nhất về chiến tranh Việt Nam từ trước đến giờ, và chắc chắn sẽ tồn tại lâu dài trong kho tàng văn học Việt Nam".

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Trước hết tôi phải cảm ơn anh vì nhờ đọc Nỗi Buồn Chiến Tranh tôi mới hiểu rõ hơn về tâm tư của một thế hệ và giai đoạn mà tôi cũng như anh là những người trong cuộc. Anh viết về sự đổ vỡ và phá sản bi thảm của tuổi trẻ miền Bắc trong cuộc chiến đấu mà chế độ từng nói là cuộc chiến đấu thần thánh chống Mỹ cứu nước. Anh đã kể về những đôi ma chập chùng ở miền cao nguyên nồng nặc tử khí. Lính Mỹ. Lính miền Nam. Lính miền Bắc. Anh viết về những chiếc T54 nghiêng trên những người lính sư đoàn 18. Anh viết về những lưỡi dao găm thọc vào tim máu phụt thành tia vòi. Anh viết về nỗi tuyệt vọng của những người lính trinh sát qua Kiên, hay của những bè bạn của anh ta, đào ngũ, giao động, hoang mang cùng cực. Anh lại kể về trận đánh ở Ban mê Thuật vào một trung tâm cảnh sát, cùng những người nữ cảnh sát viên thuộc hàng ngũ miền Nam, và nhất là sự có mặt hầu như ám ảnh suốt truyện về những toán thám báo. Anh đã tả lại một toán thám báo vào mặt khu, bắt

theo 3 cô gái, hãm hiếp và sau đó giết họ rồi vất xuống sông. Anh nêu đích danh tay chỉ huy là một trung úy.

Nói tóm lại anh đã lọt tã trần trụ nổi kinh hoàng của chiến tranh, không che đậy, dấu diếm. Ngoài ra anh cũng vén cái màn dối trá từ lâu đã bao trùm cả xã hội và tuổi trẻ miền Bắc. Đó là điều hiếm có cho nền văn học trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

oOo

Thưa nhà văn Bảo Ninh. Tôi đã rung nước mắt trên những trang giấy về nỗi chán chường cùng cực của một thế hệ bị đẩy vào lò nung, nhưng tôi không thể không phần nộ khi anh dùng nỗi buồn chiến tranh ấy để cố ý xuyên tạc bôi nhọ một hàng ngũ thất thế.

Xin đọc lại đoạn tả một trung úy thám báo bị phe các anh bắt làm tù binh:

"tên nom to con nhất trong bọn, mắt trái bị báng súng động lõi ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lạnh nhìn Kiên cười khẩy, và khăn khăn nói, nhe hàm răng trắng ớn. - Ba nhỏ đó trình quý anh, tội này làm thật cứng hà bá rồi... Mấy nhỏ la khóc quá trời..." (NBCT, trang 51, 52). Rõ ràng anh có một trí óc sáng tạo có một không hai. Anh tốt nghiệp khóa 3 trường viết văn Nguyễn Du mà. Nhưng anh đã không hiểu gì về vai trò của thám báo. Nhiệm vụ của thám báo là dò thám, lấy tin. Trinh sát, viễn thám, thám báo, biệt kích, những danh xưng, dù khác nhau, nhưng nhiệm vụ là phải tuyệt mật. Toán trưởng thường thường mang cấp bậc thiếu úy hay chuẩn úy. Riêng cấp bậc trung úy chỉ dành cho trung đội trưởng mà cấp số thường trên hai mươi người. Như vậy,

không tên lính thám báo nào lại ngu độn đến nỗi xâm nhập vào một mật khu, lại bắt mang theo ba cô gái, để cho các anh theo dõi bắt lại. Riêng anh cho người chỉ huy là trung úy, thì rõ ràng anh có một chủ ý thấy rõ. Cứ tưởng tượng đến một nhóm bảy người dưới sự chỉ huy của một tên trung úy vào mật khu để bắt ba con mồi, thúc súng đằng sau, hét hò, bận bịu để mang ra khỏi rừng, giữa lúc quân chính qui các anh thì đầy đặc, rõ ràng là một câu chuyện hoang tưởng và xuyên tạc có chủ ý. Trung úy ở hàng ngũ chúng tôi cũng học nhiều trường, từ trường học, đến trường lính. Tối thiểu họ cũng có Tú Tài. Họ có học thức. Với cấp bậc trung úy, ít ra họ cũng có kinh nghiệm chiến trường. Họ không ngu độn như vậy đâu. Chỉ có những người chưa đi đánh giặc một ngày nào, mới tin câu chuyện là sự thật. Chỉ có những tay không biết gì về vai trò thám báo mới tin ở câu chuyện anh tả. Ngay lời nói của viên trung úy tù binh kia cũng đủ cho biết cái dối trá, phóng đại. "Ba nhỏ đó tụi này làm thật cứng hà bá rồi. Mấy nhỏ la khóc quá trời". Nội câu trả lời kia cũng đủ cho thấy cái chủ ý, cái căm thù hằn học, mà chỉ có những cai tù trong trại học tập mới dành cho những con người thất thế. Hễ là thầy giáo thì phải hăm hiếp nữ sinh. Hễ là sĩ quan tác chiến là phải mổ mật mổ tim nhân dân cách mạng. Thì ra đầu óc anh vẫn còn bị nhồi sọ bởi cái luận điệu của chế độ. Hay cũng vì nhờ những đoạn này mà nhà nước đã cho NBCT được xuất bản và được phổ biến rộng rãi ?

Cái tàn bạo trong cuộc chiến là lẽ dĩ nhiên. Tôi không khẳng định ai ai trong hàng ngũ miền Nam đều là anh hùng quân tử. Tuy nhiên sự tàn bạo ấy anh đã

vẽ nên không phải lúc, phải chỗ, khiến bất cứ người nào đã từng tham dự vào cuộc chiến cũng phải phì cười.

Xin anh hãy công bằng khi viết. Hơn nữa chính anh đã kể về người tù binh thám báo mời lính trinh sát các anh hút thuốc Ruby. Nịnh hay là một bản tính đôn hậu, chân thật, thân ái của những người trẻ tuổi miền Nam chúng tôi?

oOo

Thưa nhà văn Bảo Ninh.

Trong bất cứ một tập thể nào cũng có kẻ xấu người tốt. Tuy nhiên, tôi xin nói với anh một điều, chúng tôi có học, học từ tình yêu thương của Chúa và Phật, chứ không phải học từ Ban Tuyên Huấn, từ ông Tố Hữu hay Chế Lan Viên, chỉ biết ngợi ca sắt máu, căm thù người cùng màu da như anh và tôi. Họ còn đầu tố cả cha mẹ họ hướng hồ đối với những người khác hàng ngũ. Anh đã không can đảm để nói lên sự thật như Trần Mạnh Hảo đã nói trong Ly Thân. Tại sao, sau chiến tranh, một nhà thơ trẻ tài ba- một thương binh cũng nguyên gốc Trinh sát là Trần Khuất Nguyên, lại tìm được một người bạn tri kỷ cuối đời là một người thương binh thuộc hàng ngũ chúng tôi? Tại sao anh ta không có một người bạn nào khác trong một tập thể thắng trận là các anh? Hay anh ta chê các anh ?

Thứ hai, khi đề cập đến nỗi chán nản cực độ, anh đã cho nhân vật Kiên đi như đi vào chỗ không người, khi đụng trận với thám báo (lại thám báo) . "*Kiên*

chẳng buồn khom người xuống, thông thả đi tới, vẻ khinh miệt đầy uể oải. Tên địch hấp tấp bắn. Hấn cuống. Đạn nổ dính tai. Song cả ba chục viên đạn quạt căng rất kỳ thay không một viên gài vào Kiên. Anh không bắn trả, chỉ còn cách con mồi vài bước nữa, vẫn không bắn. Tuồng như anh muốn ban cho tên địch cơ hội sống còn: kịp thay băng, nhấm kỹ mà bắn gục anh. Nhưng chính sự chán chường táo tợn của Kiên đã làm xiêu lạc hồn phách hấn. Run bần bật, hấn đánh rơi khẩu tiểu liên. - Đờ cút đi! Kiên chửi gần và khinh bỉ siết cò. (NBCT, trang 31, 32).

Đúng là nhà văn Bảo Ninh lại mâu thuẫn với chính anh. Trong phần trên, anh đã vẽ nên toán thám báo tung hoành trong mật khu, đằng đằng sát khí, sau khi bị bắt, vẫn lạnh lùng, thách thức, gan dạ, tàn bạo thì bây giờ anh lại cho những người lính thám báo kia quá tội nghiệp, thỏ đế, con gà nút dây thun. Anh dựng nhân vật rất hay nhưng quá giả tạo như kiểu cao bồi cải lương. Có tên lính nào ngu đần khi hấn vào thám báo. Có tên lính nào cách kẻ địch vài bước (nhắc lại vài bước) quạt M16 mà sợ đến độ té đài trong quần. Và có tên lính nào vừa đi vừa đếm 30 viên đạn như Kiên. Thưa anh Bảo Ninh, hấn đã tha mạng Kiên đấy. Hấn đã tội nghiệp dùm cho một người tuổi trẻ miền Bắc đấy. Hấn đã tha như tôi và bè bạn tôi đã tha đồng đội các anh. Chúng tôi đã mời họ những điều thuốc. Chúng tôi đã băng vết thương họ, kêu trực thăng mang họ về bệnh xá. Anh nhớ lại xem, những tù binh của các anh, sau khi các anh vào, người nào người nấy mập và trắng, tiêu chuẩn đầu người bốn, năm đô la mỗi ngày, và luôn luôn được chiếu cố bởi hội Hồng

Thập Tự Quốc Tế...

Vâng, những người lính mà anh rỏ rúng khinh miệt ấy, trong ấy có tôi, họ không hèn đâu. Chính trong NBCT, anh cũng đã thú nhận, năm Mậu Thân, hàng ngũ của anh đã tơi tả, tã tơi, có đơn vị thiệt hại đến 70, 80 phần trăm. Mất tôi thấy các anh chạy như một lũ chuột thoát thân, mà chẳng cần xin pháo dập theo, hay đuổi tiếp. Ngay cả những người nữ cảnh sát viên (lại phóng đại nữa, trời ạ. Ban mê Thuật tôi đã từng ở mấy năm, đi tìm nát nước, nào thấy một người nữ sát viên nào đâu. Nhưng cũng xem là thật đi) mà anh viết, họ là đàn bà phụ nữ, nhưng họ vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chiến đấu bằng súng lục(như anh kể trong truyện) trước quân đội chính qui của các anh. Đàn bà yếu đuối mà còn dũng cảm như beo hùm, hướng hồ là đám thám báo chúng tôi. Họ tha Kiên chết đấy. Và anh phải thay mặt Kiên để cảm ơn họ mới phải. Đó là lý do tại sao nhà thơ Trần Khuất Nguyên trong Ly Thân đã tìm đến người thương binh của hàng ngũ chúng tôi mà kết bạn trong những ngày đen tối nhất của đời anh, mà không tìm đến các anh.

Đã hai mươi năm sau chiến tranh, những tên đồ tể chiến tranh đã ló dạng trước ánh sáng của lịch sử. Dù kẻ bại dù kẻ thắng, chúng ta cũng vẫn là nạn nhân từ những mỹ từ, nhân danh, mà những chuyên viên xúi giở đây đang uống sâm nhung để chờ ngày thoi thóp. Lẽ ra chúng ta phải ôm nhau mà khóc. Lẽ ra chúng ta không nên khơi dậy những thảm kịch của quá khứ, nhất là gây thêm cái khoảng cách giữa những người

thuộc hai phe, dù Bắc, dù Nam.

Tôi cũng viết lai rai, và có trăm ngàn chuyện để viết về mấy năm làm trung đội trưởng thám kích. Nhưng mỗi lần đặt bút lên là lòng tôi lại quặn đau. Tôi không dám kể hết về những gì mà chiến tranh đã gây nên. Tôi không thể không quằn quại khi khui lại, mở lại những sợi gân đã buộc chặt vết thương. Tôi sợ mang nỗi buồn cho con cháu tôi. Bởi vậy tôi phục anh vì anh dám mở toát loát cái vết thương. Tôi đã đau từng giòng anh viết. Tôi yêu văn nòng nân chất liêu trai của anh. Anh quả là một nhà văn tài hoa chữ nghĩa. Có điều, một nhà văn có tài, không phải là tài ở những chuyện bịa đặt, để lường gạt những người ngây thơ nhẹ dạ, hay không có kinh nghiệm. Ông ta phải biết thành thật, cho chính ông, và độc giả của ông và cả kẻ thù của ông nữa.

Tản mạn về một con quái vật

Như vậy, cuối cùng, máy điện toán chính là một con vật được sáng tạo từ một thế kỷ mà niềm tự hào về trí óc nhân loại đã tiến lên cao điểm hay chính nó là một quái vật đang từ từ giơ móng vuốt vồ chụp lấy nhân loại ?

Máy điện toán. Tại bất cứ nơi nào, ở bất cứ hạng tuổi nào, tầng lớp nào, nó đều có mặt, hay nói một cách khác, một bạn đường thân thiết. Từ màn ảnh màu, bàn keyboard, và giàn máy vô tri, con quái vật kia đã cung cấp cho con người những điều kỳ diệu. Lời giải đáp như một lần chớp khiến bao trăm năm sách vở, bao ngàn năm nghĩ suy cũng phải chịu thua. Máy đã tính đến gần mức số phi: 3.71418... Máy đã đạt đến sắc xuất cả tỉ tỉ phần cái gọi là tuyệt đối chính xác, để các vệ tinh, phi thuyền, phi đạn, hỏa tiễn tầm xa, đầu đạn nguyên tử, star war, lờn vờn trong bầu không gian chập chùng tai họa. Máy đã phân tách đến từng tế bào trong não bộ, những sợi dây rung trong nhịp tim. Máy thay thế người để hoàn thành những công việc không thể tưởng tượng trong nháy mắt. Một sản phẩm ra lò đến khi đến tay người tiêu thụ đã được máy theo dõi tường tận từ nhập hàng xuất kho, lên tàu, có khi trả lại, có khi trở chuyển bay... để triệu triệu sản phẩm được tính trong chớp nhoáng, khỏi cần

nhân công kiểm kê từng cái. Máy lại hạ đo ván bao nhiêu nhà in, bản chữ, để người viết được toàn quyền tự do chọn kiểu chữ, cách thức trình bày theo ý của mình. Máy cũng knock out một thời đại huy hoàng của máy đánh chữ, của những tờ giấy than, giấy trắng xếp chập vào nhau. Máy làm thư ký thất nghiệp, bàn giấy biệt tích. Máy có mặt trong từng góc xó của xã hội loài người, giúp con người hưởng thụ những tiện nghi của nền văn minh tin học. Máy lại đưa người muôn phương tụ hội. Net. Web. Homepage. Usenet. Newsgroups, Chat Live, Cibercafe.. Biên giới đã xóa. Thành trì đối trá đã phơi bày. Sự thật bây giờ chạy theo triệu triệu đường dây vô hình len vào mây, nhập vào gió, đồn sương, ép bão, để biến thành những cơn mưa sự thật đổ xuống địa cầu. Thế giới nay trở thành một mái nhà dưới màn ảnh nhỏ. Từ những khát khao về sự thật, về sự cảm thông chia sẻ, về niềm hạnh phúc chung, và về lòng mong muốn gần gũi vượt qua biên giới địa dư, màu da, ngôn ngữ, chính trị, trí óc và con tim của con người đã được bỏ vào trong máy, giúp nhân loại chia sẻ cùng nền văn minh chung, không bó khung, không giới tuyến. Vâng, lúc này, hơn bao giờ, khắp bốn bề, người ta lại tìm đến với nhau rất thật thà, và độ lượng, để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, kiến thức và kinh nghiệm. Trên Net, từ một vùng nào ở bên Châu Phi, người thanh niên nào nói lên niềm mơ ước được đọc bài thơ của Faulkner, và lập tức khắp địa cầu, đã đáp lại bằng những trang thơ của người thi sĩ Mỹ. Từ một thành phố nhỏ của miền Á Châu, có người viết lên một bài văn về thân phận đàn bà trong bốn bức

thành trì phong kiến, lập tức những lá thư khác từ khắp nơi đáp lại, an ủi, phần nộ. Cõi siêu không gian với triệu triệu chuyến xe liên hành tinh, mang theo bao nhiêu linh hồn người viết, người đọc, trong một tích tắc, chuyển tới từng tấm lòng. Vui cùng những niềm vui nho nhỏ. Bạn bè mới, dù chưa một lần thấy mặt, nhưng dường như đã quen lâu. Không còn già trẻ, nam nữ, nổi tiếng hay không. Tự dung, ta nghe một tiếng bíp phát ra từ máy, và hình lá thư hiện ra dưới khung màn ảnh, và ta biết là ta có thư. Chẳng cần biết thư kia đến từ tiểu bang nào, quận lý nào, xứ sở nào. Thế là ta có thêm niềm vui. Cho một ngày có mặt trên đời. Tự dung, trên màn ảnh của máy, rộn ràng những mẩu chuyện từ những người không bao giờ thấy mặt. Về câu chuyện văn chương. Về một vấn đề xã hội. Về trời trăng mây nước. Người khách như con chim đến từ núi lạ, ngựa cổ hát chơi. Vui thì ở. Buồn thì đi. Có khi con chim ấy đến từ một nơi không thể ngờ: Việt Nam. Và bao nhiêu câu hỏi đồn dập đặt lên cho người khách. Sài Gòn có gì vui không. Đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ thế nào. Hàng Me ở đường Nguyễn Du có còn cây xanh bóng mát? Ôi Sài Gòn cách trở vô chừng nhưng sao lại quá gần gũi vô chừng. Như hơi thở. Như nhịp đập của con tim. Như thể cùng dưới một mái quán đêm, bên những chai bia, ly cốc pha lê...

Tuy nhiên, ngoài những điều kỳ diệu trên, coi chừng cái tai họa không thể báo trước đến từ máy. Tưởng tượng đến những vệ tinh mang đầu đạn nguyên tử đang bay trong không gian. Tưởng tượng đến một tay

programmer điên khùng có thể cho trái bom nguy hiểm nổ vào nào đó. Ai biết được! Người ta thử *program* chạy như thế nào, đúng với kết quả mong muốn hay không, chứ người ta không thể thử vào ngày ...giờ... năm... máy sẽ bật chiếc khoá cho trái bom nổ. Người thử cũng không có thì giờ để mở hay nghiền ngẫm những gì mà người *programmer* nguy trang cho vào máy. Người *programmer* có trăm ngàn cách. Có phải vậy không, hử bạn *programmer*?

Thứ hai, máy còn là một tên thực dân vô tâm tàn nhẫn. Có phải cái thời thực dân xa xưa, giờ đây lại tiếp diễn thêm một lần nữa hay sao? Ông chủ ngày xưa, dù sao đi nữa cũng vẫn còn có con tim, nhưng ông chủ bây giờ là những cái bộ óc toàn những *chip*, vô tình cảm, vô lương tâm, vô giáo dục. Nó vồ chụp lấy đời sống của cá nhân, cầm tù lấy từng thân phận, bắt mỗi cá nhân trở thành người nô lệ không phản kháng, không cách mạng, ngoan ngoãn. Thân phận con người bây giờ chính là chín số SSN. Hắn không thể vùng vẫy, đào thoát. Hắn bị theo dõi từ thuở lọt lòng đến thời sắp nằm xuống lòng đất. Từ nhà cửa, tiền vay, hồ sơ lái xe, hồ sơ lao động, học hành, án tích...Chỉ một cái khẽ tay lên nút, là cả một sự nghiệp của hắn hiện lên. Hắn không thể chối cãi. Hắn đã mất tự do.

Rõ ràng, nó là ma là quỷ, bởi nó biết quá nhiều. Nó được hầu hết các cơ quan, từ chánh phủ đến tư nhân triệt để xử dụng. Bạn lái xe phạm luật. Cảnh sát phạt bạn 3 điểm. Số điểm được ghi vào hồ sơ toà, nhưng đồng thời cả một sợi dây khác gồm bảo hiểm, nhà

băng, công ty, quốc phòng, an ninh, đều biết. Chỉ bấm vào 9 con số an sinh SSN là tất cả lý lịch của bạn đều phơi bày lồ lộ. Lý do thật dản dị. Hồ sơ của bạn được bỏ vào một cái máy trung ương tại Texas và nơi này sẽ cung cấp tin tức nếu được yêu cầu.

Như vậy, cuối cùng, bên cạnh cái siêu phạm kỳ diệu, computer còn là cái ám ảnh không rời cho nhân loại, nhất là cho những người không hề biết về máy điện toán. Nó sẽ được bộ máy chính quyền các nước kém mở mang hay độc tài triệt để sử dụng để hù dọa người dân ngay thơ chất phác của họ mà khỏi cần tra khảo hỏi cung. Chỉ việc để chiếc máy computer trước người dân và nói: "Mày phải thành thật khai báo. Hồ sơ mày máy vi tính đã biết rõ. Biết từ thời cổ nội của mày. Tao chỉ muốn xem mày có thành thật ăn năn khai báo hay không". Như tấm chứng chỉ tại ngũ mà sau ngày 30/4/1975, những tay cán bộ tìm đầu ra để dọa những tù hàng binh yếu bóng vía: "Các anh phải thành thật khai báo. Hồ sơ của các anh chúng tôi đã nắm vững. Chúng tôi chỉ muốn xem các anh có thành thật ăn năn hay không..." Điều này khiến cho một số người thất kinh khai tuốt luốt. Cho đến bây giờ họ mới vỡ lẽ là cái trò hù kia chỉ là cái trò ma hù đám con nít.

Điều này không phải không xảy ra. Ngay cả đối với những kẻ khoa bảng. Đây là một câu chuyện thật. Một người bạn nguyên làm việc cho Tòa Đại Sứ Mỹ, trở về thăm nhà sau mấy mươi năm xa cách... Anh ta dấu tông tích, chỉ khai là người vượt biển. Khi vào cổng phi trường Tân Sơn Nhất, thấy người cán bộ phụ trách đang sử dụng computer, anh hoảng hồn bảo với

vợ anh ta: "Thôi rồi, họ xài computer rồi. Họ chắc biết lý lịch của tôi rồi bà ơi..." Kết quả là vợ anh phải để thêm một số tiền hối lộ vào visa để mau lọt qua ải.

Thì ra computer bây giờ lại giống như con ma vô hình nào mà ngày xưa người lớn vẫn hay dọa tôi trong những đêm hôm khuya khoắt... Nó là cái bóng ma chuyên môn hù những người yếu bóng vía. Nhưng mà sức mấy nó lại hù chúng ta, những người chủ của chúng? Có phải vậy không, hử bạn đồng nghiệp của tôi?

Đêm cuối cùng

Buổi lửa trại được tổ chức ở ngay sân trường. Con trai, con gái xếp tròn quanh đồng củi đang cháy bập bùng. Trên cao, những vì sao đêm rực rỡ. Tiếng sóng từ biển, cách ngôi trường bằng một con đường nhựa, vọng về như một cung đàn tiễn biệt.

Anh không phải là người trong cuộc, nhưng em không biết, đêm ấy, anh đã đến để nhìn em lần cuối cùng. Em không biết, anh đã bỏ đời cao, bỏ những công việc thường lệ như xuống đò, như ăn sương nằm đất, như trắng mắt trong côi tha ma địa ngục mà chỉ có người lính đánh giặc mới thấu hiểu. Nhưng anh đến không phải là người khách lạ, mà trái lại đến để thấy thế nào là nỗi buồn rất là to lớn. Bởi vì ngày mai, em sẽ rời xa anh vĩnh viễn. Bởi vì đêm nay là đêm cuối cùng mà anh thì muốn níu kéo tất cả hình bóng của em trong những giờ phút phù du ngắn ngủi còn lại. Anh đến, khi những ngọn lửa đầu tiên bắt đầu cháy ngọn. Bước giầy anh xào xạc trên lối sỏi. Dưới ánh đèn néon, bóng những hàng dương mới lớn đổ xuống trên sân trường. Chân anh ngập ngừng. Có một lúc nào đó, anh tự hỏi tại sao mình lại đến đây. Đến đây để làm gì. Đây là một đêm lửa trại dành riêng cho những người con trai con gái sắp trở thành những cánh chim muôn phương. Còn anh, chỗ của anh không phải chỗ này. Chỗ của anh không phải là chỗ ngồi bình yên, tay chuyền tay khăn khít, mà là một chỗ rất xa lạ, rất hải hùng. Anh

không có chỗ nào trong ấy. Ngay cả em nữa, em yêu dấu. Bởi vì anh hiểu, trong con tim em đã có một chỗ đậu không phải là anh.

Anh biết là anh quá đại khờ. Bước chân anh, ma quỷ đã lôi về. Anh rón rén bước đi trong bóng tối, như sợ ai nhận ra tông tích mình, như sợ cả em nữa. Có tiếng vỗ tay. Có tiếng hát náo nức vui vầy. Có tiếng cười la quá khích. Sân trường bây giờ chỉ còn thấy ánh lửa và vòng tròn người mờ nhạt. Cuộc vui đã bắt đầu. Vui một đêm nay rồi mai lên đường. Tiếng hát phá tan cả màn đêm sâu dày. Anh trông đôi chân dưới tàn một cây dương liễu. Anh cố tìm gương mặt của em. Bây giờ anh chẳng khác một thằng gù ở Đền thờ Đức Bà, không hơn không kém. Như những câu trong bài thơ Quasimodo của nhà thơ Trụ Vũ:

*Nàng cúi xuống
cúi xuống thêm
Gã gù ôm mặt lại
mà trông lên
trông lên*

Cuộc vui đã tàn. Những ngọn lửa đã trở nên yếu ớt. Hầu hết mọi người đã lên phòng ngủ. Anh buồn bã tìm đến vườn hoa, rồi ngồi trên băng đá lạnh. Ánh trăng long lanh trên những chùm hoa giấy đỏ. Tiếng sóng biển vọng về lẫn cùng tiếng hát. Nỗi buồn đè ngập cả lòng đêm mông quạnh. Trên cao, những vì sao đã bắt đầu nhòa nhạt. Anh nhìn lên lan can lầu. Từ một ô cửa nào, anh biết có một người yêu dấu mà anh sắp mất.

Ngày dài nhất

Khi người lính nhảy xuống chiếc xe mười bánh, thì cơn mưa chiều đã dứt. Ở đầu phố, đám người tránh mưa dưới mái hiên đã ùa ra đường. Các sạp báo đã bắt đầu treo những tờ báo xanh đỏ và mới mẽ. Những hàng biểu ngữ, treo la liệt khắp ngã đường trung tâm, đã co rúm lại, chẳng buồn quyến rũ người qua lại. Hoan hô chiến thắng Hạ Lào. Hoan hô anh hùng chiến sĩ. Chữ đỏ nổi bật trên nền vải trắng. Có người lính đứng giữa phố nhìn những con đường trước mặt y cũng không biết đi về hướng nào nữa. Bởi vì, chỗ trở về của y đâu phải là đây. Đây là một thành phố xa lạ. Đây là những con đường dài, những ngôi nhà khép kín, những quán nhạc, và những tờ bạc xanh. Đây là rạp chớp bóng, có những bảng quảng cáo cao bồi bắn súng, cao bồi cưỡi ngựa, những con tài tử giơ vú giơ hông. Y kéo cao cổ áo lạnh, và đốt điếu thuốc thứ bao nhiêu. Môi càng khô, lưỡi cũng khô, cổ cũng khô. Y để đôi giày lê bước, mà

chưa biết chúng sẽ dẫn y đến đâu. Tự nhiên y thương lấy mình, y mỗi một vượt qua con đường phố rộng. Một chiếc xe xả hết tốc lực, như muốn đâm vào người y, khiến y phải chạy hốt hã.

Y đến công viên. Rạp chiếu bóng đang trời nhạc, rầm trời. Chiều trở nên mát, sau cơn mưa bất chợt

của mùa hè. Đường nhựa trơn tru đen bóng. Đám đàn bà Thượng, lưng gù, lưng con, trở về, như những kẻ mất gốc. Làng xóm, buôn bản xa lơ. Đi đâu bây giờ. Làm gì cho hết một đêm, để ngày mai, lên đường, với gạo, với lương khô, với mũ sắt, ba lô, súng đạn. Làm gì cho qua một đêm, chỉ ngày mai, tháng tháng chưa biết đàn bà con gái? Y bước chậm, đến trước công viên. Thằng bạn, đội mũ rừng, chụp xuống trán. Mái tóc dài đến tận gáy, những khoen lựu đạn lủng lẳng trên vành nón, hỏi:

- Đi đâu bây giờ.

Y hỏi lại:

- Đi đâu bây giờ ?

- Hay vào rạp xinê, đỡ buồn.

- Chán quá. Xem lại mấy cuốn phim cao bồi đánh nhau, chém giết. Tao muốn nôn. Bộ ở ngoài mặt trận mình chưa no con mắt sao ?

- Thì biết làm gì bây giờ.

Hai đứa đứng trên lề đường. Hai điều thuốc mỗi một trên môi. Đám học trò trường trung học trở về, như những con chim chóc mào hiền lành và vô tội. Hai đứa đứng yên chờ đợi. Đám nữ sinh bước qua, dưới những băng biểu ngữ. Hoan hô chiến sĩ anh hùng.

Hai đứa thui thủi bước đến công viên. Đám đông bu quanh những xác chết vừa triển lãm trong một trận

Hai đứa thui thủi bước đến công viên. Đám đông bu quanh những xác chết vừa triển lãm trong một trận

đánh nhau. Hai đứa rẽ người bước vào. Một hàng

xác chết nằm song song trên bờ cỏ khô, bên cạnh khẩu cối, những khẩu tiểu liên. Một bà già điên đang nói với khoảng không. Lũ trẻ nhào vào, chỉ tro, rồi cười rộn rã.

- Mấy người tất cả. Một thằng hỏi

- Mười.

- Không phải, chín thôi.

Đứa kia cãi lại :

- Mười. Mà đếm xem.

Những xác cụt đầu cụt tay, và có xác, không còn một hình dáng người, đang nằm ngửa. Cơn mưa hồi chiều đã làm những lỗ đạn, trở nên trắng mốc.

- Buồn quá, đi mà y.

Y cầm tay bạn, kéo đi.

- Ở đâu cũng thấy thế. Mặt trận, rồi về thành phố. Nhà quê rồi về thành thị. Ở đâu cũng là ruột rời, óc văng, cũng tay chân lủng lẳng.

Tiếng một thằng con nít vang lên, khi nó đổ bạn.

- Đố mà y, Thượng hay Việt.

- Việt.

- Hình như có một hai người Thượng. Mà y xem.

Da đen thui.

Tiếng thằng bạn như kẻ lớn:

- Theo tao là Việt. Việt ở trên rừng nên da phải đen.

- Cóc khô, mà y không thấy tóc quăn sao ?

Y muốn nôn. Càng lúc, đám học trò đi học về, càng chạy ùa vào xem công trình chiến thắng. Rạp chiếu bóng đã bắt đầu vào phim. Một phim đánh nhau. Vàng gây tai họa. Hình vẽ một anh chàng hippy lông lá,

chuyên môn giết người không gớm tay. Y buồn chẳng muốn thở nữa. Y kéo tay thằng bạn.

- Đi mày.

- Đi đâu ?

- Đi uống rượu.

- Còn tiền hết ?

- Không đủ tiền uống bia. Nhưng rượu trắng thì đủ.

Y nói như muốn khóc.

Người bạn cầu nhàu:

- Tao không hiểu mày.

- Ủ, thì không hiểu. Nhưng mày thích xem xác chết sao?

- Dù sao cũng là một cách tiêu khiển.

Hai thằng bước đi. Một thằng bé từ đâu chạy đến tông y, y nắm cổ áo kéo giựt. Đứa bé mặt tái xanh.

- Xin lỗi chú.

- Bộ muốn xem xác chết lắm sao ? Hả, thằng nhóc.

- Dạ.

- Cả đời mày chưa thấy người chết ? Hả ?

Y đẩy mạnh thằng bé. Tên bạn nhìn y lắc đầu.

- Mày lại nổi khùng rồi.

- Ủ, tao đang điên đây.

Đôi mắt y ngầu đỏ. Y đã trở về thành phố để thấy thế nào là những giọt nước mắt đang ràn rụa trong tâm hồn y. Ở đâu cũng vậy. Những xác chết không còn một mảnh thịt nguyên vẹn, bấy nhầy theo đuối y từ mặt trận đến khi y trở về, nghĩ rằng, sẽ quên đi những ngày thảm khốc. Những xác người

loét lở, bần đở bám đầy, đang nằm trình bày trước những đôi mắt vô tâm. Cái chết, ở một thời đại được xem như một thành tích. Và cái chết tàn bạo bao nhiêu, đã khiến cho những kẻ chiến thắng vinh dự bấy nhiêu. Hai đứa dắt nhau vào một quán nhỏ. Ông già ốm yếu như một cây cổ thụ già mở choáng đôi mắt. Con mực đen cũng chẳng buồn đi chỗ khác. Y gọi một xị, Y hỏi thêm có đồ nhậu gì không ? Lão già trả lời, thưa hai cậu có thịt Mỹ.

- Thịt Mỹ ?

- Dạ, thịt hộp đấy mà !

Thằng bạn nhe răng cười:

- Tôi cứ ngỡ, ông bán thịt Mỹ chứ ?

- Bậy nà.

Y lắc đầu:

- Thôi, tôi không dùng loại thịt ấy đâu. Tự nhiên tôi thấy sợ.

Rồi y hỏi:

- Này ông già ?

- Cái gì cậu ?

- Mấy cái xác đem đến lúc nào đó.

- Hồi trưa. Nghe nói bị rơi vào ổ phục kích.

- Ông có ra xem không ?

- Tôi sợ quá. Cả đời tôi, đã thấy quá nhiều.

Người bạn rót rượu ra cốc.

- Thằng này khùng rồi. Uống đi mày, đừng hỏi nữa.

Rượu lên. Ông già ngồi trong một xó, ho sù sù. Ngoài đường một chiếc xe ngựa gỗ lóc cóc, lách cách, trở về. Chiếc xe lắc lư một cách buồn thảm.

Lão xà ích, tuồng như ngủ gục. Cả dáng người ông ta khum xuống, chiếc đầu với cái mũ vải đen, nổi lên giữa khoảng xe trống. Con ngựa bước chậm, như thể không còn sức để chịu đựng lên con dốc sỏi đỏ khuất sau hàng cây cổ thụ.

Rượu lên:

- Đây, uống xong mình đi đâu.
- Uống đã. Uống cho đời tàn luôn.
- Thí dụ, uống xong, hơi men ngà ngà mà chui vào một nhà thổ thì đỡ buồn bao nhiêu.
- Đ.M, ở thành phố này, kiếm một con điểm như thấp đước đi tìm. Toàn là gái đi cho Mỹ.
- Buồn nhỉ. Uống.
- Uống. Rượu lên.

Tiếng ông già cất lên:

- Các cậu vừa từ mặt trận căn cứ trở về ?
- Người bạn bỏ cốc rượu xuống bàn.
- Ủa sao ông già lại biết !
 - Tôi cũng có thằng con trên ấy ! Nó mang huy hiệu cùng các cậu.
 - Tiểu đoàn mấy ?
 - Tiểu đoàn hai...
 - Tên gì ?
 - Binh sĩ quân dịch Tự.

Người bạn la lên nho nhỏ. Và y cũng phải bàng hoàng. Hai đôi mắt nhìn nhau. Binh sĩ quân dịch Tự... Giọng ông già đầy lo âu. Y nốc một hớp rượu. Mắt y bỗng nhiên ràn rụa. Y quay lại khẽ nhìn ông già. Y muốn nói: con ông đã chết rồi. Chết hồi hôm qua... Xác bỏ ngoài trận địa. Xác không ai dám kéo về. Đại đội phải rút lui về căn cứ dưới hàng trăm

quả đạn trái âm âm rớt xuống ... Binh sĩ quân dịch Tự... Cái thằng Tự cùng một đại đội, tà lọt của đại đội trưởng, hiền khô, mới ra trường mặc bộ quần áo rộng thùng thình. Con ông chết rồi.

- Tôi chỉ có nó là thằng con trai độc nhất. Vừa rồi nghe tiểu đoàn đã trở về.

- Chắc về lại hậu cứ.

- Có lẽ, về để dưỡng quân.

- Quái, giờ này nó không về...

Y đưa mắt nhìn thằng bạn. Tên bạn cúi đầu, đôi vai chột rung bật. Y cũng thế. Hình như trận đánh vẫn còn diễn ra trước mắt y. Những trận pháo từ đỉnh núi, rầm trời, dậy đất. Y nhào xuống mô đá, chụp mũ sắt sát đầu, rồi ép vào bờ mô. Đạn pháo bay về tới tấp, khiến cả thân y như muốn dội khỏi lòng đất. Những miếng đạn bay chạm vào đất, đá, kêu leng keng. Thịnh không hừng hực lửa. Ối cha ơi, ối mẹ ơi... Rút lui... Đại đội bị sa vào vòng vây của trận địa. Rồi địch nhào ra. Đ M, toàn một lũ thú rừng man rợ. Tội nghiệp ông đại đội trưởng. Ông bị thương không thể đi được nữa. May mà có thằng Tự, tà lọt của ông, công ông ta chạy. Nhưng sau đó nó lại bị trúng đạn, nó gục xuống chỉ nói một câu: Đại bàng tha lỗi cho em. Em không thể công tiếp đại bàng được nữa. Tao không hiểu khi nhận huy chương, ông ta còn nhớ đến thằng Tự hay không.

Rượu lên... Y đứng dậy, nói trong tiếng nghẹn:

- Nếu nó không công ông, chưa chắc nó đã chết.

- Mà y đừng nhắc nữa. Đau lòng lắm.

- Thôi chúng ta đi.

- Chưa hết xi. Ráng ngồi một chút nữa ? Mà đi

đâu bây giờ...

- Buồn quá !

Tên bạn hỏi nhỏ:

- Có nên báo tin cho ông già, con ông...

Y vắt mẩu thuốc ra ngoài đường.

- Tao không can đảm. Tao sợ thấy những giọt nước mắt ấy lắm.

Người bạn, mặt đã bừng đỏ.

- Tội nghiệp ông già. Nếu ông nghe tin nó chết.

Y đứng dậy, chụp mũ rừng.

- Đi mày.

- Mày lại nổi khùng.

Y chụp cổ áo tên bạn, kéo mạnh, hàm răng rít.

- Mày bảo tao khùng hả ? Chứ mày can đảm để nhìn những xác chết cụt đầu cụt tay kia sao ? Chứ mày đủ bình tĩnh để ngồi uống rượu nhìn ông già đang đợi con lão ta về sao ?

Phần Phụ Lục

Về một loài sậy biết đau

Triều Hoa Đại thực hiện.

Triều Hoa Đại (THĐ): *Nhiều người đã đọc "Ra Biển Gọi Thăm" tác phẩm mới xuất bản của Anh, nhận xét chung: 21 truyện ngắn cho toàn tập đa số chứa đựng những đau thương, thù hận, những chia lìa, ngăn cách. Anh thấy những nhận xét ấy đúng, sai ra sao ?*

Trần Hoài Thư (THT): Vâng, đúng. Ra Biển Gọi Thăm còn muốn nói thêm về một loài sậy có suy nghĩ về cuộc chiến tranh hôm qua và những hệ lụy thật sự của nó hôm nay. Nó muốn trả lại Sự Thật và Công bằng cho người sống và người chết.

THĐ: *Có cách nào để mọi người chúng ta quên đi những "lâm lẩn" mà cuộc chiến tranh đang dang hai mươi năm còn hằn dấu để rồi từ đó cùng ngồi lại bên nhau, với nhau xây dựng từ những hoang tàn, đổ nát tiến đến những phồn vinh, hạnh phúc hay không?*

THT: Nói về những "lâm lẩn" thì tôi xin được góp ý. Ai "lâm lẩn"? Chúng tôi không gây nên cuộc chiến. Chỉ có những tay phù thủy xem máu lệ của dân tộc và đồng bào là một cơ hội để tiến thân. Chỉ có cách là lột

mặt nạ chúng ra trước lịch sử để mọi người cùng hiểu, cùng thấy, và từ đó mới biết mình là nạn nhân, là những phiêu sinh vật...

THĐ: Anh có nghĩ rằng: những người cầm viết là những người ít nhiều trực tiếp, hoặc gián tiếp: đóng góp (tàn phá), thúc đẩy (ngăn chia) tình thương, xây dựng bằng chính ngòi viết của họ ?

Tôi viết bằng cả lòng nhân bản từ mấy mươi năm nay và mãi đến bây giờ. Tuy nhiên tôi muốn cho mọi người biết về một con cá voi đã nuốt chúng tôi. Khi người ở hai bên thấy được nó, họ mới nhận thấy cái mẫu số chung, và từ đó tìm ra một giải pháp. Tình thương là một cái điều tốt đẹp. Xây dựng tình thương dĩ nhiên là bốn phận của người cầm viết. Tuy nhiên hãy coi chừng. Người viết văn như một bác sĩ tự nguyện. Hãy biết rõ bệnh nhân nào đau khổ nhất, cần giúp đỡ nhất. Tôi có đọc một bài viết ngắn của một ông bác sĩ Mỹ tự nguyện. Ông ta than phiền những kẻ sắp hàng đầu luôn luôn là cán bộ hay bà con cán bộ.

THĐ: Hầu như toàn tập "Ra Biển Gọi Thầm" Anh muốn xác nhận một lần, nhiều lần hơn nữa về lần ranh quốc, cộng, về chủ nghĩa này đúng, chủ nghĩa kia sai. Nhưng có điều dù ai đúng, ai sai thì dân tộc VN cũng đã phải trả bằng chính máu xương của họ. Anh thấy thế nào về những nhận xét ấy?

THT: Tôi không hề xác định lần ranh chủ nghĩa. RBGT chỉ nói đến những cây sậy biết đau, về sự

chiến đấu giữa thiện và ác, về sự lừa gạt, và về những thảm kịch. Về cái tàn bạo của chủ nghĩa ngoại lai. Về con cá voi. Máy triệu người chết đang đòi lại mạng, cả một dân tộc đang đòi lại nợ xương và máu của họ... Ai gây nên cuộc chiến tranh tương tàn này?

THĐ: Tạo hạnh phúc, yêu thương, chân thật và gian trá cho những nhân vật trong truyện, theo tôi cũng không khác mấy cho những cảnh đời có thực. Giả dụ như nếu viết lại "Vết thương không rời" và "Ra Biển Gọi Thầm" Anh có nghĩ rằng Anh sẽ để cho cô Hồng, hoặc người con gái đáng thương kia có một đời tình hạnh phúc, một kiếp người với đầy đủ những mặn, nhạt, chua, cay?

THT: Thú thật, tâm trí của tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi những xác chết. Tôi viết bằng cả con tim của một con người yếu đuối. Tôi không thể viết lại thêm một lần nữa. Hoặc giả khai triển thêm nữa. Không phải dễ dàng gì khi tả lại một người con gái đẹp nằm úp mặt trên ruộng âm ập nước, với những lỗ hồng đỏ lôm do đạn công phá. Tôi viết bằng nỗi hãi hùng khi nhớ lại. Tôi có cảm giác phạm tội bởi vì tôi đã mổ xẻ con người như lúc tôi không dám lật gương mặt người con gái vô tội bị bên kia giết trong đêm chúng tôi tiếp cứu quận lỵ Tuy Phước ở Bình Định. Tôi không dám để đọc giả đọc những chuyện chiến tranh mà tôi từng tham dự. Tôi đã có ý định rút truyện "Vết Thương Không Rời" ra khỏi tập truyện vào giờ phút chót. Anh biết không, vào hai giờ sáng, tôi đã gọi người bạn tôi để xin anh đọc và quyết định dìm tôi. Tôi cũng muốn

họ hạnh phúc lắm chứ.

THĐ: *Vẫn biết viết văn lắm khi phải lấy hư cấu làm thực, lấy thực làm hư cấu, vậy, trong "Ra Biển Gọi Thầm" có bao nhiêu phần trăm được cấu tạo bởi hư, thực?*

THT: Hầu hết bài văn của tôi đều rút từ kinh nghiệm bản thân không ít thì nhiều. Tôi không thể nói bao nhiêu phần trăm thực hư.

THĐ: *Nhiều người lo xa, họ ái ngại cho tương lai "Văn học Hải Ngoại", tre mỗi ngày một già, măng mọc lên thì chậm quá. Anh thấy điều lo ngại ấy thế nào?*

THT: Không quan ngại. Dù con tôi vẫn không thể hiểu trọn vẹn những bài văn tôi viết. Các em được sinh trưởng tại Mỹ, lớn lên và trở thành công dân của Hoa Kỳ, dĩ nhiên các em phải hòa nhập vào xã hội và đất nước Mỹ. Các em có quyền viết bằng tiếng Anh, và viết cho thế hệ của các em. Cũng như tôi viết cho thế hệ của tôi. Qua văn tài cũng như kinh nghiệm của các em, chắc chắn chỗ đứng của Việt Nam trong giòng văn học thế giới sẽ được lấy lòng bội phần.

THĐ: *Trong bài tham luận "Viết về chiến tranh Việt Nam" đọc trước đại hội ngày 13 tháng 10 năm 1995 tại San Fransisco nhà văn Nguyễn Mộng Giác đưa ra "một vài con số" để so sánh sự chênh lệch số lượng sách báo trong và ngoài nước như sau:"... từ 1985 - 1990 số lượng in của tiểu thuyết, truyện ngắn*

trung bình từ 1500 - 2000 bản. Hiện nay, con số có hạ xuống, từ 1000 đến 1500. Số lượng bản in tương đương với số lượng sách báo trong nước hiện nay". Như thế có nghĩa là: Ở ngoài nước (hơn nửa triệu) đồng bào mình đọc sách báo nhiều hơn trong nước (72 triệu người). Tại sao lại có "hiện tượng" lạ lùng như vậy thưa anh?

THT: Có lẽ do từ một nền văn học đích thực không tìm thấy. Trước năm 1975, trong ba lô của hầu hết sĩ quan trẻ đều có tạp chí Văn... Văn chương thời ấy đã phục vụ cho họ một cách trung thực. Bây giờ, những bài viết của Hà Sĩ Phu và Tiêu Dao Bảo Cự đã nói lên cái bóng dơi, bóng quạ phủ lấp khắp văn chương chữ nghĩa. Viết mà sợ thì viết làm gì. Viết mà bị ám ảnh bởi công an mật vụ thì làm sao có thể đáp ứng nỗi khát khao mà độc giả muốn tìm qua sách vở?

THĐ: *Nhân nói chuyện về sách báo, in ấn xin anh đưa ra một vài nhận định về "văn chương hải ngoại" gần cũng như xa, liệu rồi sẽ như thế nào?*

THT: Tôi ở miền Đông Bắc, nơi hiếm sách báo Việt Ngữ nên không có cái nhìn rõ về văn chương hải ngoại. Tuy nhiên qua việc tự xuất bản RBGT, tự làm trăm thứ để mong sách được đến với độc giả, tôi cảm thấy phấn khởi. Bằng chứng là chỉ vài tháng sau khi ra mắt RBGT, sách đã được tiêu thụ gần hết. Thú thật trước khi xuất bản, nhiều bạn hữu đã cảnh cáo về tình hình ảm đạm của văn học sáng tác, nhưng bây giờ tôi mới hiểu người đọc rất cần món ăn tinh thần hơn bao

giờ. Tôi đã được kết thêm nhiều bạn bè mới. Đến đâu họ đều chia sẻ niềm cảm thông, kể lại bao nhiêu chuyện và yêu cầu tôi viết...

THĐ: *Như thế, nói chung nếu đem so sánh với "văn học trong nước" thì chúng ta nên vui mừng hay lo ngại?*

THT: Dĩ nhiên là vui mừng. Bởi vì tôi có độc giả. Tôi có thêm sự cảm thông. Tôi có thêm lửa. Chưa bao giờ tôi nhận được sự ân cần của độc giả như lúc này. Anh cứ tưởng tượng buổi ra mắt RBGT xảy ra lúc cơn bão tuyết vần vũ, trong cái lạnh cắt da cắt thịt, cùng cảnh cáo của TV, thế mà gần hai trăm người đã có mặt.

THĐ: *Cũng một chiều hướng nhìn về tương lai, nhà văn, họa sĩ Khánh Trường đưa ra nhận xét "Dòng văn học này (Văn Học hải ngoại) sẽ biến thành một thứ văn học tiêu thụ chứ không còn là văn học sản xuất như bây giờ". Anh có đồng ý vậy không?*

THT: Tôi rất bối rối trước câu hỏi này. Sự thật, khi một tác phẩm ra mắt, điều cần nhất là phải đến với độc giả. Khác với thời gian trước 1975, số độc giả hôm nay bị phân tán mỏng theo từng địa phương, khuynh hướng. Như vậy, điều cần nhất là phải phổ biến. Bằng hình thức ra mắt, quảng cáo, thân hữu hay bằng cách gửi nhà phát hành. Người viết phải tả hữu xung đột. Như vậy không có nghĩa là văn chương tiêu thụ, bán giá ép, hay cầu xin. Nếu quả thật có

chuyện này thì anh nhà văn kia đã tự khai tử tên mình.

Còn nói văn học sản xuất, tôi tự hỏi về phẩm lượng có đủ sức để tiêu thụ hay không. Khi không còn chất liệu nữa thì nên stop là vừa. Đừng chơi trò phù thủy.

THĐ: *Những lúc gần đây như Anh đã rõ, có nhiều nỗ lực từ mọi phía của những người cầm viết họ cố sục cho một tương lai thế giới không hận thù, anh có ý kiến gì về vấn đề này?*

THT: Không phải đợi đến bây giờ, trước 1975, trong hầu hết bài văn thơ của những người trẻ miền Nam đều nói lên nỗi khát khao về tình yêu thương, nỗi ước mơ hai miền thống nhất, thôi hết hận thù. Và cái ước mơ ấy đã bị lợi dụng. Và hố thẳm tiếp theo. Hãy cẩn thận nếu không muốn con cháu của mình theo bước chân của mình một lần nữa. Chúng tôi đã bị lừa và chắc chắn sẽ không bao giờ bị lừa thêm một lần nữa đâu...

THĐ: *Vậy thì, sự đóng góp về một tác phẩm tương lai của Anh sẽ như thế nào?*

THT: Tôi đã trả lời rồi.

THĐ: *Từ những nỗ lực có được của những người trước kia nhìn nhau chỉ thấy hận thù, chém giết. Nay, thì họ là những người bạn có chung một tấm lòng yêu thương và khinh bỉ chiến tranh, vì vậy mà tác phẩm "Phía Bên Kia Thiên Đường (The Other Side of Heaven)" đã ra đời. Anh thấy chân, giả ra sao?*

THT: Tôi đã trả lời qua những câu hỏi phần trên và bằng bạc trong RBGT. Tôi đã viết điều này cách đây mấy mươi năm rồi. Cuối cùng, anh thấy đó...Cái hồ thắm...

THĐ: Wayner Karlin bảo rằng:" Chúng tôi trở thành nhà văn, không vì chúng tôi có khiếu, mà vì chúng tôi không viết, nếu chúng tôi để nhân phẩm con người bị bạo lực, bởi phương tiện, bởi thói quen, thì chúng tôi sẽ tham gia vào cuộc giết hại phẩm giá con người", cũng là nhà văn Anh có đồng ý như thế hay không?

THT: Tôi đồng ý. Đó là trách nhiệm cao cả của người viết văn có lương tâm. Vấn đề được đặt ra ở đây là, trước hết, hãy lột mặt nạ bọn đã lừa bịp, thủ phạm gây nên cái thảm kịch mà Wayner đã không thể làm ngơ. Đừng ngây thơ để bị lợi dụng thêm một lần nữa. Không thể kết tội tên lính, nhưng kết tội cái tên ở đằng sau, dùng môi miệng, chữ nghĩa để đẩy người lính chết thay hắn. Không thể kết tội những người từng tham dự là làm lẫn khi sự thật đã phơi bày sau hai mươi năm. Không thể bắt chúng tôi ăn năn. Không dám nói khoác, hầu hết những người viết văn trẻ chúng tôi trước 75, chúng tôi đã làm những gì mà nhà văn Karlin nói hôm nay. Chúng tôi đã mơ ước hoà bình thống nhất. Chúng tôi đã gào kêu thương yêu, dẹp bỏ thù hận. Trong khi đó, guồng máy bên kia luôn luôn nhồi nặn căm thù vào những buồng tim buồng phổi của những người trẻ miền Bắc, dùng

thành lũy thép của khối Cộng Sản để cướp đoạt miền Nam. Chúng tôi trọng đạo nghĩa và vì thế chúng tôi phải thua. Chúng tôi đã phải trả bằng một cái giá rất đắt, mất tuổi trẻ, mất ngày xanh, mất hết...

THĐ: *Chỉ là giả dụ thôi, nếu như Ra Biển Gọi Thầm được bày bán ở VN, thì "phản ứng" đầu tiên của Anh như thế nào. Buồn, vui, hân hoan hay phần nộ?*

THT: Khi xuất bản một tác phẩm, dĩ nhiên người viết mong tác phẩm của mình được đến cùng đọc giả. Tôi viết cho bạn bè tôi khi họ không có cơ hội viết, hay nói. Tôi mong bằng mọi cách những điều tôi viết sẽ đến với họ. Vấn đề được bày bán hay xuất bản trong nước, trước hết phải phân biệt các sự kiện sau đây: Một là nhà nước đã mở cửa cho sự giao lưu văn hóa, tôn trọng quyền tự do tư tưởng. Hai là dùng tác phẩm để làm một công cụ cho một ý đồ chính trị. Với những sự kiện nêu trên, tôi mong sự kiện đầu tiên một ngày nào đó được cơ duyên xảy ra. Những điều tôi gởi gắm được toại nguyện.

THĐ: *Lại thêm một giả dụ nữa: Nếu như một nhà xuất bản nào đó ở VN có ý định mời anh hợp tác với họ, anh có đồng ý hay không. Tại sao?*

THT: Tôi đã trả lời rồi, thưa anh.

THĐ: *Giờ đây chiến tranh đã lùi khuất, anh có nghĩ rằng một lúc nào đó khi tâm tư thực sự "lắng*

dị", khi "thù hận" thực sự ra đi, anh sẽ ngồi viết lại một tác phẩm khác về chiến tranh một cách "công bằng" và "hữu lý" hơn không?

THT: RBGT vẫn mãi là một RBGT và tôi mong nó sẽ phải sống. Thứ nhất là tôi đã có quá đủ thời gian, tuổi trẻ, tuổi trung niên, có quá nhiều thảm kịch, kinh nghiệm máu xương, lại có quá nhiều chín chắn để tạo ra cho nó. Tôi đã trả lại một phần nào sự Thật cho Sự Thật. Sự Thật về chiến tranh Việt Nam. Một người bạn thơ của tôi, nguyên là một trung đội trưởng viên thám, với một bàn chân để lại trên chiến trường đã viết về RBGT như sau: *" Hơn ai hết, anh (Trần Hoài Thư) là người thực sự lăn xả vào chiến trường, hiểu thấu đáo cuộc chiến. Đau với cái đau của người trong cuộc. Uất ức với cái uất ức của người cùng cảnh ngộ, nên anh viết về cuộc chiến tương tàn ấy đã gây tác động rất mạnh lên lương tâm người đọc, làm thổn thức bao trái tim với cái nhìn đôn hậu của anh. Quả thật trong vòng 20 năm nay, tôi chưa được đọc một tác phẩm nào mà cảm thấy vừa ý và thích thú như khi đọc tác phẩm của anh."* (trích "Người lính trong tác phẩm Ra Biển Gọi Thầm của nhà văn Trần Hoài Thư" của Phan Xuân Sinh).

Tôi xin được trích với lời xin lỗi các nhà văn viết về chiến tranh VN.

THĐ: Là một tay "giang hồ" có hạng, Anh giao du với rất nhiều giới anh em. Nhưng giới viết lách theo tôi Anh giao du có vẻ mặn mòi hơn. Vậy nhận xét của anh thế nào về họ, một số người tiêu biểu mà anh

thích cũng như không thích?

THT: Tôi có rất nhiều bạn. Bạn giang hồ. Bạn văn chương. Tuy nhiên, tôi phải thành thật nói, thời loạn nạn trước 1975, chúng tôi lại yêu thương nhau hơn bao giờ. Còn bây giờ...cái thời mà nghi ngờ cách li cứ ăn mòn trái tim của người...

Tuy nhiên, có điều sau khi phát hành RBGT, tôi lại có thêm rất nhiều bạn giang hồ bốn phương. Họ đã cho tôi thêm lửa và thêm tình. Tình của văn chương và lửa của cuộc sống.

THĐ: *Anh tự xuất bản RBGT. Tại sao anh phải chờ mãi đến bây giờ, sau 20 năm?*

THT: Ngay sau khi đọc Nỗi buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh. Tôi muốn có một sự công bình.

THĐ: *Hãy nói về con người thật của anh?*

THT: Tôi nói về tôi thật khó. Tuy nhiên phần lớn RBGT viết về chiến tranh VN, tôi xin phép mượn lời của viên cựu đại đội trưởng của tôi. Vị này nguyên là cựu sĩ quan Dù, khóa 18 Võ Bị:

"Tôi đã nhận được cuốn sách "Ra Biển Gọi Thầm" của anh tặng. Cảm ơn nhiều người trung đội trưởng 405 Thám kích bụi đời, giang hồ, hoan lạc, bất cần, can đảm, khí phách và mộng mơ, mơ mộng..."

Cũng nói thêm, tôi cũng là người đầu tiên vào giải cứu Qui Nhơn năm Mậu Thân. Trung đội 1 của tôi trực ngày hôm ấy nên phải đi đầu.

THĐ: *Câu hỏi chót, bây giờ mình nói chuyện dòng dài cũng đã nhiều. Vậy trước khi chấm dứt anh có điều gì cần thêm bớt nữa không?*

THT: Trước 75 và mãi đến bây giờ tôi vẫn nghĩ là tôi không phải là nhà văn. Tôi chỉ viết khi có một sự đòi hỏi của lương tâm. Tôi đã nói, sau khi đọc xong Nỗi Buồn Chiến tranh của Bảo Ninh và những lời ca ngợi của một số nhà văn, phê bình văn học hải ngoại, tôi mới xung trận. Tôi muốn có một sự công bằng. Tôi muốn máu của tôi, và những mảnh lựu đạn chày còn bám trong đùi tôi, vết sẹo trên vú phải được trả lại bằng sự Thật. Không ai làm chuyện này thì tôi làm. Không ai viết về những hạt cát còn sót lại trong giày trận thì tôi viết. Tôi cũng xin nhân cơ hội này để xin được gửi về những người đọc không quen và đã quen những lời cảm ơn chân thành nhất của tôi. Họ đã cho tôi tình và lửa. Và cũng xin cảm ơn anh, nhà thơ Triều Hoa Đại, đã tạo một cơ hội để tôi được bày tỏ và chia sẻ Ra Biển Gọi Thầm cùng bạn đọc.

THĐ: *Xin cảm ơn nhà văn Trần Hoài Thư*

Phỏng vấn nhà văn Trần Hoài Thư

Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện

TMT: Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình?

THT: Sinh tại Đà Lạt. Thời thơ ấu ở Nha Trang. Từng bán hàng rong ở bến xe Sinh Trung. Học hai năm ở cô nhi viện Bết Lê Hem, Hòn Chồng. Năm 11 tuổi ra Huế sống với thân phụ. Học Quốc Học Huế, Đại học Khoa Học Huế và Sài Gòn. Giáo sư tư nhân dạy giờ tại trường trung học Trần Cao Vân Tam Kỳ Quảng Tín. Động viên khoá 24 Thủ Đức. Ra trường được bầu họn là sinh viên báo chí xuất sắc nhất của khoá (khóa gồm nhà thơ Nguyên Sa, Luân Hoán, Cao Thoại Châu, Phan Nhựt Thức, họa sĩ Phạm Hoàng, nhà biên khảo Lưu Trung Khảo, Trịnh Kim Đồng (đã tử trận), Trần Sơn Hà...). Phục vụ tại đơn vị thám kích thuộc sư đoàn 22 BB và phóng viên chiến trường vùng 4. Bị thương trận ba lần. Là người độc nhất của đơn vị bị thương khi xung phong diệt ổ súng nặng tại cây xăng ông Tề Qui Nhơn năm Mậu Thân.

Gần bốn năm trong trại khổ sai ở biên giới Miên Việt. Ra trại, hành nghề bán cà rem dạo. Vượt biển đến Mỹ năm 1980. Làm nhiều nghề. Lấy cử nhân điện toán và cao học toán tại Đại Học Stevens institute of Technology ở New Jersey. Hiện định cư tại tiểu bang

New Jersey.

NMT: Anh bắt đầu cầm bút lúc nào? Có kỷ niệm nào đáng nhớ?

THT: Tôi bắt đầu viết lúc tôi học năm thứ nhất tại Đại Học Khoa học Huế. Hình như năm ấy là năm 1961 thì phải. Lúc ấy tôi ngồi trong thư viện Xavie. Thấy hình em bé gái sống sót trong trận Bình Giả, trần truồng chạy loạn, tôi không cầm được nước mắt, và tự dưng viết một mạch chừng 15 trang giấy học trò. Trong đó tôi dựng lại cốt truyện một em bé sống trong cô nhi viện, nơi tôi đã có mặt trong hai năm trời. Tôi gửi về tòa soạn Bách Khoa. Không ngờ bài được chọn, dù bài bị kiểm duyệt gần trọn. Còn kỷ niệm đáng nhớ. Nhiều lắm. Tôi xin kể ba kỷ niệm, tùy theo thời gian khác nhau của lịch sử. Tôi cũng xin lỗi trước, đây không phải là lời tự tuyên dương. Đây là hệ lụy dính liền với văn chương và lịch sử.

Thứ nhất, trước năm 1975. Về một lá thư của một nữ độc giả gửi mua cuốn "Một Nơi Nào Để Nhớ" để làm quà giỗ đầu cho người anh tử trận. Thứ hai, sau 1975, trong thời gian bán cà rem dạo ở bến xe Cần Thơ, tôi mua một ổ bánh mì và cô hàng đã dùng tờ giấy gói có bài văn của tôi.

Kỷ niệm gần nhất là một lớp học song ngữ ở trường trung học South Boston đã khóc khi nghe một em đọc truyện Bão Chiến trong Ra Biển Gọi Thầm. Ba kỷ niệm nhưng là ba khúc quanh của lịch sử.

NMT: Sau 1975, ở hải ngoại, anh bắt đầu lại ra

sao từ những dòng chữ khởi đầu? Tâm sự nào thúc đẩy anh cầm bút trở lại?

THT: Khi đặt chân đến Mỹ tôi đã bắt đầu viết ngay. Dĩ nhiên về những năm sau 1975, và nỗi nhớ nhung bồi bồi, tâm trạng hụt hẫng, của một đứa con xa hương. Các bài văn đầu tiên thường đi trên Quê Mẹ ở Pháp, Độc Lập ở Đức và Hồn Việt ở Mỹ. Nhưng tôi viết không mạnh.

NMT: Anh có vai trò: thi sĩ và văn sĩ. Vậy vai nào phụ vai nào chính? Và anh ưa thích vai nào hơn?

THT: Tôi không thể trả lời vai nào phụ và vai nào chính. Thơ và văn tôi hòa nhập chung làm một. Hình như khi viết là tim tôi đập. Gặp dịp là thơ lại trào dâng. Như truyện Vườn Thánh đi trên Văn cách đây gần 30 năm, tôi bắt đầu bằng thơ: *Một đôi mắt. Một nụ cười. Một giấc mơ. Cho tôi gục đầu vào đám mây dịu dàng ấy.* Hay mới đây, trong truyện Nha Trang: *Chỉ có tiếng thốt lên, òa vỡ cả niềm nhớ thương chất ngất ...*

NMT: Trước năm 1975, anh là người lính trong công việc phóng viên chiến trường. Công việc ấy có ảnh hưởng như thế nào trong sáng tác của anh lúc ấy?

THT: Trước khi chuyển về làm phóng viên chiến trường vùng 4, tôi đã là một trung đội trưởng thuộc một đại đội thám kích tại vùng 2 trong vòng bốn năm. Từ kinh nghiệm cá nhân, san xẻ trong một

thế giới nhỏ là trung đội, đại đội, tôi bắt đầu đối diện với thực tế chiến trường rộng lớn hơn, qui mô hơn. Tôi tình nguyện làm phóng viên chiến trường, dù cấp số là thượng sĩ trong khi cấp bậc của tôi là trung úy. Nhớ lại bây giờ tôi phải lạnh mình. Không còn mang súng, nhưng chỉ mang máy ảnh. Những lần dấu máy ảnh theo tác ráng từ mặt trận về thành phố. Những lần theo thiết vận xa đêm ngày ra mặt trận. Trong pháo. Lúc tiến. Lúc lùi. Bên tôi là người chết và bị thương. Xung quanh tôi là khói lửa. Tôi không những chụp ảnh, nhưng còn ghi đậm chiến trường vào mắt, vào tim để làm chất liệu cho truyện của tôi. Thường là mang danh phóng viên chiến trường, nhưng ít người tham dự trực tiếp vào chiến trường. Họ chỉ ở bộ chỉ huy, nghe thuyết trình, báo cáo, rồi về phóng đại. Có những người làm việc cho AP, AFP, BBC thì gan dạ hơn. Lý do, họ cần những hình ảnh sống thực hơn để hái tiền. Với tôi, chẳng gan dạ gì, nhưng hình như càng lẩn lộn mình càng tìm được hơi văn, và hơi thơ. Như qua đoạn thơ:

Người bạn kể gì nghe đứt ruột.

Ra trường hai đứa về bên nhau

Nửa năm còn lại ta ngồi khóc

Một đứa trôi sông xác mất đầu

Bạn chụp dùm ta vài tấm ảnh

Đem về đăng báo anh hùng rơm

Hãy cố làm sao điều chỉnh kính

Để nổi buồn lẫn cả cô đơn

*(trích Quán Gió Đồng Bằng trong tập
Thơ Trần Hoài Thư, tác giả xb năm 1988)*

NMT: Trong chiến tranh khốc liệt như vậy, anh có kỳ vọng hoặc suy tư nào về văn chương không? Anh có nghĩ văn chương đứng một vị trí quan trọng trong cuộc chiến?

THT: Thú thật, trong những ngày những đêm thăm thẳm, chất ngất hận thù, tôi tả cùng những cơn say mềm, trong bóng tối của hầm, tôi đã viết không ngoài mục đích là giải tỏa những câu hỏi cũng như muốn đem sự thật của cuộc chiến cho mọi người thấy, mọi người hiểu. Tôi đã ôm em bé bị bắn làm, bông máu đỏ mà khóc. Tôi đã chạy như ma rượt khi những người vợ của những người lính tử trận đòi tôi phải trả lại mạng chồng họ. Tôi cũng đã điên khùng xách lựu đạn đòi bác sĩ phải giúp đỡ lính tôi nằm trong phòng hấp hối. Tôi đã say mê đến cuồng điên khi nhìn thấy một người tù thương binh miền Bắc cụt chân chơi cờ tướng với một người thương binh miền Nam cụt tay. Tôi chơi với, hệt hảng không có lý tưởng cùng những bài hát của Trịnh Công Sơn. Thế hệ tôi khi trở về thành phố là vào phòng trà, quán cà phê để đốt thuốc và khóc theo lời ca của Khánh Ly.

Như vậy, cái tác động ghê gớm của văn học trong thời ấy là ghê gớm đến chừng nào. Đừng trách chúng tôi, những người viết trẻ thời ấy. Ngay cả nhạc sĩ Phạm Duy còn kêu gọi thống thiết: "*Kể thù ta đâu có phải là người. Giết người đi thì ta ở với ai?*". Tôi nghĩ, chưa bao giờ nền văn học chúng ta lại cực thịnh như thời trước 1975. Văn chương bấy giờ là văn chương sống, là bão cuộn, là những chấn động của trận đại

hồng thủy. Chúng tôi biết buồn rất sớm, sinh tử cũng rất sớm. Chúng tôi thoát khỏi cái thế giới bó khung nhỏ hẹp của văn chương tháp ngà hay mốc rêu của loại văn chương triết học. Chúng tôi đem văn chương lên tận cùng của cái ngang tàng. *Mai ta đựng trận ta còn sống. Về ghé Sông Mao phá phách chơi. Chia bớt nổi sầu cùng gái điểm. Đốt tiền mua vợ một ngày vui* (Nguyễn Bắc Sơn).

NMT: Lúc ấy, anh nhìn chiến tranh như thế nào? Một cuộc nội chiến, một cuộc chiến chống xâm lăng tiền đồn của thế giới tự do...?

THT: Trước khi vào quân đội, tôi mang lý tưởng chất ngất. Tôi tình nguyện chọn binh chủng thám kích ngay trong trường Thủ Đức dù tôi được bầu chọn là sinh viên sĩ quan báo chí xuất sắc nhất của khoá. Rồi khi chạm vào thực tế tôi mới hiểu về xái lý tưởng của mình. Hoà bình, chấm dứt chiến tranh dễ lắm. Chỉ cho mấy ngài lãnh tụ có mặt một đêm dưới giao thông hào để nghe tiếng pháo, hay có dịp để dăm con cháu các ngài ra tiền tuyến hay thử leo núi vạch bụi gai rừng thì các ngài mới hiểu chiến tranh là gì. Thứ hai, là lỗi của thế hệ chúng tôi. Nam cũng như Bắc. Chúng tôi không định đoạt lịch sử. Chúng tôi chỉ nhắm mắt buông xuôi theo số phận...chiến tranh sẽ hết ngayhoà bình segai rừnggội qua sông, cát cái giá mà mình mình sai càng thấm thía về sự thất của chiến tranh.. Nhất là việc y sĩ Hà Thúc Nhơn bị những người cùng hàng ngũ giết. mới thấy Tôi mang tâm trạng hoài nghi khi vào cuộc chiến. Tuy nhiên tôi vẫn là người lính, một

người lính mang cặp kính cận thị 7 độ, nhảy điều hâu, nhảy trực thăng, và lội nước lụt. Tôi vẫn mang màu áo lính cho đến hồi tan hàng. Tôi là người đầu tiên dẫn trung đội giải cứu Qui Nhơn và cũng là kẻ bị thương đầu tiên.

NMT: Bây giờ, ở 1996, khi viết "Ra Biển Gọi Thăm", suy nghĩ và nhận định ấy có thay đổi không? Và thay đổi như thế nào?

THT: Thay đổi. Tôi không thể ngờ những người cùng một màu da, một đất nước lại đối xử với nhau một cách tàn bạo như thế. Ai đúng ai sai. Lịch sử đã cho thấy. Tuy nhiên có một điều, lúc này, những người thuộc hàng ngũ bên kia, qua văn chương thời chiến của chúng tôi, mới hiểu là họ đã bị nhồi sọ, bị lừa phỉnh bởi guồng máy. Ngày xưa họ coi chúng tôi là những ác thú (trừ vài tay nhà văn mà tôi sẽ nhắc sau). Bây giờ họ xem chúng tôi là những con người, trọng đạo nghĩa, và rất nhân bản. Hãy đọc đoạn kết của Ly Thân của Trần Mạnh Hảo.

NMT: Anh sinh trưởng ở Đà Lạt nhưng là một trong những cây bút nhận Huế làm quê hương, có phải? Tại sao anh lại có tâm sự ấy? Có thể giải bày với độc giả?

THT: Chiến tranh. Con quái vật chiến tranh. Sau khi tôi ra đời thì có lệnh tiêu thổ kháng chiến. Từ đấy gia đình ly tan, thất tán. Tôi về sống ở Nha Trang. Tôi không thấy mặt ba tôi. Tuổi thơ tôi chỉ toàn là những

trận đòn và những cái tát tai vào mũi, đến nỗi máu cam tôi chảy từng cốc, no nê. Tôi có mặt hai năm tại ngôi trường cô nhi viện. Sau đó thân phụ tôi từ phương Bắc di cư về phương Nam, tìm dò tin tức của tôi. Tôi mang chiếc va ly thiếc lên máy bay ra Huế để theo tiếng tục của con gà trống ồm. Ba tôi là ông đồ. Chiếc áo lương đen của ba tôi in khắp trời Đông Tây Nam Bắc (lại thơ), kéo lê cơ cực để cho tôi được đến trường. Bởi vậy, văn tôi chưa bao giờ có hình ảnh một người mẹ ruột. Qua truyện Người Bán Cà Rem Dạo trong Ra Biển Gọi Thăm, bà mẹ tôi diễn tả là bà mẹ vợ tôi.

NMT: Nhìn lại một chặng đường, anh có nhận xét nào về những tác phẩm mình đã in và những bài mình đã viết ở thời kỳ trước 75?

THT: Lăn lộn với vết thương. Cảm nín cùng tình yêu. Bao tàn trên chiến trường. Tra vấn và câu hỏi. Bạt mạng và phóng đảng. Đọc lại vài bài cũ do bạn bè tặng, đôi khi hoảng hồn. Không thể ngờ mình lại viết như vậy. Và lại viết với một số lượng nhiều như vậy. Phải là trên hai trăm truyện ngắn.

Lý do viết nhiều, bởi vì, có thói quen, viết không coi lại, viết một lần, và chỉ một lần. Và gặp đâu viết đó. Trong túi trận lúc nào cũng có xấp giấy. Không bao giờ lưu bản thảo. Viết như sợ mình không còn dịp để mà viết.

NMT: Anh có thành kiến nào với Huế? Về đời sống thường, và đời sống văn chương? Anh có yêu

mến nó một cách cực đoan từ cái hay đến cái dở ?

THT: Huế đối với tôi là những chuyến xe vận tải chở những chiếc ghế, chiếc giường cho mỗi lần tìm được ngôi nhà trọ. Từ Phủ Cam, qua Bến Ngự, về Trương Định, vào tận trong Thành Nội, hay ngược xuống Chợ Cống. Huế là cái ngôi nhà tồn trong hẻm Trương Định, nền đất thịt, mà mỗi đêm hè, nóng như lửa, có ba tôi quạt cả đêm để cho tôi ngủ, và mùa đông, hơi đất từ dưới bốc lên, hơi lạnh từ mái tôn phải chụp xuống để tôi phải co rúm. Huế là những người chủ nhà cay nghiệt. Là quán ăn xã hội bên bờ sông Hương để ba tôi và tôi ghé lại vào trưa và chiều. Huế có tôi côi cút theo một người con gái, theo hoài, theo mãi. Huế dạy cho tôi thế nào là tình yêu đầu đời. Huế bắt tôi nổi loạn, đi dép Nhật, để tóc dài. Huế có những ô cửa bên dòng sông để mỗi đứa chúng tôi có những giấc mơ riêng. Huế có tôi đi giữa đám biểu tình và nhà tôi bị vẽ chữ thập vì không mang bàn thờ ra danh. Đọc bài mình đăng trên Văn, Bách Khoa ngoài đường. Huế viết cả trăm trang cũng không đủ để ghét Huế, yêu Huế, giận Huế. Hình như chưa bao giờ tôi có thể tìm cái nét rứt rề, bẽn lễn từ hai chéo áo khép nép giữ gìn, nhưng sao mà con tim thì lại quá vô tâm gỗ đá. Hình như tôi muốn đứng hoài giữa đất trời để uống cho no, cho đầy vẻ êm ả của một kinh thành trong hoàng hôn. Hình như khi mình xa, thì mình nhớ, nhưng lúc về thì muốn bỏ đi.

Tôi viết về xứ Huế ấy rất nhiều. Tập Tùy bút cuối cùng xuất bản vào tháng hai, 1975 - Một Nơi Nào Để Nhớ, tôi viết hoàn toàn cho Huế. Trong Ra Biển Gọi

Thầm, tôi cũng viết về Huế qua Một Nơi nào Rất Xa.

Nhưng Huế ở đây, là một khu vườn xưa ở Đập Đá bị chủ nghĩa, chính kiến cày nát tan tành.

NMT: Anh cầm bút với mục đích gì, lúc đó (trước 75). Và sau này ở Hoa Kỳ, mục đích ấy có thay đổi không? Mục đích ấy có phải để cho vui đời sống, thực hiện hoài bão của mình hay để được có danh và nhiều người biết tên?

THT: Tôi đã nói ở một trong những câu hỏi trước về mục đích trước 75. Viết đối với tôi lúc ấy là một nhu cầu bức thiết. Bởi vì tâm não của tôi cần phải giải tỏa. Thứ hai là do mình muốn nổi danh. Đọc bài mình đăng trên Văn, Bách Khoa mà nghĩ mình cũng là nhà văn như ai. Lại thêm có thư của nữ độc giả nữa. Còn bây giờ, thú thật, tôi viết cẩn trọng hơn. Sau những kinh nghiệm tang thương bằng máu và nước mắt, tôi viết những gì mà tôi nghĩ là đúng và có thể may ra an ủi một phần nào những người bất hạnh.

Tôi là tên viết tùy hứng. Muốn làm thơ thì làm. Muốn viết văn thì viết. Nhiều khi hai ba tháng không viết được một bài văn nào. Nhiều khi một tuần viết được hai truyện.

NMT: Hỏi với thi sĩ Trần Hoài Thư. Anh có thích làm thơ không? Thơ tình hay thơ chiến đấu?

THT: Thừa anh, không phải thích, mà hơn thế nữa. Đối với tôi, thơ như cần sa ma túy. Hình như khi mình càng lớn tuổi thì hồn thơ lại càng âm ập. Của cô

đơn. Của thân phận. Của tình yêu đôi lứa. Của tình bằng hữu. Của vũ trụ. Của từng hạt sương. Của cộng rơm hạnh phúc... Ngay cả văn của tôi cũng vậy. Có lẽ lẽ tôi mềm thấm gỗ. Gỗ già nua, lạnh cả chân đời. Thơ đến khi tôi oà cảm động. Thơ tình, thơ chiến đấu hoà chung.

NMT: Anh có làm thơ để tặng một người nào chưa? Như cho người tình, bằng hữu, con cái... THT: Tôi cũng không biết nữa. Khi có chủ ý làm, thì văn, thơ nặn mãi không bao giờ ra. Tùy cảm hứng, hay nổi gỏi gấm. Một câu chuyện cần nhiều chi tiết thì dĩ nhiên là phải dùng truyện để giải bày. Một nỗi rung động chợt gặp thì thơ trải cùng tâm cảm.

NMT: Có người nhận xét, không khí của thi ca Trần Hoài Thư thơ mộng và lãng mạn hơn không khí truyện. Điều ấy, theo anh có chính xác không?

THT: Không chính xác. Ngay cả truyện, khi tôi tả lại một mái tóc liễu trai, một đôi mắt u uẩn bên trời, một chuyện tình, một chiều mưa v.v... thì tự dung thơ lại trào ra. Tôi vừa nhận được lá thư của một bạn văn. Anh nhắc đến mấy câu thơ từ truyện Con đường trăng trên tạp chí Văn Đền. Người bạn văn đã trích lại những giọng văn xa xưa của tôi: Một lúc nào đó, ông sẽ phải chỉ cho em con đường trăng của ông. Và những câu thơ. Con đường trăng em bóng nhỏ chờ tôi, tôi trở về một sớm mùa xuân, em gương lược không thềm bắt bướm...(Trích lá thư gửi ngày 14 tháng 5, 1996 của nhà văn HC)

NMT: Anh có làm thơ để tặng một người nào chưa? Như cho người tình, bằng hữu, con cái... Theo anh, đó có phải là loại thơ hiếu hỷ? Hoặc, đó là những nét phác họa thực của đời sống riêng của Trần Hoài Thư?

THT: Tôi rất ít khi làm thơ tặng. Chỉ làm tặng vài người. Sau vài cuộc nhậu, giang hồ lại nổi máu, thấy bạn bè đáng yêu, đáng phục...

Như bài thơ Áo Xưa tặng một người bạn khi anh ta mang chiếc áo rằn cũ. Hình như tôi chưa bao giờ đề tặng một người nữ nào dù thơ tôi phần lớn là thơ tình. Điều ấy dễ hiểu, em bỏ Huế làm sao tôi khỏi khóc... May nhờ vợ tôi là một người rất yêu thi ca, thông cảm với cái mơ mộng vô tội vạ. Tôi có làm bài Nhỏ tóc sâu cho vợ để tỏ lòng ăn năn như cụ Trần Tế Xương làm thơ cho cụ bà. Tôi có làm bài thơ khá dài Cho Con Ngày Vào Trường Thuốc (đã đăng trên tạp chí Văn Học) tặng con tôi. Sau này, nó đọc nó sẽ hiểu con người của bố nó. Lang bạt, si đại, đam mê, bất cần. Đời ta là con số không vô tận. May trên đầu còn chiếc mũ rừng. Mũ nhẹ nên coi đời cũng nhẹ. Chiến tranh thì cũng tựa phù vân.

NMT: Khi làm thơ hay viết truyện, lúc nào anh thấy mình sống thực với cuộc đời mình hơn?

THT: Khi viết văn, tôi vẫn hay lồng không ít thì nhiều những mảnh sống của chính mình. Tuy

nhien khi làm thơ tôi mới sự thật trở về con người của

tôi. Bởi trong thơ chẳng có anh hùng mà chẳng có tướng cướp. Chỉ có cõi lòng của mình. Mặt trời đỏ ối trên vòm xám. Banh áo ngâm bài thơ Cổ Lai. Banh áo. Con người thật của tôi đấy.

NMT: Anh làm thơ từ những cảm hứng nảy ra bất thường hay là những nung nấu ấp ủ rất lâu ngày trong tâm trí?

THT: Cả hai. Như cả tháng nay tôi miên man làm thơ lính. Những chấm phá đầu trời quá đậm. Những mảng màu bỏ lửng hôm qua. Tôi phải chụp và riết ôm cuồn bạo. Mãng đời tôi lũng thấp trường xa...

NMT: Làm thơ, anh chú ý đến những yếu tố nào nhất? Hình ảnh, âm điệu, ngôn ngữ, ý tưởng,...?

THT: Thứ nhất là sự thành thật. Thành thật với lòng và thành thật với chữ nghĩa. Nếu không có sự thành thật thì bài thơ hay chỉ là những cô gái đẹp nhưng lòng thì trống rỗng... Nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn đã có những bài thơ rất thành thật. Đó là lý do thể hệ tôi yêu thơ anh mặc dù đọc lên nhiều người phải đỏ mặt... Kế đến là âm nhạc của thơ. Một bài thơ tình làm sao lại có âm hưởng thúc hối như một bài thơ chiến đấu. Một đoạn thơ có thể như một hơi thở dài. Hay có thể hụt hẫng. Bởi vậy, đôi khi tôi ít để ý đến luật niêm. Luật niêm đưa đến âm điệu. Tuy nhiên âm điệu đôi khi cũng không cần luật niêm.

NMT: Anh có nỗ lực nào trong công việc làm mới thi ca của mình?

THT: Tôi nghĩ chữ mới ở đây rất tổng quát. Riêng tôi, tôi muốn thơ thoát khỏi cái xiềng xích vô hình của luân lý thơ. Trong bài thơ Người yêu tôi ở Đồng bằng tôi có câu thơ như thế này: *Đôi lúc sợ chim trong quần nín dái*. Cái tâm trạng của thành trung đội trưởng dẫn một trung đội đi phục kích đêm là thế. Thứ hai là thể thơ xuôi trong văn. Tôi làm điều này cách đây hơn ba mươi năm.

NMT: Bây giờ, nói chuyện với nhà văn Trần Hoài Thư. Trước 75 anh có bao nhiêu tác phẩm và có tác phẩm nào mà anh ưa thích nhất?

THT: Tôi có bốn tác phẩm. 1. Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang. 2. Những vì sao Vĩnh biệt. 3. Ngọn cỏ ngậm ngùi. 4. Một nơi nào để nhớ. Trừ cuốn Một Nơi Nào Để Nhớ do Con Đường xuất bản, cả ba tác phẩm còn lại do cơ sở Ý Thức xuất bản. Còn tác phẩm nào tôi ưa thích nhất? Có lẽ là cuốn tùy bút cuối cùng. Dày chừng 125 trang in tại Vĩnh Long, và do chính tôi tự phát hành. Tôi bỏ trong ba lô mang ra tiền đồn, mặt trận. Tác phẩm viết về một đứa con xa Huế, và đều chuyên chở tiếng nói, thông điệp cho nhân một tháng là miền Nam bị mất. Hay cũng có lẽ là tập đầu tay, Nỗi Bơ vơ của Bầy Ngựa Hoang. Lần đầu tiên, kỹ thuật in roneo được anh em Ý Thức nâng lên một tầm mức cao.

Hiện tại tôi không có trong tay bất cứ tác phẩm nào của tôi. Vì vậy, nếu quý bạn còn giữ hay biết xin quý bạn cho tôi cơ hội để sao. Xin cảm ơn trước.

NMT: Nếu có người xếp anh vào nhóm những nhà văn trẻ miền Trung, anh sẽ nghĩ ra sao về một thời kỳ sáng tác ấy?

THT: Yêu dấu. Thời mà chúng tôi, dù hoàn cảnh không bao giờ gần gũi, tuy nhiên những Mường Mán, Ngụy Ngử, Hồ Minh Dũng, Kinh Dương Vương, Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Doãn Nho, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Bá Lăng, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Võ hữu Định, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Lộc, Lê văn Ngăn, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng thị Bích Ni, Đynh Hoàng Sa, Thành Tôn, Đinh Trầm Ca, Vương Thanh và nhiều người nữa tôi xin lỗi vì quên tên v.v... đã đóng góp không ít cho nền văn học thời chiến. Những hệ lụy của chiến tranh đã tràn ngập trên văn chương chúng tôi. Thời đó tôi nghĩ là thời thịnh trị của văn học Việt Nam. Bởi mỗi bài văn đều chuyên chở tiếng nói, thông điệp cho nhân loại về một cuộc chiến tương tàn. Bởi thời ấy, chúng tôi có độc giả. Hầu như trong ba lô của hầu hết sĩ quan trẻ đều có tạp chí Văn. Và sự kính trọng văn chương.

NMT: Nhà văn phải có nhiệm vụ thể hiện được tầm suy nghĩ của thời đại mà ông ta đang sống. Anh có đồng ý? Và đã thể hiện như thế nào trong dòng chữ của mình?

THT: Tôi đồng ý. Tôi xin dùng những nhận xét của nhà văn Trần Doãn Nho về tập truyện mới nhất của tôi: Tôi có cảm giác tất cả biến cố của đời anh đã

biến thành chất liệu trong "Ra Biển Gọi Thầm". Và tuy là chất liệu cá nhân, nhưng chúng là điển hình cho cả thế hệ, một giai đoạn lịch sử. (trích Tản Mạn về Ra Biển Gọi Thầm, Trần Doãn Nho, Saigon Times)

NMT: Sau 75, anh đã xuất bản một cuốn sách hình như viết về những ngày cuối tháng tư ở bản doanh quân đoàn 4. Có phải? Trường hợp nào mà anh cho trình làng tác phẩm trên?

THT: Ngay sau khi qua Mỹ, khoảng 1980, tôi có ghi lại những ngày cuối cùng tại QĐ4 bằng một bút ký khoảng 30 trang. Anh em ở bên phụ trang hình ảnh và phổ biến trong ngày 30-4. Tuy nhiên tôi không được biết về vụ này. Chỉ biết khi khám phá tập bút ký mỏng này nằm phơi trong một thùng rác, mưa làm nhòa hết chữ. Lúc ấy gia đình tôi ngụ tại một khu tội ác nhất thuộc thành phố Philadelphia. Chúng tôi ở lầu hai. Lầu một là một tiệm tạp hoá Đại Hàn. Tên chủ tàn nhẫn. Bao nhiêu thư từ gửi lầm đến hắn, hắn đều bí mật xé hay bỏ vào thùng rác. Tập bút ký này cũng là một nạn nhân của hắn. May mà tình cờ mang rác ra đổ tôi mới khám phá. Tôi không nghĩ tập bút ký này là một tác phẩm. Bởi vì nó không phải là công trình do tôi chọn, săn sóc nó, ưu ái nó. Nó không phải là tác phẩm văn chương.

NMT: Lúc viết, anh thường xử dụng chất liệu của đời sống thường của riêng anh, có phải? Và, như vậy, chất hư cấu có chiếm nhiều phần trăm không trong chữ nghĩa của anh?

THT: Vâng. Phần lớn những bài văn của tôi đều mang theo chất sống của bản thân tôi. Hư cấu rất ít. Có nhiều truyện sự thật 100 phần trăm, như truyện Tháng Bảy Mưa Ngâu trong Ra Biển Gọi Thầm, được viết lại từ Cõi Sa Mạc cũng đăng trên Văn cũ. Tôi tả lại trận tiếp cứu một quận lỵ, mà phía bên kia đã hạ sát cô giáo quận. Ngay cả nhân vật nữ thứ hai trong truyện nữa...

NMT: Khi viết, anh thường dùng lẫn lộn giữa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, lúc kể chuyện, lúc độc thoại. Có phải đó là một cố tình trong phương cách diễn tả của anh?

THT: Vâng. Theo tôi đó là cách hay nhất để diễn tả tâm lý nhân vật. Hẳn được tôi đưa ra sân khấu. Và tôi nhường lại cái quyền cho hẳn.

NMT: Có người nhìn chiến tranh từ vị trí của mình như Phan Nhật Nam, như anh (Trần Hoài Thư) ở phía bên này cũng như Bảo Ninh, Dương Thu Hương nhìn chiến tranh từ phía bên kia. Nhưng có ý kiến văn chương phải vượt qua mọi biên giới. Theo anh, có gì mâu thuẫn giữa hai nhận định trên?

THT: Văn chương vượt qua mọi biên giới nếu văn chương đáp ứng được những gì mà người đọc ở hai bên muốn gởi gắm mong đợi. Văn chương phải đưa ra cái mẫu số chung trong chiến tranh và sau chiến tranh. Tiếng khóc. Tình yêu. Ly tan. Tội ác. Phù thủy.

Tương tàn. Lò sát sinh. Tuổi trẻ. Như vậy làm sao văn chương lại vượt qua biên giới một khi Nỗi Buồn Chiến tranh của Bảo Ninh lại hàn học với hàng ngũ miền Nam, bằng một cái nhìn ác ý mà không có tiếng nói trả lời cho công bằng. Một trung úy thám báo VNCH nhảy toán vào mặt khu bắt cóc 2 cô gái đi mấy cây số mang ra bờ sông hãm hiếp và giết. Bảo Ninh là lính trinh sát nhưng không hiểu vai trò thám báo là gì (bảo mật, săn tin). Đó không phải thú tính mà chiến tranh gây nên. Trái lại nó là một cố ý hạ nhục từ những tay làm văn nghệ thống trị. Bảo Ninh đã vẽ người sĩ quan hơn một ác quỷ. Mất lời đỏ ngầu, mặt be bết máu." *tên nom to con nhất trong bọn, mất trái bị báng súng động lò ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lạnh nhìn Kiên cười khẩy, và khàn khàn nói, nhe hàm răng trắng ớn. - Ba nhỏ đó trình quý anh, tụi này làm thật cứng hà bá rồi... Mấy nhỏ la khóc quá trời...*" (NBCT, trang 51, 52) Tôi mất hết bình tĩnh, xin lỗi anh. Anh có tin câu nói trên là một câu nói của một sĩ quan VNCH, ít nhất có bằng Tú Tài? Cái trách nhiệm của người viết là hàn gắn những đổ vỡ chứ không tạo thêm căm thù. Nhất là đối với người thất thế (nhất thời) là một điều không tốt.

NMT: Anh viết nhiều về đời sống thăng trầm của mình, lúc đi lính, lúc ở tù, lúc vượt biển rồi định cư và có nghề nghiệp vững chắc. Anh có nghĩ viết về mình như thế có ít chất sáng tạo không? Bởi mang tách bạch lòng mình ra thì dễ hơn viết về những đời sống khác chỉ có ở trong tưởng tượng. Anh có chia sẻ với điều trên?

THT: Tôi viết về tôi. Cái tôi chung của thế hệ tôi. Tôi cũng là một người lính trong thời chiến, một người tù sau khi hết chiến tranh và người vượt biển như hầu hết những người VN lưu vong. Cuộc sống của tôi có quá nhiều chất liệu, tại sao tôi lại không sử dụng và khai thác. Tưởng tượng là một điều cần thiết của người viết, nhưng tưởng tượng kiểu Bảo Ninh viết về hành động man rợ của người trung úy toán trưởng thám báo VNCH, hay cảnh đánh nhau giữa lính chính qui BV dùng AK và T54 với nữ cảnh sát viên dùng súng ngắn ở Ban Mê Thuột thì dù tên tuổi có lẫy lừng đi nữa, giá trị vẫn vấp vào sọt rác.

NMT: Mẩu số chung của người Việt tị nạn: những người lính, những người tù, những người lưu vong... nạn nhân của một thời thế tàn bạo. Viết về những mẩu số chung ấy, anh sợ có sự nhàm chán không mới lạ không?

THT: Tôi nghĩ còn có rất nhiều điều để nói. Chiến tranh phía sau đã một lần bị bóp méo bây giờ phải được trả lại sự thật và công bằng. Trả lại sự công bằng cho viên trung úy thám báo bị nhà văn Bảo Ninh bôi nhọ. Và bao nhiêu sự kiện xảy ra ở đây. Cam khổ, nhục nhằn, chiến đấu, vươn lên, thành công. Cả hoài niệm và tương lai.

NMT: Anh vừa mới in "Ra Biển Gọi Thầm". Anh có thể nói vài dòng để giới thiệu tác phẩm mới nhất này?

THT: Tôi tự xuất bản Ra Biển Gọi Thầm (RBGT) vào mùa đông 1995. Tôi tự đánh máy, layout. Bìa của Nguyễn Quốc Tuấn. Phụ bản của Rừng. Trình bày bìa Nghiêu Minh, in tất cả 1000 cuốn. Đó là một tập truyện gồm 21 truyện ngắn. 4 truyện cũ từ Bách Khoa, Văn và Thời Tập. Còn lại là những truyện được viết ở hải ngoại. Về một lần gặp lại người xưa. Về cõi lòng của bậc cha mẹ khi thấy con trưởng thành trở thành cánh chim rời khỏi tổ ấm. Về sự chung thủy của một người thiếu phụ dẫn con về bãi chiến trên cao nguyên sau khi hết chiến tranh. Về những ngày đói khát lê lết trên biển. Về người tù quần trí ăn cả phân người. Về tâm trạng của một người trung đội trưởng trong một trận đánh thắng, và trong một trận đánh thua. Và cái tàn bạo của cuộc chiến. Về một lớp học bên bờ sông Hudson, người sinh viên già gặp người nữ sinh viên Trung quốc hay gặp cô con gái du học, con của một người tình xưa, nay là một cán bộ cao cấp để đưa ra một lời giải cho một vấn nạn.

Sách đã bán hết. Niềm vui là có một số tiền để giúp đỡ một số bạn hữu và gia đình họ ở quê nhà.

NMT: Chiến tranh đã chấm dứt từ 20 năm. Thế mà, trong sự diễn tả của anh, chân dung người lính vẫn còn những nét sống động. Tại sao lại có sự kiện như vậy, theo anh?

THT: Lý do là tôi có thể viết tất cả những gì tôi muốn viết. Ngày xưa khi nhắc đến tên người trung đội phó người gốc Nùng tên Lương Văn Tường, chữ

Tướng bị bôi đen bởi kiểm duyệt. Người ta bảo tôi chơi xỏ các ngài mặt trời. Hầu hết các bài văn của tôi trên Bách Khoa ít nhiều bị bôi đen. Người lính lúc ấy phải trăm trận trăm thắng. Bây giờ người lính của tôi thì khác. Tôi bốc trần truồng, lột hết bản chất thú đến bản chất thiện. Tôi viết như ngủ, thấy, sờ mó. Giờ đây, tôi có thể thấy như in người lính tuyệt vọng nằm bên cạnh tôi, cố gắng tháo sợi dây chuyền có tượng Phật Bà Quan Âm để nhờ tôi đưa lại cho vợ.

NMT: Có người nói những người bị quan thường nhìn về quá khứ và những người lạc quan hay hướng đến tương lai. Vậy khi viết những truyện ngắn của "Ra Biển Gọi Thăm" anh bị quan hay lạc quan, theo ý nghĩa trên?

THT: Đa số truyện trong RBGT đều lấy từ kinh nghiệm của quá khứ. Nói như vậy không phải quá khứ là giấc mơ để con người bám víu. Quá khứ của RBGT âm u, nhưng trong cõi âm u ấy, có những nụ hoa mà chúng ta không thể tìm được, bây giờ. Tình đồng đội. Sự hy sinh của một người cha. Tình yêu tuyệt vời của đôi nam nữ trong chiến tranh. Nỗi lênh đênh của người cô phụ mà thủy chung.. Từ quá khứ ấy, dẫn lối về tương lai. Như Cho Con Mùa Tụ Trường. Quá khứ là bài học quý giá cho hiện tại và chân trời trước mặt.

NMT: Đời sống hội nhập với công việc thường ngày là chuyên viên điện toán, có làm trở ngại nào cho công việc sáng tác của anh?

THT: Vâng, trở ngại. Nếu không có cái đam mê thì chẵn chẵn tôi không thể có Ra Biển Gọi Thầm. Tôi vừa làm việc vừa đi học, vừa là chủ nhà, cắt cỏ, cào tuyết, và viết. Trăm thứ. Anh hẳn biết, ngành điện toán đòi hỏi sự tập trung tâm trí. Một dấu chấm sai vị trí cũng đủ làm nổ tung cả trái bom. Vất vả và lao tổn lắm. Thức đêm nhiều và cũng cà phê thuốc lá hơi nhiều. "Đêm ngủ muộn. Nhà un khói thuốc". Nhà thơ Lâm Chương đã có câu thơ rất đúng cho trường hợp tôi.

NMT: Vậy, một ngày của Trần Hoài Thư như thế nào?

THT: Sáng sớm trước khi đến sở, ghé Donut Dunkin uống cà phê, đọc báo, theo dõi tiếp tranh hí hoạ Circus Family hay anh chàng Dagwood trên Blonde. Chiều trở về nhà, chui xuống basement mở PC, tiếp tục viết, đợi vợ kêu lên ăn cơm, hay nhắc khéo về sân nhà cỏ dại hay hết hạn insurance xe... Tối lại ngồi trước máy và tiếp tục chơi đùa cùng chữ nghĩa. Trước khi ngủ có thói quen đọc sách hay nghe Hà Thanh, Khánh Ly, Thái Thanh hát. Nghe trăm lần vẫn còn muốn nghe tiếng ca của Khánh Ly qua bài Mùa Đông Chiến Sĩ. Cuối tuần hay tìm đến tiệm sách Barnes Noble để uống cà phê, la cà các kệ sách computer hay tạp chí văn chương. Có khi theo bạn đi nhậu, tả tôi, tôi tả. Đạo này lại thích Desktop publishing.

TMT: Anh có đọc và theo dõi nền văn học trong nước và có nhận xét nào không?

THT: Thỉnh thoảng tôi được đọc vài bài văn gửi từ trong nước xuất hiện trên Hợp Lưu hay Văn Học. Riêng những cây viết miền Nam thuộc thời chiến tranh, tôi được đọc tập truyện Thăng Bất Quỷ của Cung Tích Biền và hai truyện dài của Mùong Mán xuất bản năm 1990, 1991. Mùong Mán gửi cho tôi với những dòng: Thư ơi, Vắn tin có ngày sẽ gặp lại nhau, cạn vài xị để ngửa mặt trông mây để thấy tóc nhau chưa đến nổi bạc trắng. Tại sao tôi lại nhắc đến họ bởi vì họ là trong số những người viết trẻ miền Nam còn lại. Càng đọc tôi càng hiểu cái u uất trong không khí dựng truyện của CTB và cái gượng ép của văn phong MM. Họ là những người tài hoa viết thẳng, viết thật. Nhưng tường như trên từng giòng chữ của họ có cái gì không thoát ra để trở thành dòng thác. CTB và MM là những người may mắn sống với ngòi bút, còn biết bao nhiêu người tài hoa khác ở đâu. Nguyễn Bắc Sơn quần trí nhảy từ lầu của Hội Văn Nghệ thành phố Thuận Hải. Lần này là lần thứ bảy. Sự căm lạng tức tưởi của bạn bè đã cho thấy một nền văn học kỳ thị, bùng bít. Miền Nam có biết bao nhiêu người làm văn học trong thời chiến, đã tạo nên một thời kỳ lẫy lừng nhất của văn chương, nay họ ở đâu? làm gì? Người thuộc đảng gửi bài ra nước ngoài thì ung dung, hay bất quá là tước đảng tịch, cho về nhà xơi nước. Hợp Lưu chỉ thấy những bài văn của Trần Duy Phiên, Hoàng Phủ Ngọc Tường, những người một thời làm sấm làm sét. Còn một Nguyễn Bắc Sơn,

Hạc Thành Hoa, Phan Nhựt Thức hay những người gốc quân đội VNCH thì ở đâu?. Văn học trong nước là văn học của những người thắng trận. Trong khi Nội buồn Chiến Tranh miệt thị một người sĩ quan thám báo được công khai phổ biến, trong nước, hải ngoại, được xem như một hiện tượng, được phê bình tung hô... thì thử hỏi, có ai trong hàng ngũ thất thế dám viết một bài văn nói về sự tàn bạo của phe bên kia?. Nếu coi rằng văn chương vô biên giới, thì trước hết văn chương phải công bằng. Tuy nhiên ở trong nước, không công bằng, tôi nhấn mạnh, không công bằng, thì làm gì mà nói đến vượt biên giới.

NMT: Anh có ý nghĩ nào về văn học Việt ở ngoài nước. Có bao giờ anh ưu tư về tương lai của họ?

THT: Trăm Hoa đua nở. Những gì mà nền văn minh kỹ thuật như internet, E-mail, Desktop Publishing đã khiến văn chương càng phong phú, dồi dào. Cộng thêm sự tiếp thu cái lạ, cái hay, và nhất là cái phóng khoáng của nền văn học Âu Mỹ. Giữa bãi đầm cũng có những nhánh sen trở bông. Đừng nhìn những tạp chí biểu không mà đánh giá văn chương. Hãy đọc các bài viết. Để thấy đôi khi có những bài văn, bài thơ hay và lạ. Tên tuổi là một yếu tố. Nhưng chất liệu là một yếu tố quan trọng hơn. Tên tuổi mà không có chất liệu thì coi như số không. Nhà văn Võ Hồng đã có lần tâm sự với tôi, ông cần chất liệu, và ông nhờ tôi giới thiệu những bạn bè của tôi để ông được tiếp xúc để tìm chất liệu. Mỗi người Việt hải ngoại đều mang theo bên mình những chất liệu khổng lồ, chỉ chờ đợi cơ hội

là bộc phát.

Còn tương lai. Dĩ nhiên một ngày nào đó, văn học sẽ do con cháu chúng ta ngự trị. Viết bằng tiếng Việt, tiếng Anh. Bài văn đăng trên các tạp chí văn học uy tín Mỹ. Trên internet. Trên Homepage. Huy hoàng lắm. Tiếng nói sẽ truyền khắp các lục địa. Mỗi ngày tôi lên Net, thấy sự sinh động của văn chương Việt Nam. Các đặc san của các đại học với những cây viết sinh viên. Vui. Nhộn. Nhưng vẫn mang tình yêu về một quê nhà xa lắc.

NMT: Văn học ở ngoài nước sẽ - hội nhập với dòng chính ở trong nước hoặc sẽ thành một nhánh riêng hoặc bằng chữ bản xứ hoặc Việt ngữ. Theo anh, sẽ dự đoán như thế nào?

THT: Khó mà dự đoán, thưa anh. Khi lên trên Net, đọc các tạp chí của các em, tôi càng hiểu các em yêu quý tiếng Việt, chia sẻ với nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Các em gửi E Mail cho tôi vẫn dùng dạng Vietnet để viết. Tuy nhiên khi đọc tạp chí Văn Học, tôi lại nhận ra một số các em lại viết bằng tiếng Anh. Dù tiếng Anh hay tiếng Việt, mục đích cuối cùng cũng vẫn là văn chương. Chẳng thà dùng tiếng Anh mà đạt được chất lượng, còn hơn là dùng tiếng Việt mà bối rối.

Tôi nghĩ là không có sự hội nhập với dòng chính ở trong nước. Lý do cái dòng chính ấy đã bị cái đập của guồng máy ngăn cản. Mà ngược lại, chính cái dòng hải ngoại này là dòng thác cuồn cuộn chảy về quê hương, qua CD, qua internet, qua Siêu xa lộ thông tin, qua sự khao khát tìm đọc của những người trong

nước... Ngay cả trong nước, dòng văn học người ta nghĩ là "chính" là dòng văn học "cách mạng", được ưu ái thế kia cũng đã phải đầu hàng và bị đồng hoá bởi văn hoá "Mỹ Ngụy".

NMT: Anh có suy nghĩ gì về sự hợp lưu giữa ở trong và ngoài nước? Ở thời điểm bây giờ và trong tương lai?

THT: Tôi đã nói về ý tôi qua một câu hỏi trước. Thứ nhất ai là đại diện cho nền văn chương trong nước. Bảo Ninh chăng? Nguyễn Duy, Lê Đạt, Phan thị Vàng Sao chăng? Dương Thu Hương, Ngụy Ngữ chăng? Một tác phẩm của Bảo Ninh là một tác phẩm của kẻ thống trị thì kẻ bị trị ở đâu? Cả một số lượng khổng lồ của những người viết văn làm thơ trước 75 bây giờ ở đâu? Dòng thác lầy lùng một thời đã tắt, không phải bị tịt ngòi, mà vì bị bóp nghẹt.

Thứ hai, văn chương hải ngoại đối với những người trong nước là một thứ văn chương chui. Một đảng thì chui và một đảng là văn chương thống trị thì làm gì có thể tạo nên một dòng hợp lưu mãnh liệt như chúng ta mong đợi.

Còn tương lai? Ngày xưa, tôi đã từng mơ ước cái tương lai không thù hận, hai miền Nam Bắc thống nhất, yêu thương nhau. Và tôi đã tìm cái tương lai ấy bằng cả một hố thẳm của biển thái bình dương, trong trại tù, tiếng rên xiết. Hãy cho tôi được quyền nghỉ ngơi.

NMT: Anh có nhiều ước mơ không? Và có khi nào

thể hiện những giấc mơ ấy trong tác phẩm của mình?

THT: Trước năm 1975 mỗi bài văn của tôi đều mang theo ước mơ. Từ Bệnh Xá Cuối Năm trên Văn, tôi tả lại cảnh một người thương binh miền Bắc cụt chân đánh cờ tướng với một người thương binh miền Nam cụt tay. Từ Nhật Ký Hành Quân trên Văn tôi kể về những điều thuốc san sẽ cho tù binh. Từ Những Kẻ trốn chạy trên Bách Khoa tôi ôm em bé bị bắn làm bể hết bong bóng mà khóc rồi bắn loạn xạ lên thỉnh không. Từ Con Đường Trăng trên Vấn Đề tôi nói về mơ ước con đường trăng trên một quê hương không còn chết chóc. Bây giờ ước mơ đã xụp đổ tan tành. Tôi sợ phải viết cơn mơ vì cơn mơ là con dao hai lưỡi. Nhìn một em bé ngồi dưới chân pho tượng, đẹp lắm, thiên thần lắm nhưng hãy nhìn những chiếc lá bay lất phất để biết rằng gió đã nổi. Và nhìn em bé mang chiếc áo mỏng, mới hiểu rằng em bé không phải là một thiên thần, mà lạnh, lạnh lắm.

NMT: Anh có sắp xếp những chương trình cho văn chương của mình ở tương lai sắp tới?

THT: Tôi chẳng có dự định gì. Tôi viết tùy hứng. Tuy nhiên có một điều rất thầm kín là tôi muốn thu thập những bài văn thất lạc của tôi trước đây trên Văn, Bách Khoa, Văn Học, Vấn Đề, Ý Thức, Trình Bày, Khởi Hành, Thời Tập và trên các tạp chí tỉnh lẻ. Quý bạn nào thấy bài tôi, xin cho tôi được một điểm phúc là sao lại. Có cơ hội tôi sẽ xuất bản.

NMT: Và sau hết, anh còn muốn tâm sự thêm với độc giả?

THT: Trong bài phỏng vấn của nhà thơ Triều Hoa Đại, tôi thú nhận động lực chính của việc xuất bản RBGT là sau khi đọc xong Nỗi Buồn Chiến tranh của Bảo Ninh. Tôi không thể ngờ sự ân cần của người đọc dành cho một trong những cây viết may mắn còn sót lại sau năm 1975 là to lớn đến dường nào.

Giá trị của RBGT tôi xin nhường cho độc giả. Nhân cơ hội này, tôi cũng xin cảm ơn nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh đã dành cho tôi một cơ hội để chia sẻ tâm sự và ý nghĩ của tôi về văn chương cùng bạn đọc. Cũng như những người đã đến với tôi, với tình và lửa.

Mục lục

Về một đại đội cũ	5
Những trang sách cũ	11
Con đường	17
Về sáng	23
Người hạ sĩ nhất	26
Sài Gòn	45
Đón Tết	49
Cánh diều trên đồng cỏ	53
Ngày ở Logan	58
Thư cho một người bạn thơ	64
Về một ngôi trường mất tên	70
Đối thoại với một nhà văn	76
Tản mạn về một con quái vật	84
Đêm cuối cùng	90
Ngày dài nhất	92
Phỏng vấn:	
Về một loài sậy biết đau - <i>Triều Hoa Đại</i>	101
Phỏng vấn THT - <i>Nguyễn Mạnh Trình</i>	113

Địa chỉ liên lạc
Trần Hoài Thư
P.O.BOX 58
S. BoundBrook, NJ 08880
tranhoaitu@yahoo.com

